



NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)
VŨ THỊ ÂN – TRẦN VĂN CHUNG
PHẠM THỊ KIM OANH – HOÀNG THỤY THANH TÂM

TIẾNG VIỆT

SÁCH GIÁO VIÊN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ LY KHA – TRỊNH CAM LY (đồng Chủ biên)

VŨ THỊ ÂN – TRẦN VĂN CHUNG

PHẠM THỊ KIM OANH – HOÀNG THỤY THANH TÂM

Tiếng Việt

Sách giáo viên



Chân trời sáng tạo TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo kính mến!

Sách giáo viên Tiếng Việt 4 là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo sách học sinh, vở bài tập *Tiếng Việt 4* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh *Tiếng Việt 4* theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn cấp Tiểu học.

Sách giáo viên Tiếng Việt 4 gồm hai tập, trình bày phương án tổ chức hoạt động cho các nội dung dạy học, tương ứng với từng bài học trong hai tập sách học sinh. Để tăng tính chủ động cho các thầy cô trong giảng dạy, các bài hướng dẫn cụ thể được biên soạn theo hướng những thiết kế có tính gợi ý, nêu một vài phương án để thầy cô lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học.

Ở đầu sách, các tác giả trình bày một số vấn đề chung như *Quan điểm biên soạn, Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 4*. Trong sách còn có phần phụ lục giúp các thầy cô thuận lợi hơn khi giảng dạy và sử dụng sách với các nội dung: *Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp Bốn, Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 4*.

Cùng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các tác giả đã nỗ lực để có được một tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt cho học sinh lớp Bốn khả thi, chất lượng, hiệu quả. Tuy vậy, cuốn sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những góp ý quý báu từ các thầy cô để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Các tác giả

MỤC LỤC

Lời nói đầu	Trang 3
Phần một – HƯỚNG DẪN CHUNG	
A. Những vấn đề chung	6
1. Quan điểm biên soạn	6
2. Một số điểm mới của sách giáo khoa <i>Tiếng Việt 4</i>	9
3. Cấu trúc sách và các bài học	11
B. Hướng dẫn dạy học	19
1. Bài mới	19
2. Bài ôn tập	24
C. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá	28
1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất	28
2. Hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên	29
3. Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá định kì	31
D. Một vài nội dung khác	31
1. Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp Bốn	31
2. Phân phối chương trình sách <i>Tiếng Việt 4, tập một</i>	35
Phần hai – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ	
Chủ điểm 1 TUỔI NHỎ LÀM VIỆC NHỎ (TUẦN 1 – 4)	45
Bài 1 Những ngày hè tươi đẹp	45
Bài 2 Đoá hoa đồng thoại	52
Bài 3 Gieo ngày mới	56
Bài 4 Lên nương	63
Bài 5 Cô bé ấy đã lớn	67
Bài 6 Người thiếu niên anh hùng	73
Bài 7 Sắc màu	77
Bài 8 Mùa thu	82
Chủ điểm 2 MÀNH GHÉP YÊU THƯƠNG (TUẦN 5 – 8)	87
Bài 1 Về thăm bà	87
Bài 2 Ca dao về tình yêu thương	92
Bài 3 Quả ngọt cuối mùa	97
Bài 4 Thân thương xứ Vàm	103
Bài 5 Một li sữa	108
Bài 6 Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu	113
Bài 7 Gió vườn	117
Bài 8 Cây trái trong vườn Bác	123

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TUẦN 9)	128
Tiết 1	129
Tiết 2	130
Tiết 3	130
Tiết 4	131
Tiết 5	133
Tiết 6 và tiết 7: Đánh giá giữa học kì I	133
Chủ điểm 3 NHỮNG NGƯỜI TÀI TRÍ (TUẦN 10 – 13)	135
Bài 1 Yết Kiêu	135
Bài 2 Mạc Đĩnh Chi	140
Bài 3 Sáng tháng Năm	144
Bài 4 Trống đồng Đông Sơn	149
Bài 5 Ai tài giỏi nhất?	153
Bài 6 Kì quan đề biển	159
Bài 7 Chuyện cổ tích về loài người	164
Bài 8 Những mùa hoa trên cao nguyên đá	170
Chủ điểm 4 NHỮNG ƯỚC MƠ XANH (TUẦN 14 – 17)	175
Bài 1 Ở Vương quốc Tương Lai	175
Bài 2 Cậu bé ham học hỏi	181
Bài 3 Thuyền trưởng và bầy ong	186
Bài 4 Hạt táo đã nảy mầm	192
Bài 5 Hái trăng trên đỉnh núi	198
Bài 6 Hướng dẫn tham gia cuộc thi vẽ	203
Bài 7 Nếu chúng mình có phép lạ	207
Bài 8 Những giai điệu gió	212
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TUẦN 18)	217
Tiết 1	217
Tiết 2	218
Tiết 3	219
Tiết 4	220
Tiết 5	222
Tiết 6 và tiết 7: Đánh giá cuối học kì I	222

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SÁCH *TIẾNG VIỆT 4*, BỘ SÁCH *CHÂN TRỜI SÁNG TẠO*

Ở phần *Hướng dẫn chung*, sách giáo viên (SGV) *Tiếng Việt 4*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* nêu những vấn đề có tính chất chung như *Quan điểm biên soạn*; *Những điểm mới của sách*; *Cấu trúc sách và các bài học*; *Tổ chức các hoạt động dạy học*; *Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá*,... trước khi trình bày các phương án dạy học cho từng bài cụ thể.

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN

Để đáp ứng mục đích biên soạn, quan điểm chung về biên soạn sách giáo khoa (SGK) *Tiếng Việt* cấp Tiểu học, nhóm tác giả (TG) quan niệm SGK *Tiếng Việt 4*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* cần dạy học ngôn ngữ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên, gần gũi với đời sống thực, hấp dẫn, khơi gợi được hứng thú của học sinh (HS) thông qua hệ thống ngữ liệu và cách khai thác phù hợp.

1.1. Yêu cầu của việc bảo đảm quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp

Nhóm TG quan niệm SGK *Tiếng Việt 4*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* đảm bảo: (1) Sự phù hợp giữa chương trình (CT), SGK với cách thức học tập, khả năng tham gia hoạt động học tập của HS; (2) Sự phù hợp với các đặc tính cá nhân của HS khi tham gia vào quá trình dạy học ngôn ngữ; (3) Việc tạo môi trường ngôn ngữ chân thật, tự nhiên, giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe.

1.1.1. Quan điểm giao tiếp

Để đảm bảo quan điểm giao tiếp trong việc biên soạn, nhóm TG biên soạn SGK *Tiếng Việt 4*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* tuân thủ sáu vấn đề sau:

1. Tập trung hình thành năng lực giao tiếp tiếng Việt cho HS.
2. Tổ chức các hoạt động đọc, viết, nói và nghe có mục đích giao tiếp.
3. Tổ chức bài học thành hệ thống hoạt động/ bài tập (BT).
4. Dạy học các kĩ năng ngôn ngữ gắn liền ngữ cảnh chân thực với HS.
5. Công nhận, khai thác, vận dụng kinh nghiệm ngôn ngữ, xã hội của HS.
6. Ưu tiên việc dạy ý nghĩa của ngôn từ hơn việc dạy cấu trúc, hình thức ngôn ngữ.

1.1.2. Quan điểm tích hợp

Để đảm bảo quan điểm tích hợp trong việc biên soạn, nhóm TG biên soạn SGK *Tiếng Việt 4* tuân thủ năm vấn đề sau:

1. Tích hợp dạy học bốn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.
2. Tích hợp dạy ngôn ngữ và dạy văn chương nhằm bồi dưỡng các phẩm chất, năng lực sử dụng ngôn ngữ.
3. Tích hợp dạy các giá trị văn hoá, giáo dục, phát triển nhân cách.
4. Tích hợp phát triển ngôn ngữ và tư duy.
5. Tích hợp dạy Tiếng Việt với các môn học và hoạt động giáo dục khác (Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục địa phương, Tin học và Công nghệ,...).

1.2. Quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp

1.2.1. Quan điểm giao tiếp và tích hợp được thể hiện qua việc biên soạn các bài học

a. SGK *Tiếng Việt 4* tạo điều kiện để giáo viên (GV) tổ chức dạy học và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS trên cùng một ngữ liệu nguồn: từ bài đọc, các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cũng như các kiến thức về tiếng Việt, văn học được rèn luyện và phát triển.

b. SGK *Tiếng Việt 4* tạo cơ sở để GV thực hiện hoạt động liên kết các hành vi ngôn ngữ; khai thác đa phương thức trong dạy học – sách tạo điều kiện để GV tổ chức cho HS thực hiện đồng thời nhiều hoạt động – việc sử dụng văn bản đa phương thức trong dạy học giúp HS tiếp thu kiến thức và phát triển các kĩ năng hiệu quả hơn. Ví dụ (VD): việc dạy đọc kết nối với việc tổ chức các hoạt động giúp HS nhận thức về các hành vi ngôn ngữ có trong văn bản, để từ đó HS có thể vận dụng vào việc tạo lập ngôn bản/ văn bản; hoặc hoạt động dạy viết mà sách thể hiện cũng sẽ giúp GV tổ chức kết hợp rèn luyện nhiều kĩ năng đồng thời (nhìn, nghe, đọc, vận động,...).

c. SGK *Tiếng Việt 4* liên kết các thể loại văn bản trong trục chủ điểm của bài học.

Chủ điểm kết nối nội dung các ngữ liệu dùng cho đọc, viết, nói và nghe.

Hoạt động tổ chức cho HS tiếp cận thể loại văn bản (hình thức) được thực hiện gắn kết với hoạt động tổ chức chiếm lĩnh nội dung của văn bản. Đây là cơ sở để tạo liên kết về nội dung: các BT, các hoạt động rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đều có nội dung gắn với chủ điểm của văn bản tập đọc, các hoạt động tổ chức khai thác, vận dụng ý tưởng, sự hiểu biết từ BT đọc sang BT nói, viết.

Trường liên tưởng được sách chú ý thể hiện xuyên suốt. GV có thể khai thác qua việc dạy học các đơn vị kiến thức, vì khi các thông tin được xử lí một cách kĩ lưỡng (gắn bó với những kinh nghiệm sống, hiểu biết của HS được liên kết chặt chẽ với nhau theo trường nghĩa) sẽ giúp quá trình ghi nhớ của HS trở nên có ý nghĩa; giúp HS thấy mục đích của việc học và giúp hình thành động cơ học tập tích cực ở HS.

d. SGK *Tiếng Việt 4* gia tăng tỉ lệ các văn bản thông tin với các thể loại cơ bản:

- Văn bản thông tin khoa học thường thức;
- Văn bản giới thiệu;
- Văn bản hướng dẫn;
- Văn bản hành chính (giấy mời, đơn từ, báo cáo,...).

Các thể loại văn bản trên góp phần giúp HS nâng cao năng lực đọc hiểu các thể loại văn bản bên cạnh văn bản văn chương.

Đồng thời sách chú ý đến việc khai thác các hiểu biết về đề tài, nội dung, thể loại văn bản, hành động ngôn ngữ của văn bản HS đọc hiểu sang ngôn bản/ văn bản HS tạo lập (nói, viết).

Mặt khác, sách cũng chú ý tới việc tích hợp dạy đọc, viết, nói và nghe với các môn học khác trong CT như: *Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Tin học, Công nghệ,...*

e. SGK *Tiếng Việt 4* thiết kế các hoạt động trong một bài học đi từ việc khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, vốn sống để HS rút ra ý nghĩa của việc đọc, viết; tự giác tham gia vào hoạt động đọc, viết và vận dụng các điều đã học để nói, viết. Quy trình khép kín và nâng cao này sẽ gia tăng năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tư duy cho HS.

Ngoài ra, SGK *Tiếng Việt 4* cũng thể hiện hoạt động đọc mở rộng (ĐMR) theo tiến trình hợp lí, giúp GV có thể tổ chức các hoạt động hướng dẫn HS ĐMR một cách có hiệu quả. Theo mô hình trục kĩ năng, các lĩnh vực kiến thức, đơn vị kiến thức và kĩ năng trọng tâm được *Tiếng Việt 4* thiết kế theo dạng vòng xoáy đồng tâm, triển khai và lặp lại để củng cố và nâng cao theo chủ điểm (sẽ tiếp tục được mở rộng, nâng cao ở các lớp trên trong toàn bộ cấp học).

1.2.2. Theo định hướng đổi mới được quy định trong CT giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, SGK *Tiếng Việt 4*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* chuyển tải những thành tựu giáo dục hiện đại qua các bài học, các chủ điểm với những tên gọi gần gũi, thân thuộc với HS, lấy HS làm trung tâm, phát triển và mở rộng dần theo vòng tròn đồng tâm.

Các nội dung giáo dục về sự chia sẻ, về những nét đẹp của văn hoá, phong tục tập quán được bố trí, sắp xếp hài hoà với các nội dung bài học.

Mặt khác, các nội dung về giáo dục bình đẳng giới, giáo dục đạo đức, bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, giáo dục ý thức về chủ quyền quốc gia, biển đảo, giáo dục lòng biết ơn lãnh tụ, anh hùng dân tộc,... được kết nối, lồng ghép qua các bài đọc hiểu, chính tả, kể chuyện, viết,...

Bên cạnh đó, những hình ảnh về HS dân tộc thiểu số, HS có hoàn cảnh khó khăn hoặc có nhu cầu đặc biệt, HS da màu,... được cân nhắc, cài đặt nhẹ nhàng qua một số bài đọc (*Lên nương, Một li sữa, Hái trắng trên đỉnh núi, Cậu bé gặt gió,...*), vẫn đảm bảo giữ được

màu sắc trong trẻo, hồn nhiên, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, tâm lí nhận thức, tâm lí phát triển của HS lớp Bốn ở mọi vùng miền đất nước.

Đặc biệt, các chủ điểm của sách *Tiếng Việt 4* được kế thừa và phát triển trên cơ sở SGK *Tiếng Việt 1*, SGK *Tiếng Việt 2* và SGK *Tiếng Việt 3*. Sự kế thừa này thể hiện rõ nguyên tắc đồng tâm xuyên suốt bộ sách. Đồng thời tạo điều kiện giúp GV và HS sử dụng sách *Tiếng Việt 4* hiệu quả hơn.

1.2.3. SGK *Tiếng Việt 4*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* chú trọng phát huy vai trò của kênh hình. Các kí hiệu dùng trong sách được thiết kế trên cơ sở gắn với hình ảnh của HS và sử dụng một số kí hiệu đã dùng trong sách *Tiếng Việt CT* giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2006 và sách *Tiếng Việt 3* (như kí hiệu *Giải nghĩa từ*, kí hiệu *Câu hỏi, bài tập*; kí hiệu *Mẫu*). Bộ kí hiệu có tác dụng “phạm trù hoá” các hoạt động vào từng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, đồng thời giúp tăng thêm tính hấp dẫn của sách đối với HS.

SGK *Tiếng Việt 4* được in với giấy chất lượng tốt, nhiều tranh ảnh được đầu tư công phu, nhờ vậy các trang sách có tính thẩm mỹ cao, tạo hứng thú cho HS. Vấn đề trường nhìn trong các văn bản đọc đều được chú ý thiết kế để phù hợp với trường nhìn của HS, giúp HS nâng cao tốc độ đọc và khả năng đọc hiểu.

Kèm với SGK là SGV gồm phần giới thiệu chung, hướng dẫn dạy học các kiểu bài và cách thiết kế *Kế hoạch bài dạy* ở từng bài học cụ thể mà sách học sinh (SHS) đã hiện thực hoá, cụ thể hoá CT.

Đồng thời, SGK *Tiếng Việt 4* còn gồm vở bài tập (VBT) (bao gồm các nội dung luyện từ, luyện câu, ĐMR, luyện viết,...) để giúp HS rèn luyện, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA SGK TIẾNG VIỆT 4

2.1. Tiếp nối Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3

Các đặc điểm về cấu trúc, nội dung tư tưởng, quan điểm biên soạn và triết lí giáo dục đã được khẳng định ở *Tiếng Việt 1*, *Tiếng Việt 2* và *Tiếng Việt 3*.

Chẳng hạn, cấu trúc các bài học của một chủ điểm, cấu trúc từng bài học; quan điểm giao tiếp và tích hợp trong biên soạn; triết lí dạy chữ – dạy người; ứng dụng những thành tựu của giáo dục học, tâm lí học hiện đại, tâm lí học nhận thức, tâm lí học ngôn ngữ của trẻ em trong việc lựa chọn hệ thống ngữ liệu, thiết kế BT.

Trong từng ngữ liệu của bài đọc và BT đều hướng tới mục đích giáo dục, chứa đựng triết lí giáo dục. Nội dung giáo dục HS ý thức về văn hoá truyền thống, ý thức về quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình,... luôn được chú trọng và cài đặt hài hoà với các nội dung rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

2.2. Thiết kế nội dung theo mạch chủ điểm và theo trình tự

Nội dung ngữ liệu để hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực được thiết kế theo mạch chủ điểm liên quan đến năm nội dung lớn theo mạch nhìn từ bản thân HS mở rộng ra thế giới xung quanh HS. Cụ thể như sau:

- ♦ Bản thân
- ♦ Gia đình
- ♦ Nhà trường
- ♦ Thiên nhiên và môi trường
- ♦ Quê hương, đất nước, thế giới

Không chỉ hoạt động đọc hiểu, mở rộng vốn từ (MRVT) mà tất cả các hoạt động dạy học như: *Viết* (đoạn văn, bài văn), *Nói và nghe* (theo đề tài hoặc thuyết trình, tranh luận, rèn kĩ năng kể chuyện),... cũng gắn bó chặt chẽ với năm mạch nội dung trên và với từng chủ điểm. Chẳng hạn, yêu cầu “Viết bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia” mà CT đề ra gắn với mạch nội dung *Bản thân, Nhà trường*,...

Năm nội dung trên tương ứng và tích hợp hàng ngang với các chủ điểm, nội dung của các môn học khác. Chẳng hạn, SGK các môn *Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Mỹ thuật, Âm nhạc*, đều có các mạch chủ điểm lớn tương tự và gần như song hành về thời điểm được học. Các bài đọc của các văn bản thông tin cho các mạch nội dung xã hội, thế giới tự nhiên, môi trường đều có sự kết nối chặt chẽ với CT và tài liệu dạy học môn *Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm*; hoặc nội dung giáo dục đạo đức, nhân cách trong các bài học cũng được xem xét trong mối quan hệ mật thiết với CT và tài liệu dạy học môn *Đạo đức, Mỹ thuật, Âm nhạc*,...

2.3. Thiết kế chủ điểm, bài học theo nguyên tắc liên kết tích hợp

Mỗi chủ điểm/ bài học đều được xây dựng theo một cấu trúc khép kín, liên kết, tích hợp theo cả trục ngang và trục dọc các nội dung, kĩ năng trong từng tuần học, bài đọc và BT, đảm bảo liên kết phần bài học và phần thực hành – luyện tập – vận dụng, giữa các tuần trong một mạch nội dung và giữa các nội dung lớn với nhau. Giáo dục HS từ việc biết yêu quý với những gì gắn bó, gần gũi, thân quen đến yêu quê hương, đất nước, cội nguồn dân tộc và hướng ra thế giới.

2.4. Thiết kế các kĩ năng theo trình tự hợp lí

Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được thiết kế, tính toán theo ma trận nhằm đảm bảo tính tiến trình theo hướng tăng dần về số lượng, chất lượng, độ khó.

Kĩ năng viết được thiết kế từ nhận diện thể loại (cấu trúc, nội dung, kĩ thuật viết,...) → phân tích yêu cầu của đề bài để xác định nội dung viết (trả lời câu hỏi *Viết về cái gì?*) → quan sát và tìm tư liệu để viết (quan sát trực tiếp, gián tiếp; chọn vị trí, thời điểm quan sát; sử dụng giác quan,...) → dựng đoạn (hình thành ý chính cho đoạn, phát triển ý, viết đoạn) → viết bài (liên kết đoạn) → chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả,...) → hoàn thiện bài viết. Trong đó, một số kĩ năng được kế thừa và phát triển mạch đã triển khai ở lớp Hai và lớp Ba; lên lớp Bốn, các kĩ năng này được cài đặt nâng cao qua hệ thống BT phù hợp với các chủ điểm cũng như giai đoạn của từng học kì.

Hoạt động ĐMR được bắt đầu từ nêu tên văn bản, tên TG, nguồn, chi tiết thích nhất đến việc nêu nội dung, bài học được rút ra, đánh giá về bài/ truyện đọc; từ chia sẻ với bạn đến việc biết hỏi lại điều mình chưa rõ; từ việc viết *Nhật kí đọc sách* kết hợp lúc đọc sách đến việc chia sẻ trong giờ ĐMR trên lớp; từ tìm đọc trong sách báo đến tìm đọc trên internet,... đều thể hiện được trình tự hợp lí của hoạt động nhận thức cũng như hoạt động rèn luyện kĩ năng.

2.5. Thiết kế quy trình khép kín cho các hoạt động rèn luyện và phát triển kĩ năng

Bên cạnh việc chú ý tính tích hợp, liên kết chặt chẽ giữa ngữ liệu đọc với việc phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; mỗi kĩ năng riêng biệt còn được chú ý thiết kế theo một quy trình hướng dẫn quá trình nhận thức khép kín cho người học nhằm đảm bảo tính phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS, tính trọn vẹn của một kĩ năng, hướng đến việc HS tự khám phá, tự làm chủ quy trình thực hiện một kĩ năng ngôn ngữ.

Chẳng hạn, đối với kĩ năng nói và nghe, nhóm TG chủ đích sắp xếp nội dung đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Mỗi yêu cầu như *nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ* (VD: tranh ảnh, sơ đồ,...); *trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống*,... đều được hình thành kĩ năng theo các bước:

Bước 1: Xác định yêu cầu nói (chọn yêu cầu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Bốn, gần với văn bản đọc hoặc gần gũi với cuộc sống của HS,...).

Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, tìm ý và phát triển nội dung cho bài nói.

Bước 3: Thực hành nói trong nhóm (trên cơ sở nội dung đã chuẩn bị), nghe nhận xét, đánh giá để chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói (về nội dung, hình thức,...).

Bước 4: Thực hành nói trước lớp (dựa trên kết quả nói).

3. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CÁC BÀI HỌC

3.1. Cấu trúc chung của sách

Theo quy định của CT giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, môn Tiếng Việt cấp Tiểu học, SGK *Tiếng Việt 4*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* biên soạn cho 35 tuần thực học, tổng cộng 245 tiết; chia thành hai tập:

– Tập một có 4 chủ điểm, tương ứng với 16 tuần học và 2 tuần ôn tập – kiểm tra đánh giá.

– Tập hai có 4 chủ điểm tương ứng với 15 tuần học (chủ điểm 8 gồm 3 tuần) và 2 tuần ôn tập – kiểm tra đánh giá.

3.1.1. Cấu trúc chủ điểm

– *Về thời lượng:*

Mỗi chủ điểm gồm 4 tuần học, mỗi tuần 7 tiết, mỗi buổi/ ngày 1 → 2 tiết, có thể xếp linh hoạt vào các buổi/ ngày học chính khoá. Ngoài ra, các trường có thể xếp thêm 1 – 2

tiết ôn luyện Tiếng Việt mỗi tuần tạo điều kiện cho HS luyện đọc, viết và làm BT để củng cố các kĩ năng đã học và MRVT.

– Về số bài và kiểu bài:

Mỗi chủ điểm có 8 bài đọc hiểu kèm theo các nội dung thực hành luyện tập các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Mỗi bài học đều bắt đầu bằng hoạt động *Khởi động* và kết thúc bằng hoạt động *Vận dụng*.

– Về loại thể văn bản:

Mỗi chủ điểm có 8 văn bản, trong đó tỉ lệ giữa văn bản thơ, truyện, miêu tả và thông tin luôn được chú trọng, đảm bảo tính cân đối, hài hoà theo yêu cầu của CT và được bố trí nhất quán suốt hai tập sách:

+ Văn bản truyện: bài 1 và bài 5

+ Văn bản thông tin: bài 2 và bài 6

+ Văn bản thơ: bài 3 và bài 7

+ Văn bản miêu tả: bài 4 và bài 8

	CHỦ ĐIỂM	TUẦN	TÊN CHỦ ĐIỂM	GHI CHÚ
TẬP 1 (18 tuần)	1	1, 2, 3, 4	Tuổi nhỏ làm việc nhỏ	18 tuần cho 4 chủ điểm và 2 tuần ôn tập
	2	5, 6, 7, 8	Mảnh ghép yêu thương	
		9	Ôn tập giữa học kì I	
	3	10, 11, 12, 13	Những người tài trí	
	4	14, 15, 16, 17	Những ước mơ xanh	
		18	Ôn tập cuối học kì I	
TẬP 2 (17 tuần)	5	19, 20, 21, 22	Cuộc sống mến yêu	17 tuần cho 4 chủ điểm và 2 tuần ôn tập
	6	23, 24, 25, 26	Việt Nam quê hương em	
		27	Ôn tập giữa học kì II	
	7	28, 29, 30, 31	Thế giới quanh ta	
	8	32, 33, 34	Vòng tay thân ái	
		35	Ôn tập cuối học kì II	

Sự phân bố và tỉ lệ thể loại văn bản vừa nêu trên cũng tiếp nối nhất quán với *Tiếng Việt 1* (Phần *Luyện tập tổng hợp*), *Tiếng Việt 2* và *Tiếng Việt 3*.

3.1.2. Cấu trúc bài học

Vừa tiếp nối vừa tạo ra sự khác biệt với SGK *Tiếng Việt 2* và SGK *Tiếng Việt 3*, mỗi chủ điểm ở SGK *Tiếng Việt 4* được thiết kế gồm 8 bài học, mỗi bài học được thiết kế gồm 3 hoạt động chính: *Khởi động*, *Khám phá và luyện tập*, *Vận dụng*.

3.1.2.1. Cấu trúc chung

► Phần 1: KHỞI ĐỘNG

– Mở đầu bài học đều là hoạt động *Khởi động* nhằm kết nối trải nghiệm của người học với bài học và văn bản đọc.

– Phần *Khởi động* gồm (các) câu lệnh và thường kèm tranh ảnh, từ ngữ gợi ý,... để khơi gợi hứng thú cho HS, giúp HS kết nối với bài học từ những trải nghiệm về văn hoá, xã hội, ngôn ngữ đã có. Các hoạt động được tổ chức chủ yếu thông qua hoạt động nói, trao đổi, chia sẻ, hướng tới hình thành năng lực giao tiếp và hợp tác.

► Phần 2: KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

① Đọc

* Đọc văn bản

– Văn bản đọc và tranh minh hoạ:

+ Phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc (nếu có) được trình bày dưới phần *Khởi động*.

+ Kèm theo phần văn bản đọc có thể có phần giải nghĩa từ khó, vừa giúp HS nâng cao năng lực đọc trôi chảy, vừa tạo điều kiện để HS nắm nội dung bài đọc. (Một số từ ngữ khó gắn với ngữ cảnh được chú giải trong SGK.)

– Câu hỏi, bài tập:

Sau phần văn bản đọc và tranh minh hoạ bài đọc là *Câu hỏi, bài tập* hướng dẫn tìm hiểu bài bao gồm câu hỏi đọc hiểu nội dung và câu hỏi đọc hiểu hình thức, câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối và yêu cầu học thuộc lòng.

* *ĐMR*: Hoạt động *ĐMR* xuất hiện ở bài 3 và bài 7, trong sự gắn kết nội dung và kĩ năng với bài đọc nhằm hướng dẫn, hỗ trợ HS tìm đọc thêm các văn bản văn chương (truyện, thơ, văn xuôi miêu tả) và văn bản thông tin, nội dung gắn với chủ điểm đang học.

② Nói và nghe

Hoạt động *Nói và nghe* xuất hiện ở bài 2 và bài 6, ngay sau hoạt động đọc, gồm:

- Các BT rèn luyện kĩ năng nói, nói và nghe tương tác gắn với nội dung chủ điểm.
- Các BT rèn luyện kĩ năng nói, nghe thông qua nghe – kể một câu chuyện gắn với nội dung chủ điểm.

③ Luyện từ và câu

Hoạt động *Luyện từ và câu* xuất hiện ở bài 1, bài 3, bài 4, bài 5, bài 7 và bài 8, gồm các BT, câu hỏi để rèn luyện kĩ năng sử dụng từ, viết câu theo yêu cầu cần đạt của CT.

④ Viết (viết đoạn văn, bài văn)

Hoạt động *Viết* xuất hiện ở tất cả các bài học, với hệ thống BT nhận diện thể loại, tìm ý, viết, trả bài viết.

► Phần 3: VẬN DỤNG

Phần *Vận dụng* nhằm giúp HS vận dụng những nội dung đã học vào môn Tiếng Việt và các môn học khác, đặc biệt vào thực tế đời sống, kết hợp phát triển ngôn ngữ cho HS với những hình thức thông dụng, được các em yêu thích như chơi trò chơi, đọc thơ, đóng vai, hát,... Việc tích hợp ngôn ngữ với vận động, âm nhạc,... trong đó ngôn ngữ là chính và là nền tảng sẽ tạo thêm một cơ hội để HS rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

Hoạt động *Vận dụng* chủ yếu hướng tới hình thành năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. (HS có thể thực hiện cùng bạn hoặc người thân, ở trong hoặc ngoài nhà trường. Nếu có yêu cầu thực hiện cùng người thân, GV hướng dẫn thực hiện và có thể tổ chức cho HS tập dượt trước bằng cách thực hiện cùng bạn ở lớp vào cuối tiết – nếu còn thời gian.)

3.1.2.2. Các mục trong một bài học

<u>Bài 1, bài 5:</u> (4 tiết) (1) Khởi động (2) Khám phá và luyện tập: – Đọc (văn bản truyện) – Luyện từ và câu – Viết (3) Vận dụng: <i>Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống</i>	<u>Bài 2, bài 6:</u> (3 tiết) (1) Khởi động (2) Khám phá và luyện tập: – Đọc (văn bản thông tin) – Nói và nghe – Viết (3) Vận dụng: <i>Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống</i>
<u>Bài 3, bài 7:</u> (4 tiết) (1) Khởi động (2) Khám phá và luyện tập: – Đọc (văn bản thơ) + Đọc mở rộng – Luyện từ và câu – Viết (3) Vận dụng: <i>Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống</i>	<u>Bài 4, bài 8:</u> (3 tiết) (1) Khởi động (2) Khám phá và luyện tập: – Đọc (văn bản miêu tả) – Luyện từ và câu – Viết (3) Vận dụng: <i>Vận dụng nội môn hoặc vận dụng cuộc sống</i>

3.2. Ngữ liệu

3.2.1. Ngữ liệu dạy học

3.2.1.1. Văn bản văn học

Tỉ lệ khoảng 75%, gồm các văn bản văn chương dùng làm ngữ liệu cho hoạt động đọc hiểu (và gợi ý cho hoạt động ĐMR) bao gồm: truyện (truyện cổ, truyện đồng thoại, truyện hiện đại, truyện viễn tưởng, kịch,...), thơ, văn miêu tả (bài văn). Văn bản văn học được chọn lọc, sử dụng tác phẩm viết cho thiếu nhi của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Trần Hoài Dương, Xuân Quỳnh, Trần Đức Tiến, Định Hải, Tố Hữu, Nguyễn Trọng Tạo,

Cao Xuân Sơn, Hà Đình Cẩn, Lê Thị Mỹ, Võ Thanh An,... Nhóm TG cũng chọn lọc đưa vào một số tác phẩm của các nhà văn trẻ như Nguyễn Thị Bích Ngọc (Bảo Ngọc), Lục Mạnh Cường, Trương Huỳnh Như Trân, Nguyễn Thị Việt Hà,... Ngoài ra, nhóm TG cũng chú ý đến việc lựa chọn đưa vào sách một số tác phẩm văn học nước ngoài của các nhà văn lớn như Ai-ma-tốp (Aitmatov), Giuyn Véc-nơ (Jules Verne), Mát-téc-lích (Maeterlinck),... do các dịch giả nổi tiếng như Cao Xuân Hạo, Giang Hà Vy,... chuyển ngữ.

3.2.1.2. Văn bản thông tin

Tỉ lệ khoảng 25% dành cho văn bản thông tin (bài đọc) gồm văn bản thông tin khoa học thường thức, văn bản giới thiệu, văn bản hướng dẫn, văn bản thông báo, đơn từ, tin tức, thư mời, báo cáo,... Các văn bản đều được lựa chọn từ các nguồn đáng tin cậy như sách khoa học thường thức, truyện danh nhân..., các trang thông tin chính thức của các cơ quan, tổ chức,... Để phù hợp với việc dạy đọc, một số văn bản thông tin như văn bản hướng dẫn, văn bản thông báo, đơn từ, thư mời, báo cáo,... được lồng ghép trong quá trình dạy nói và nghe, viết đoạn văn, bài văn hay hoạt động vận dụng.

3.2.2. Ngữ liệu dạy các nội dung khác

Ngữ liệu dùng để dạy viết, nói và nghe cũng như dùng để dạy luyện từ và câu cũng được chọn lọc một cách nghiêm túc, cân trọng từ các tác phẩm viết cho thiếu nhi của các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Băng Sơn, Vũ Tú Nam, Tô Hoài, Đoàn Giỏi, Võ Quảng, Mai Văn Tạo, Xuân Quỳnh, Trần Đăng Khoa, Ngô Quân Miện, Phạm Đức, Nguyễn Trọng Tạo,... Ngoài các tác phẩm văn học viết, các tác giả còn chọn lọc thêm một số tác phẩm văn học dân gian như ca dao, đồng dao, vè,...

3.2.3. Phân bố văn bản trong một chủ điểm

Mỗi chủ điểm gồm 8 văn bản được nhóm TG sắp xếp theo thứ tự: văn bản truyện, văn bản thông tin, văn bản thơ, văn bản miêu tả (lặp lại hai lần). Tỉ lệ này được kiểm soát ở phần đọc hiểu và cả phần ĐMR.

Tuy nhiên, để phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí – nhận thức của HS lớp Bốn, ngôn ngữ, cách diễn đạt ở các văn bản cung cấp thông tin khoa học thường thức, văn bản giới thiệu không “thuần túy” theo logic rõ ràng và chặt chẽ về thể loại văn bản khoa học.

3.3. Nội dung dạy học

Trên cơ sở nội dung và yêu cầu cần đạt của CT giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn quy định đối với lớp Bốn, SGK *Tiếng Việt 4*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* trình bày các mạch chính: đọc, viết, nói và nghe, kiến thức tiếng Việt, văn học và ôn tập, kiểm tra.

3.3.1. Đọc

3.3.1.1. Đọc thành tiếng và đọc hiểu

Mỗi bài đọc được thiết kế gồm văn bản đọc, tranh minh họa, giải nghĩa từ, câu hỏi, BT đọc hiểu.

Dựa vào yêu cầu của CT về số chữ đối với từng thể loại văn bản, nhóm TG đã chia thành các “chặng”, tăng dần độ dài văn bản trên cơ sở tiếp nối lớp Hai, lớp Ba và đảm bảo đạt số chữ CT quy định vào cuối năm học.

Về nội dung câu hỏi, BT, nhóm TG chú trọng đến câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối, câu hỏi gắn với đặc trưng thể loại nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu cho HS.

Về hình thức câu hỏi, BT, nhóm TG cũng lưu ý tăng cường hình thức trắc nghiệm bên cạnh hình thức tự luận. Đặc biệt, một số câu hỏi được gợi ý dưới dạng kênh hình hỗ trợ HS lựa chọn đáp án hoặc nói câu trả lời.

3.3.1.2. Đọc mở rộng

Thể loại, nội dung văn bản đọc cũng như yêu cầu ĐMR cũng được tính toán đảm bảo yêu cầu về kĩ năng tăng dần qua các “chặng”.

Đặc biệt, ở mỗi thể loại văn bản, nhóm TG có thiết kế một số gợi ý về cách tìm văn bản, cách đọc, cách ghi chép *Nhật kí đọc sách*, nội dung trao đổi với bạn sau khi đọc,... như một hình thức gợi ý, hướng dẫn cho GV trong quá trình tổ chức hoạt động ĐMR ở từng bài học.

3.3.2. Viết

3.3.2.1. Viết (kĩ thuật)

Theo CT giáo dục phổ thông 2018, ở lớp Bốn, nội dung dạy viết kĩ thuật chỉ có “Viết tên riêng của cơ quan, tổ chức”, các nội dung khác như viết tên người, viết tên địa phương, chính tả ngữ nghĩa, chính tả phương ngữ,... được tích hợp trong các nội dung *Luyện từ và câu, Viết đoạn văn, bài văn*.

Bài tập hỗ trợ HS rèn kĩ năng viết tên riêng của cơ quan, tổ chức được bố trí ở 4 tuần ôn tập, đánh giá định kì.

3.3.2.2. Viết (đoạn văn, bài văn)

Theo CT giáo dục phổ thông 2018, ở lớp Bốn, nội dung dạy viết đoạn văn, bài văn gồm:

– Viết được bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia và chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình về sự việc đó.

– Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe hoặc viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe.

– Viết được bài văn miêu tả con vật, cây cối; sử dụng nhân hoá và những từ ngữ gợi lên đặc điểm nổi bật của đối tượng được tả.

– Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một nhân vật trong văn học hoặc một người gần gũi, thân thiết.

– Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– Viết được văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm gồm 2 – 3 bước.

– Viết được báo cáo thảo luận nhóm, đơn theo mẫu, thư cho người thân, bạn bè.

Về thể loại, một số kiểu bài như thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia; viết bài văn miêu tả; viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc; viết đơn; viết thư,... HS đã được học ở các lớp dưới. Một số kiểu bài như viết bài văn kể chuyện; viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe; viết văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm; viết báo cáo thảo luận nhóm,... HS được học mới.

Về kĩ năng, ở lớp Ba, hầu hết HS được rèn kĩ năng viết đoạn văn hoặc văn bản ngắn. Lên lớp Bốn, có thêm yêu cầu viết bài văn.

Để khai thác được tối đa những kĩ năng viết đoạn văn, bài văn HS đã được hình thành ở các lớp dưới, sách thiết kế đủ các nội dung, đảm bảo yêu cầu cần đạt của CT, đồng thời sắp xếp theo trình tự rèn luyện kĩ năng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp với các đề bài gần gũi, quen thuộc, gắn với chủ điểm, văn bản đọc và với thực tiễn cuộc sống, học tập của HS.

3.3.3. Nói và nghe

Yêu cầu cần đạt về kĩ năng nói và nghe theo yêu cầu của CT được hình thành thông qua một số hoạt động/ dạng BT:

– Nói nghe tương tác được thiết kế ở hoạt động *Khởi động* của tất cả các bài. HS được nói, trao đổi, chia sẻ dựa trên kinh nghiệm xã hội và ngôn ngữ về một vấn đề liên quan tới nội dung bài đọc để dẫn vào bài.

– Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ (VD: tranh ảnh, sơ đồ,...).

– Kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó.

– Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống.

– Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện thông qua kiểu bài kể lại một câu chuyện đã nghe, đã đọc gắn với chủ đề.

– Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác (kết hợp khi dạy một số dạng bài nói, kể, trình bày, thảo luận,...).

– Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.

– Ôn luyện lại một số nghi thức lời nói đã được hình thành ở lớp Hai, lớp Ba trong quá trình hình thành kĩ năng nói và nghe hoặc ở hoạt động *Vận dụng*,...

Mỗi hoạt động/ dạng BT được thiết kế lặp lại từ 3 – 5 lần để đáp ứng yêu cầu hình thành kĩ năng. Ngữ cảnh nói đa số gắn với chủ điểm, văn bản đọc, kĩ năng viết đoạn văn,

bài văn hoặc gắn với thực tiễn cuộc sống. Hình thức tổ chức hoạt động nói và nghe phong phú, đa dạng.

3.3.4. Kiến thức tiếng Việt, văn học

3.3.4.1. Kiến thức tiếng Việt

Kiến thức tiếng Việt được dạy thông qua việc hình thành các kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

– Từ ngữ: mở rộng vốn từ (MRVT) theo chủ đề và theo bài học; công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển; một số yếu tố Hán Việt thông dụng; một số thành ngữ thông dụng; luyện tập lựa chọn sử dụng từ theo ngữ cảnh.

– Từ loại: danh từ, động từ, tính từ, danh từ chung, danh từ riêng.

– Câu: thành phần chính của câu, thành phần phụ của câu; dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép, dấu ngoặc đơn.

– Biện pháp nhân hoá: đặc điểm và tác dụng.

– Câu chủ đề của đoạn văn: đặc điểm và chức năng.

Các nội dung trên đều được kết hợp hài hoà, chặt chẽ với các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

Các khái niệm được hình thành cho HS thông qua hoạt động phân tích mẫu, tạo điều kiện cho HS vận dụng, sử dụng ngôn ngữ giao tiếp để giải quyết vấn đề, từ đó, tiếp nhận kiến thức mới một cách tự nhiên, nhẹ nhàng.

Mỗi mạch kiến thức được dạy lặp lại có chủ đích với hệ thống BT được thiết kế từ dễ đến khó. Hình thức BT đa dạng, chú trọng cho HS chủ động thực hành và vận dụng.

3.3.4.2. Kiến thức văn học

HS được học các kiến thức về chủ đề, đặc điểm nhân vật, hình ảnh trong thơ, lời thoại trong kịch bản văn học thông qua các hoạt động như trả lời câu hỏi đọc hiểu, ĐMR, nói và nghe tương tác,...

3.4. Hình thức trình bày sách

Như đã trình bày ở phần cấu trúc bài học, để tránh lúng túng trong việc phân định hoạt động *Khám phá* và hoạt động *Luyện tập*, nhóm TG chọn giải pháp gộp chung hai hoạt động này và gọi là *Khám phá và luyện tập*. Vì vậy, SGK *Tiếng Việt 4*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* trình bày các hoạt động theo 3 nhóm chính: *Khởi động*, *Khám phá và luyện tập*, *Vận dụng*. Nhóm hoạt động *Khám phá và luyện tập* bao gồm các hoạt động được nhận diện bằng các kí hiệu: kí hiệu *Đọc*, kí hiệu *Luyện từ và câu*, kí hiệu *Nói và nghe*, kí hiệu *Viết*. Ngoài ra, sách sử dụng thêm 5 kí hiệu: kí hiệu *Giải nghĩa từ*; kí hiệu *Câu hỏi, bài tập*; kí hiệu *Mẫu*; kí hiệu *Ghi nhớ*; kí hiệu *Tự học*.

Nhóm TG cố gắng kết hợp hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình, vừa đảm bảo yêu cầu đọc hiểu văn bản đa phương thức vừa giúp trang sách thoáng, đẹp, hấp dẫn HS.

Mỗi tập sách gồm: *Bảng kí hiệu dùng trong sách, Lời nói đầu, Mục lục* và các bài học được sắp xếp theo chủ điểm. Cuối sách là *Bảng tra cứu thuật ngữ, Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*.

B. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

Do đặc điểm của nội dung dạy học *Tiếng Việt 4*, ở phần *Hướng dẫn chung*, tài liệu trình bày: (1) Gợi ý tổ chức dạy học bài học mới, (2) Gợi ý tổ chức dạy học bài ôn tập.

Kiểu bài học mới hay bài ôn tập đều có yêu cầu cần đạt. Yêu cầu cần đạt là kết quả HS đạt được trong và sau mỗi bài học. Yêu cầu cần đạt của từng bài học, tiết học được trình bày trong các bài soạn ở cuốn sách này được TG biên soạn thiết kế theo *yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe* cho HS lớp Bốn mà CT đã nêu. Do đó, bên cạnh việc dựa vào các bài học ở SHS, dựa vào CT, GV cần dựa trên thực tế *phẩm chất, năng lực* của HS để có thể linh hoạt điều chỉnh yêu cầu cần đạt sao cho phù hợp với HS lớp mình giảng dạy. Chẳng hạn, nếu thực tế HS trên mức chuẩn tối thiểu, thì GV sẽ nâng yêu cầu cần đạt; nếu HS chưa đạt chuẩn tối thiểu, GV sẽ tìm cách điều chỉnh để giúp HS đạt chuẩn tối thiểu.

Để thuận tiện cho GV, phần yêu cầu cần đạt của tài liệu này sẽ được thiết kế theo dạng yêu cầu cần đạt của từng hoạt động. Các yêu cầu cần đạt sẽ được đánh số thứ tự. Về cơ bản, thứ tự của các yêu cầu cần đạt tương ứng với thứ tự của các hoạt động.¹

Để yêu cầu cần đạt ở mỗi chủ điểm, mỗi bài học không gây cảm giác “cồng kềnh”, tránh được sự “trùng lặp nhàm chán”, *phần yêu cầu cần đạt về phẩm chất* như bồi dưỡng ở HS *lòng yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực* sẽ được viết ở phần mở đầu mỗi chủ điểm. Cũng nhằm tránh trùng lặp, *phần yêu cầu cần đạt về năng lực chung* như phát triển ở HS *năng lực giao tiếp và hợp tác* qua hoạt động nhóm và cả lớp; *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* qua các hoạt động chính của mỗi bài học (*Khởi động, Khám phá, Luyện tập và vận dụng*); *năng lực tự chủ và tự học* qua hoạt động học cá nhân, được trình bày và được thể hiện tích hợp trong các hoạt động và yêu cầu cần đạt của hoạt động.

1. BÀI MỚI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Dựa vào kết quả của hoạt động khởi động, trao đổi được với bạn về:

- Những nội dung mà tên chủ điểm gợi ra².
- Phỏng đoán về nội dung mà tên bài học, bài đọc và tranh minh họa gợi ra.

¹ Chọn cách viết yêu cầu cần đạt theo hoạt động, tác giả nhằm tránh tình trạng trùng lặp trong diễn đạt mà những cách viết khác khó tránh được. Ngoài ra cách viết này giúp người đọc thấy được các hoạt động cũng như trình tự các hoạt động trong một bài dạy học.

² Hoạt động này chỉ có ở bài 1 của chủ điểm, các bài tiếp theo chỉ khai thác tên bài học và tên bài đọc – tên văn bản đọc.

2. Đọc trơn bài đọc, ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Thông qua thực hiện các câu hỏi, bài tập đọc hiểu, hiểu được nội dung, ý nghĩa của bài đọc, biết liên hệ bản thân.

3. Thực hiện được hoạt động nói và nghe (bài 2 hoặc bài 6).

4. MRVT theo chủ điểm, từ điển và tra từ điển hoặc nhận diện và sử dụng được từ loại (danh từ, động từ, tính từ); câu và thành phần chính của câu, trạng ngữ, dấu câu; biện pháp tu từ nhân hoá; đoạn văn, văn bản (bài 1, bài 3, bài 4, bài 5, bài 7 và bài 8).

5. Viết được đoạn văn, bài văn về một chủ đề theo gợi ý (ở tất cả các bài học).

6. Tìm đọc một văn bản theo thể loại, viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được về văn bản đã đọc (bài 3 và bài 7).

7. Thực hành một nội dung vận dụng ngôn ngữ liên quan đến bài học hoặc thực tiễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật (nếu có) dùng minh hoạ.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác, video clip (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần luyện đọc.
- Thẻ từ, thẻ câu hỗ trợ HS tìm từ ngữ, chơi trò chơi,...
- Sách, báo có truyện, bài thơ, bài văn, bài đọc và *Nhật kí đọc sách* cho hoạt động ĐMR³.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG⁴

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm (bài 1); HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hỏi đáp về những sự vật, hiện tượng,... có liên quan theo gợi ý và câu hỏi/ câu lệnh ở phần khởi động.

– HS kết nối sản phẩm của hoạt động khởi động với tên bài và tranh/ ảnh minh hoạ để phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc văn bản

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV hoặc bạn đọc mẫu.

³ HS tự chuẩn bị văn bản đọc, đọc văn bản, viết *Nhật kí đọc sách* và mang tới lớp theo hướng dẫn của GV ở cuối tiết học trước.

⁴ Tùy thực tế bài học, thực tế HS, GV chủ động tổ chức hoặc không tổ chức việc kiểm tra bài cũ – cho HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và đọc một số từ ngữ khó do ảnh hưởng của biến thể phương ngữ (Việc xác định từ ngữ khó đọc tùy thuộc vào đối tượng HS và tình hình thực tế khi GV tổ chức hoạt động học tập trên lớp. GV có thể dự đoán trước các từ ngữ khó đọc với từng đối tượng/ nhóm đối tượng HS trong lớp để chủ động tổ chức hoạt động này. Hoạt động này có thể thực hiện chung trước lớp, cũng có thể thực hiện trong nhóm.); hướng dẫn cách ngắt nghỉ theo logic ngữ nghĩa; kết hợp giải nghĩa một số từ ngữ khó (Từ ngữ khó lựa chọn ở phần luyện đọc thành tiếng là từ ngữ mới hoặc phương ngữ, chỉ có nghĩa từ điển).

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích và nghe GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó. (Từ ngữ khó lựa chọn ở phần luyện đọc hiểu là từ mới hoặc từ xuất hiện với nghĩa mới gắn với ngữ cảnh.)

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc trong SHS. (Khi HS trả lời, GV hướng dẫn HS cách nhắc lại một phần câu hỏi kết hợp với ý trả lời, phát triển ý trả lời; khuyến khích HS bày tỏ ý kiến cá nhân ở những câu hỏi vận dụng.)

– HS rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc trên cơ sở tìm hiểu bài dưới sự hướng dẫn của GV.

– HS tự suy nghĩ hoặc thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi kết nối bài đọc với thực tiễn (nếu có).

1.1.3. Luyện đọc lại/ học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn cần luyện đọc thêm/ học thuộc lòng (GV đã chọn và ghi bảng phụ).

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn luyện đọc thêm hoặc học thuộc lòng theo phương pháp tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay từ ngữ bằng hình ảnh,... (GV có thể tổ chức một số hình thức luyện đọc lại như thi đọc cá nhân/ nhóm hoặc đọc phân vai.) Khuyến khích HS tự học thuộc lòng đoạn thơ, đoạn văn trên cơ sở đã được rèn luyện kỹ năng học thuộc lòng ở các lớp dưới.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.2. Đọc mở rộng

1.2.1. Tìm bài đọc và viết Nhật kí đọc sách

– HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một văn bản theo hướng dẫn của GV (GV lưu ý giao nhiệm vụ ĐMR cho HS trước ít nhất 1 tuần, cũng có thể giao theo chủ điểm để HS chủ động; khuyến khích HS đa dạng nguồn tìm văn bản. Ở những địa phương khó khăn, GV có thể hỗ trợ HS tìm kiếm văn bản đọc từ sách báo giấy hoặc

từ internet. Nội dung văn bản được đề xuất trong SHS chỉ có tính chất gợi ý. Tùy thuộc đối tượng HS và điều kiện thực tiễn địa phương, GV hướng dẫn HS lựa chọn văn bản đọc có số chữ và thể loại theo yêu cầu cần đạt (YCCĐ), nội dung gắn với 5 mạch nội dung chính của sách: *Bản thân; Gia đình; Nhà trường; Thiên nhiên và môi trường; Quê hương, đất nước, thế giới.*

- Viết *Nhật kí đọc sách* (có thể dựa vào một số gợi ý trong SHS).
- Trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung văn bản đã đọc.

1.2.2. Chia sẻ về văn bản đọc và Nhật kí đọc sách

- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về văn bản đọc dựa vào nội dung đã đọc hoặc ghi chép ở *Nhật kí đọc sách*. HS có thể đọc hoặc chia sẻ văn bản trong nhóm.
- HS chia sẻ thêm về văn bản đọc dựa vào gợi ý trong SHS.
- Một vài HS chia sẻ *Nhật kí đọc sách* trước lớp hoặc dán *Nhật kí đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

- HS xác định yêu cầu của BT, đọc các tình huống và gợi ý, quan sát tranh ảnh minh hoạ (nếu có).
- HS trả lời một số câu hỏi/ câu lệnh.
- HS nói đơn thoại hoặc tham gia hội thoại trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (tùy vào yêu cầu của BT) nội dung phù hợp với tình huống.
- Một số cá nhân hoặc nhóm HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Luyện từ và câu

3.1. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT, quan sát mẫu, đọc ngữ liệu, quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có).
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được và làm BT phát triển để tích cực hoá vốn từ (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.2. Luyện câu

- HS xác định yêu cầu của BT, quan sát mẫu và đọc ngữ liệu, quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có).

– HS xác định thành phần câu/ đặt câu/ lựa chọn dấu câu/ lựa chọn hoặc tìm từ ngữ cần điền,... theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– HS nói trước lớp câu/ dấu câu/ từ ngữ,... để hoàn thành câu theo yêu cầu BT.

– HS nghe bạn và GV nhận xét bài làm của mình.

– HS viết vào VBT nội dung mình đã làm.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Viết (viết đoạn văn, bài văn)

4.1. Bài tập viết đoạn văn

Bước 1: Xác định yêu cầu viết (trả lời câu hỏi *Viết về cái gì?*).

Bước 2: Quan sát, tìm tư liệu viết và hình thành ý chính cho đoạn viết với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển ý cho đoạn viết.

Bước 3: Viết đoạn văn (trên cơ sở ý đã hình thành, có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu có mối liên kết với nhau).

Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn viết (bổ cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

Thực tế, để khai thác triệt để những kỹ năng viết đoạn văn đã hình thành ở các lớp dưới, một số tiết có sự điều chỉnh giảm hoặc ghép các bước nêu trên.

4.2. Bài tập viết bài văn

4.2.1. Bài tập viết văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm; viết báo cáo thảo luận nhóm, đơn theo mẫu, thư cho người thân, bạn bè,...

Bước 1: Nhận diện thể loại (chọn văn bản mẫu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Bốn), phân tích cấu tạo, cách triển khai,...

Bước 2: Quan sát, tìm tư liệu viết và hình thành ý chính cho văn bản viết với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển ý cho văn bản viết.

Bước 3: Viết văn bản (trên cơ sở ý đã hình thành).

Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện văn bản (bổ cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

4.2.2. Bài tập viết bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia; viết bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe; viết bài văn miêu tả con vật, miêu tả cây cối

Bước 1: Nhận diện thể loại (chọn bài văn mẫu phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp Bốn, hạn chế tối đa việc sử dụng bài văn mẫu là tác phẩm của các nhà văn để tránh áp lực cho GV khi dạy cũng như HS khi học về sản phẩm cần đạt của HS); phân tích cấu tạo, cách triển khai,...

Bước 2: Quan sát, tìm tư liệu viết và hình thành ý chính cho bài văn viết với mục đích giúp HS biết cách chuẩn bị, phát triển ý cho bài văn.

Bước 3: Viết đoạn văn (trên cơ sở ý đã hình thành, có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu có mối liên kết với nhau).

Bước 4: Viết bài văn (trên cơ sở ý đã hình thành và một số đoạn văn đã viết, có mở đầu, triển khai, kết thúc; các đoạn có mối liên kết với nhau).

Bước 5: Chỉnh sửa, hoàn thiện bài văn (trả bài, nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá để chỉnh sửa bài viết về bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động, quan sát mẫu và đọc gợi ý, ngữ liệu; quan sát tranh ảnh kèm theo (nếu có), nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động.

– HS thực hiện hoạt động theo nhóm nhỏ.

– HS trưng bày sản phẩm (nếu có), chia sẻ, rút kinh nghiệm.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

Lưu ý: Tùy bài cụ thể, HS có thể thực hiện hoạt động này ở lớp hoặc ở nhà; nếu thực hiện ở lớp, GV tổ chức các hoạt động như vừa nêu. Nếu thực hiện ở nhà, GV hướng dẫn trước cho HS cách thức thực hiện.

2. BÀI ÔN TẬP

Kiểu bài ôn tập gồm ôn tập giữa và cuối mỗi học kì. Kiểu bài này hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm đã học trước đó/ các chủ điểm được học trong học kì tương ứng. Đồng thời, ở kiểu bài ôn tập, HS được ôn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, được củng cố và phát triển các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Thêm vào đó, ở mỗi tuần ôn tập còn có đề ôn tập, đánh giá định kì cho GV tham khảo để tổ chức cho HS ôn tập, đánh giá các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe hoặc thiết kế để kiểm tra, đánh giá định kì.

Nội dung ôn tập giữa và cuối học kì được phân bổ theo từng tiết, gồm:

– Tiết 1: Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản.

– Tiết 2: Ôn luyện kĩ năng nghe – viết kết hợp viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức.

– Tiết 3: Ôn luyện nói và nghe.

– Tiết 4: Ôn luyện kiến thức tiếng Việt.

– Tiết 5: Ôn luyện viết đoạn văn, bài văn.

– Tiết 6, 7: Đánh giá giữa hoặc cuối học kì:

+ **Tiết 6:** Kết hợp đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản và đánh giá kiến thức tiếng Việt.

+ **Tiết 7:** Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn hoặc bài văn.

Lưu ý: GV có thể thực hiện đánh giá giữa hoặc cuối học kì theo đề kiểm tra, đánh giá định kì gợi ý hoặc có thể thiết kế đề kiểm tra, đánh giá định kì dựa vào YCCĐ theo các “chặng” phù hợp với kế hoạch bài dạy (KHBD) môn học do GV xác định.

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- HS đọc yêu cầu BT 1.
- HS bắt thăm phiếu đọc, ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu trong nhóm 4.
- Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi.

2. Chia sẻ về bài đọc

- HS đọc yêu cầu BT 2.
- HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện viết chính tả đoạn bài.
2. Ôn luyện viết hoa tên cơ quan, tổ chức.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Bảng phụ ghi nội dung đoạn viết.
- Thẻ từ, thẻ câu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện viết chính tả

- HS đọc yêu cầu BT 1.
- HS đọc chính tả và trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung bài.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ để viết bài chính tả.
- HS đổi vở cho bạn để soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2. Ôn luyện viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. Có thể rút ra quy tắc viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện kĩ năng nói và nghe.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Phương tiện hỗ trợ bài nói (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện kĩ năng nói và nghe

- HS đọc yêu cầu BT và các gợi ý.
- HS nói trong nhóm dựa vào các câu hỏi gợi ý hoặc phương tiện hỗ trợ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Bình chọn bài nói

- Mỗi nhóm cử 1 HS thi nói trước lớp.
- HS bình chọn bài nói dựa vào tiêu chí cho trước.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về từ theo chủ đề hoặc kiến thức về từ, câu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Thẻ từ, thẻ câu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn luyện về từ ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ. Chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2. Ôn luyện về câu

- HS xác định yêu cầu của BT.
- HS điền từ ngữ, đặt câu,... theo yêu cầu BT trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết vào VBT câu/ đoạn theo yêu cầu BT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

Lưu ý: Khi hướng dẫn HS thực hiện các BT, nhất là các BT đặt câu, viết đoạn văn, viết văn bản các phỏng đoán khi thực hiện hoạt động đọc hiểu,... GV cần khuyến khích, động viên, khơi gợi để HS mạnh dạn nêu suy nghĩ của mình; tránh việc áp đặt, chỉ trích, chê bai; chỉ uốn nắn nếu lời nói, viết của HS vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục.

TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết đoạn văn, bài văn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

- HS đọc yêu cầu và các gợi ý.

- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để tìm ý cho bài viết.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 6 + TIẾT 7

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC HOẶC CUỐI HỌC KÌ

Bài đánh giá giữa hoặc cuối học kì thiết kế dưới dạng đề kiểm tra đánh giá để GV tham khảo, gồm các nội dung kiểm tra đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản và kĩ năng viết đoạn văn, bài văn. Nội dung này được gợi ý thực hiện trong 2 tiết, bám sát theo chuẩn YCCĐ mà CT đã đề ra. GV có thể thiết kế dưới dạng đề kiểm tra định kì hoặc sử dụng VBT cho HS luyện tập.

C. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT

Căn cứ vào Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT Ban hành Quy định đánh giá HS Tiểu học ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để thực hiện việc đánh giá phẩm chất, năng lực của HS, GV căn cứ vào kết quả đánh giá thường xuyên và kết quả đánh giá định kì (chủ yếu dựa vào kết quả đánh giá thường xuyên, kết quả bài kiểm tra, đánh giá định kì chỉ mang tính chất tham khảo).

Để thực hiện việc *đánh giá thường xuyên* phẩm chất, năng lực của HS, GV có thể nhận xét bằng lời hoặc viết. Cơ sở để nhận xét là nội dung kiến thức, kĩ năng, phẩm chất cần hình thành, rèn luyện và phát triển (có thể căn cứ vào YCCĐ cụ thể về các mạch kiến thức và kĩ năng để chia yêu cầu đánh giá thành các “chặng”). Lời nhận xét phải gồm phần HS đã đạt được, chưa đạt được và hướng khắc phục. GV nên có *Nhật kí đánh giá thường xuyên* để ghi chép lại mức độ đáp ứng cùng những thay đổi tích cực/ hạn chế và quá trình rèn luyện, phấn đấu của HS để phục vụ quá trình đánh giá.

Đồng thời với hoạt động GV đánh giá HS, GV cần hướng dẫn HS *tự đánh giá* và *đánh giá đồng đẳng* (đánh giá lẫn nhau) qua các việc như: (1) Giúp HS hiểu mục đích, ý nghĩa của hoạt động tự đánh giá và đánh giá bạn; (2) Cung cấp cho HS các nội dung cần đánh giá; (3) Hướng dẫn HS cách đánh giá; (4) Làm mẫu cho HS; (5) Cung cấp cho HS một số biểu mẫu.

Ngoài ra, GV cũng cần hướng dẫn *phụ huynh tham gia vào quá trình đánh giá* con em thông qua các phiếu đánh giá, phiếu dặn dò,... hay khuyến khích HS thực hiện hoạt động

tự học ở nhà bằng nhiều hình thức như: kể lại câu chuyện đã học, đọc bài làm,... cho bố mẹ nghe; nhờ/ mời bố mẹ cùng tham gia thực hiện các hoạt động như ĐMR trên internet,... GV nên trao đổi với phụ huynh trong cuộc họp đầu năm, gửi cho phụ huynh phiếu đánh giá thường xuyên; phiếu đánh giá cuối tháng, cuối kì và hướng dẫn phụ huynh phối hợp với GV để có được đánh giá về HS một cách khách quan và chính xác nhất.

Để thực hiện việc *đánh giá định kì* phẩm chất, năng lực của HS, GV cần: (1) Lập bảng hệ thống hoá các đơn vị kiến thức, kĩ năng; (2) Lập bảng ma trận các đơn vị kiến thức, kĩ năng, YCCĐ; (3) Thiết kế đề kiểm tra, đánh giá định kì; (4) Tổ chức đánh giá (viết) định kì.

2. HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYỀN

2.1. Đánh giá hoạt động đọc hiểu

Có hai nội dung đánh giá: đánh giá đọc thành tiếng và đánh giá đọc hiểu.

*** Về đọc thành tiếng:** GV dựa trên các tiêu chí sau:

(1) Độ chính xác khi giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng/ tổng số tiếng, số tiếng đọc được trong 60 giây).

(2) Tốc độ giải mã văn bản đọc (số tiếng đọc đúng⁵ trong 60 giây).

(3) Khả năng ngưng nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

(4) Bước đầu thể hiện giọng đọc phù hợp, nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 80 – 85 chữ (học kì I); 85 – 90 chữ (học kì II) cho HS đọc thành tiếng trong thời gian 60 giây và trả lời câu hỏi đọc hiểu liên quan tới nội dung đoạn đọc.

*** Về đọc hiểu:** GV cần đánh giá các khả năng:

(1) Nhận biết chi tiết, hình ảnh, lời nhân vật, hình ảnh so sánh,... được thể hiện tường minh trong văn bản.

(2) Chỉ ra được ý của đoạn đọc/ nội dung, ý nghĩa của văn bản dựa vào gợi ý.

(3) Liên hệ tranh minh hoạ với các chi tiết trong văn bản.

(4) Nhận diện, phân tích, vận dụng được các kiến thức tiếng Việt và văn học theo YCCĐ của CT xuất hiện/ có liên quan tới văn bản đọc.

(5) Liên hệ nội dung văn bản với các hoạt động học tập/ đời sống cá nhân.

GV có thể sử dụng văn bản có độ dài khoảng 280 – 300 chữ (truyện), 200 – 220 chữ (miêu tả), 100 – 110 chữ (thơ), 150 – 160 chữ (thông tin) ở cuối học kì I; khoảng 300 – 330 chữ (truyện), 220 – 250 chữ (miêu tả), 110 – 120 chữ (thơ), 160 – 180 chữ (thông tin) ở cuối học kì II, cho HS đọc thầm và trả lời câu hỏi đọc hiểu theo các yêu cầu đánh giá ở trên.

⁵ Số tiếng đọc đúng: bao gồm số tiếng HS giải mã đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây.

2.2. Đánh giá hoạt động viết

GV đánh giá hoạt động viết của HS dưới các hình thức như:

- Viết câu theo mẫu, viết câu theo yêu cầu khác (có từ ngữ, hình ảnh so sánh,...).
- Điền phần thông tin còn trống dựa vào từ ngữ/ về câu cho trước, viết câu mở/ câu kết cho đoạn văn,...
- Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.
- Viết tự do: Với kĩ năng viết này, GV cần đánh giá dựa trên ý tưởng của HS theo hướng động viên, khuyến khích, giúp trẻ phát huy trí tưởng tượng và mạnh dạn thể hiện quan điểm, ý kiến cá nhân (với CT lớp Bốn, yêu cầu này HS được làm quen chủ yếu ở hoạt động viết *Nhật kí đọc sách*).

Lưu ý:

- ① Tránh quá chú trọng đánh giá lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- ② GV cần thể hiện 4 vai trò khi đánh giá bài viết của HS: *độc giả, người trợ giúp, người đánh giá, giám khảo*.
- ③ GV cũng cần tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

2.3. Đánh giá hoạt động nói và nghe

GV cần tập trung vào các yêu cầu sau:

2.3.1. Nói

- (1) Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài; có thái độ tự tin; biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp.
- (2) Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ (VD: tranh ảnh, sơ đồ,...).
- (3) Kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó.
- (4) Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống.

2.3.2. Nghe

- (1) Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện.
- (2) Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác.

2.3.3. Nói và nghe tương tác

- (1) Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận.
- (2) Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.

2.4. Đánh giá phẩm chất và năng lực chung

GV cần tập trung vào hành vi, việc làm, cách ứng xử, biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quá trình tham gia các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; thực hiện bằng phương pháp định tính thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời, nhận xét có ghi chú,...

Lưu ý: Khi kiểm tra, đánh giá, cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, VD: *Con đã đọc tốt hơn rồi!; Con rất chăm chỉ!; Con đã viết đúng và đẹp hơn.; Con cần cố gắng hơn nhé!*; tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: *Chữ nguệch ngoạc, cầu thả.; Cần chăm chỉ hơn!; Sai, bạn nào giúp bạn?; Tốt.; Rất giỏi.; Đáng khen.; ...* Mặt khác, cần đánh giá thường xuyên bằng lời, không đánh giá bằng điểm số; đánh giá bằng điểm số chỉ thực hiện ở bài kiểm tra giữa và cuối học kì.

3. MỘT VÀI GỢI Ý VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

3.1. Kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản

– *Yêu cầu cần đạt:* Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu của HS.

– *Nội dung và hình thức:*

+ Số lượng câu hỏi:

- Khoảng 6 câu trắc nghiệm (đa dạng về hình thức) ở mức độ nhận biết và thông hiểu (4 câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc; 2 câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).

- Khoảng 4 câu hỏi tự luận ở mức độ thông hiểu và vận dụng (3 câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc hoặc liên hệ, so sánh, kết nối; 1 câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).

+ HS tự đọc văn bản và viết câu trả lời vào bài kiểm tra.

3.2. Kiểm tra, đánh giá kĩ năng viết đoạn văn, bài văn

– *Yêu cầu cần đạt:* Kiểm tra kĩ năng viết đoạn văn, bài văn của HS.

– *Nội dung và hình thức:* Viết đoạn văn hoặc viết bài văn theo một trong các thể loại đã học dựa vào gợi ý.

D. MỘT VÀI NỘI DUNG KHÁC

1. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT LỚP BỐN⁶

(Trích CT giáo dục phổ thông môn Ngữ văn – Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tr.31 – 35).

⁶ Chương trình là căn cứ để GV tiến hành các hoạt động giáo dục. Vì vậy, tuy GV có thể có hoặc lấy CT từ một nguồn khác, nhưng tác giả vẫn đưa vào đây để giúp GV thuận lợi hơn trong việc sử dụng các nguồn học liệu.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC – Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch, thơ, văn bản miêu tả: nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 80 – 90 tiếng trong 1 phút. – Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp Ba. – Sử dụng được từ điển học sinh để tìm từ và nghĩa của các từ ngữ mới. – Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào <i>Phiếu đọc sách</i> hoặc sổ tay. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học <i>Đọc hiểu nội dung</i> – Nhận biết được một số chi tiết và nội dung chính của văn bản; dựa vào gợi ý hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản. – Tóm tắt được văn bản truyện đơn giản. – Nhận biết được chủ đề văn bản. <i>Đọc hiểu hình thức</i> – Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại. – Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện theo quan hệ nhân quả. – Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô. – Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản kịch. – Hiểu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá. <i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i> – Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản. – Nêu được câu chuyện, bài hoặc đoạn thơ mà mình yêu thích nhất và giải thích vì sao.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT - Quy tắc viết tên riêng của cơ quan, tổ chức 1. Vốn từ theo chủ điểm 2. Công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển 3. Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu 4. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng 5. Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong việc biểu đạt nghĩa 3.1. Danh từ, động từ, tính từ: đặc điểm và chức năng 3.2. Danh từ riêng và danh từ chung: đặc điểm và chức năng 3.3. Câu và thành phần chính của câu: đặc điểm và chức năng 3.4. Trạng ngữ của câu: đặc điểm và chức năng (bổ sung thông tin) 3.5. Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu các ý liệt kê); dấu gạch nối (nối các từ ngữ trong một liên danh); dấu ngoặc kép (đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu); dấu ngoặc đơn (đánh dấu phần chú thích) 4.1. Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng 4.2. Câu chủ đề của đoạn văn: đặc điểm và chức năng 4.3. Cấu trúc ba phần (mở bài,

– Nêu được cách ứng xử của bản thân nếu gặp những tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong tác phẩm.

Đọc mở rộng

– Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

– Thuộc lòng ít nhất 10 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 80 chữ.

Văn bản thông tin

Đọc hiểu nội dung

- Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản.
- Biết tóm tắt văn bản.

Đọc hiểu hình thức

– Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc.

– Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối.

Liên hệ, so sánh, kết nối

– Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gợi ra từ văn bản đã đọc.

– Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).

Đọc mở rộng

Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

thân bài, kết bài) của văn bản: đặc điểm và chức năng của mỗi phần

4.4. Kiểu văn bản và thể loại

– Bài văn kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến; bài văn kể lại câu chuyện, có kèm tranh minh họa

– Bài văn miêu tả: bài văn miêu tả con vật, cây cối

– Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một nhân vật

– Đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện, nhân vật hay một sự việc, nêu lí do vì sao có ý kiến như vậy

– Văn bản hướng dẫn các bước thực hiện một công việc; giấy mời, đơn, thư, báo cáo công việc

5. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Chủ đề
2. Đặc điểm nhân vật
3. Hình ảnh trong thơ
4. Lời thoại trong kịch bản văn học

NGŨ LIỆU

1.1. Văn bản văn học

– Truyện cổ, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả

– Đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ

VIẾT

KĨ THUẬT VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN

Quy trình viết

– Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

– Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.

Thực hành viết

– Viết được bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia và chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình về sự việc đó.

– Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe hoặc viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe.

– Viết được bài văn miêu tả con vật, cây cối; sử dụng nhân hoá và những từ ngữ gợi lên đặc điểm nổi bật của đối tượng được tả.

– Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một nhân vật trong văn học hoặc một người gần gũi, thân thiết.

– Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– Viết được văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm gồm 2 – 3 bước.

– Viết được báo cáo thảo luận nhóm, đơn theo mẫu, thư cho người thân, bạn bè.

– Kịch bản văn học

Độ dài của văn bản: truyện, kịch bản khoảng 280 – 330 chữ, bài miêu tả khoảng 200 – 250 chữ, thơ khoảng 100 – 120 chữ

1.2. Văn bản thông tin

– Văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm

– Giấy mời

– Thư thăm hỏi, thư cảm ơn, thư xin lỗi

– Đơn (xin nghỉ học, xin nhập học)

– Báo cáo công việc

Độ dài của văn bản: khoảng 150 – 180 chữ

2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý

NÓI VÀ NGHE

Nói

– Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài; có thái độ tự tin; biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp.

– Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện

hỗ trợ (ví dụ: tranh ảnh, sơ đồ,...). – Kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó. – Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gắn gũi với đời sống. Nghe – Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện. – Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác. Nói nghe tương tác – Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận. – Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.	
---	--

2. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH *TIẾNG VIỆT 4, TẬP MỘT*

Chủ điểm	Tuần	Nội dung dạy học
1. TUỔI NHỎ LÀM VIỆC NHỎ	1	Bài 1: Những ngày hè tươi đẹp (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Những ngày hè tươi đẹp</i>
		Luyện từ và câu Danh từ
		Viết Bài văn kể chuyện
		Bài 2: Đoá hoa đồng thoại (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Đoá hoa đồng thoại</i>
		Nói và nghe Trao đổi về việc xây dựng tủ sách của lớp em

		Viết Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện
	2	Bài 3: Gieo ngày mới (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Gieo ngày mới</i> – Đọc mở rộng: <i>Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách</i> <i>Chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ”</i>
		Luyện từ và câu Danh từ chung, danh từ riêng
		Viết Viết đoạn mở bài và đoạn kết bài cho bài văn kể chuyện
		Bài 4: Lên nương (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Lên nương</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về danh từ
		Viết Viết bài văn kể chuyện
	3	Bài 5: Cô bé ấy đã lớn (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Cô bé ấy đã lớn</i>
		Luyện từ và câu Động từ
		Viết Tìm ý và viết đoạn văn cho bài văn kể chuyện
		Bài 6: Người thiếu niên anh hùng (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Người thiếu niên anh hùng</i>

		Nói và nghe Kể về một hoạt động đền ơn đáp nghĩa hoặc một hoạt động thiện nguyện
		Viết Trả bài văn kể chuyện
	4	Bài 7: Sắc màu (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Sắc màu</i> – Đọc mở rộng: <i>Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách</i> <i>Chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ”</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về động từ
		Viết Viết bài văn kể chuyện
		Bài 8: Mùa thu (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Mùa thu</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Đoàn kết</i>
		Viết Viết đơn
2. MẢNH GHÉP YÊU THƯƠNG	5	Bài 1: Về thăm bà (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Về thăm bà</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về động từ
		Viết Trả bài văn kể chuyện

		Bài 2: Ca dao về tình yêu thương (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Ca dao về tình yêu thương</i>
		Nói và nghe Kể về một việc làm thể hiện tình cảm của em với người thân
		Viết Bài văn thuật lại một sự việc
	6	Bài 3: Quả ngọt cuối mùa (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Quả ngọt cuối mùa</i> – Đọc mở rộng: <i>Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách</i> <i>Chủ điểm “Mảnh ghép yêu thương”</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về động từ
		Viết Lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc
		Bài 4: Thân thương xứ Vàm (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Thân thương xứ Vàm</i>
		Luyện từ và câu Tính từ
		Viết Viết đoạn văn cho bài văn thuật lại một sự việc
	7	Bài 5: Một li sữa (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Một li sữa</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về tính từ

		Viết Viết đoạn mở bài và kết bài cho bài văn thuật lại một sự việc
		Bài 6: Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Vi Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu</i>
		Nói và nghe Thảo luận về việc hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn
		Viết Viết bài văn thuật lại một sự việc
	8	Bài 7: Gió vườn (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Gió vườn</i> – Đọc mở rộng: <i>Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách</i> <i>Chủ điểm “Mảnh ghép yêu thương”</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về tính từ
		Viết Viết báo cáo thảo luận nhóm
		Bài 8: Cây trái trong vườn Bác (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Cây trái trong vườn Bác</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Nhân hậu</i>
		Viết Trả bài văn thuật lại một sự việc
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I	9	Tiết 1 Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu: <i>Tiếng chim</i>
		Tiết 2 – Nghe – viết: <i>Ngôi trường nơi đầu ngọn sóng</i> – Ôn luyện quy tắc viết hoa tên cơ quan, tổ chức

		Tiết 3 Ôn luyện Nói và nghe: <i>Nói về một hoạt động trải nghiệm thú vị của em ở trường</i>
		Tiết 4 Ôn luyện từ và câu: <i>Danh từ, động từ, tính từ</i>
		Tiết 5 Ôn luyện viết: <i>Viết bài văn kể lại một câu chuyện đã nghe, đã đọc có nhân vật là đồ vật hoặc con vật</i>
		Tiết 6, 7 Đánh giá giữa học kì I
3. NHỮNG NGƯỜI TÀI TRÍ	10	Bài 1: Yết Kiêu (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Yết Kiêu</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về tính từ
		Viết Luyện tập lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc
		Bài 2: Mạc Đĩnh Chi (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Mạc Đĩnh Chi</i>
		Nói và nghe Nói về một anh hùng hoặc một tài năng nhỏ tuổi
		Viết Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn thuật lại một sự việc
	11	Bài 3: Sáng tháng Năm (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Sáng tháng Năm</i> – Đọc mở rộng: <i>Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách</i> <i>Chủ điểm “Những người tài trí”</i>

		Luyện từ và câu Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ
		Viết đoạn văn, bài văn Luyện tập viết bài văn thuật lại một sự việc
		Bài 4: Trống đồng Đông Sơn (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Trống đồng Đông Sơn</i>
		Luyện từ và câu Sử dụng từ điển
		Viết Viết giấy mời
	12	Bài 5: Ai tài giỏi nhất? (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Ai tài giỏi nhất?</i>
		Luyện từ và câu Biện pháp nhân hoá
		Viết Trả bài văn thuật lại một sự việc
		Bài 6: Kì quan đề biển (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Kì quan đề biển</i>
		Nói và nghe Thuyết trình về trí tuệ và tài năng của con người
		Viết Bài văn viết thư
	13	Bài 7: Chuyện cổ tích về loài người (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Chuyện cổ tích về loài người</i> – Đọc mở rộng: <i>Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách</i> <i>Chủ điểm “Những người tài trí”</i>

		Luyện từ và câu Luyện tập về nhân hoá
		Viết Viết thư cho người thân
		Bài 8: Những mùa hoa trên cao nguyên đá (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Những mùa hoa trên cao nguyên đá</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Tài trí</i>
		Viết Viết thư cho bạn bè
4. NHỮNG ƯỚC MƠ XANH	14	Bài 1: Ở Vương quốc Tương Lai (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Ở Vương quốc Tương Lai</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về nhân hoá
		Viết Viết đoạn văn tưởng tượng
		Bài 2: Cậu bé ham học hỏi (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Cậu bé ham học hỏi</i>
		Nói và nghe Nghe – kể câu chuyện về ước mơ
		Viết Luyện tập viết đoạn văn tưởng tượng
	15	Bài 3: Thuyền trưởng và bầy ong (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Thuyền trưởng và bầy ong</i> – Đọc mở rộng: <i>Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách</i> <i>Chủ điểm “Những ước mơ xanh”</i>

		Luyện từ và câu Luyện tập về nhân hoá
		Viết Luyện tập viết đoạn văn tưởng tượng
		Bài 4: Hạt táo đã nảy mầm (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Hạt táo đã nảy mầm</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập về nhân hoá
		Viết Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc
	16	Bài 5: Hái trắng trên đỉnh núi (4 tiết)
		Đọc Đọc <i>Hái trắng trên đỉnh núi</i>
		Luyện từ và câu Luyện tập sử dụng từ ngữ
		Viết Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc
		Bài 6: Hướng dẫn tham gia cuộc thi vẽ (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Hướng dẫn tham gia cuộc thi vẽ</i>
		Nói và nghe Giới thiệu một sản phẩm thực hiện ở trường
		Viết Viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện
	17	Bài 7: Nếu chúng mình có phép lạ (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Nếu chúng mình có phép lạ</i> – Đọc mở rộng: <i>Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách</i> <i>Chủ điểm “Những ước mơ xanh”</i>

		Luyện từ và câu Luyện tập sử dụng từ ngữ
		Viết Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện
		Bài 8: Những giai điệu gió (3 tiết)
		Đọc Đọc <i>Những giai điệu gió</i>
		Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Ước mơ</i>
		Viết Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I	18	Tiết 1 Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu: <i>Con suối nhỏ</i>
		Tiết 2 – Nghe – viết: <i>Xuân trên đảo Bạch Long Vĩ</i> – Ôn luyện quy tắc viết hoa tên cơ quan, tổ chức
		Tiết 3 Ôn luyện Nói và nghe: <i>Kể lại một kỉ niệm đẹp của em với gia đình, bạn bè hoặc thầy cô giáo</i>
		Tiết 4 Ôn luyện từ và câu: <i>Danh từ, động từ, tính từ; Nhân hoá</i>
		Tiết 5 Ôn luyện viết: <i>Thuật lại một ngày hội được tổ chức ở trường em</i>
		Tiết 6, 7 Đánh giá cuối học kì I

Chủ điểm 1. TUỔI NHỎ LÀM VIỆC NHỎ (Tuần 1 – 2 – 3 – 4)

Chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *đoàn kết, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: nhận thức được mình đã lớn hơn so với năm học lớp Ba, sẵn sàng tâm thế để bắt đầu giai đoạn học tập mới. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *có ý thức tự trang bị một số kỹ năng hỗ trợ việc học tập; biết đoàn kết, yêu thương, quan tâm, chia sẻ, chú ý đến cảm xúc của bạn bè, người thân; ý thức hơn về trách nhiệm của HS với trường, lớp,...*

BÀI 1: NHỮNG NGÀY HÈ TƯƠI ĐẸP (tiết 1 – 4, SHS, tr. 10 – 14)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được về một món quà em được tặng hoặc đã tặng cho bạn bè, người thân; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Kỉ niệm đẹp của bạn nhỏ với với người thân, bạn bè,... ở quê trong ngày chia tay để trở lại thành phố*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Những lời nói, việc làm cho thấy các bạn đã lớn, đã biết thể hiện tình cảm, sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, người thân*.
3. Nhận diện và biết cách sử dụng danh từ.
4. Nhận diện được bài văn kể chuyện; xác định được cấu tạo của một bài văn kể chuyện đã đọc.
5. Ghi lại được một kỉ niệm mùa hè mà em nhớ nhất.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh hoặc ảnh chụp một số món quà để thực hiện hoạt động khởi động. GV yêu cầu HS mang tới lớp một món quà em muốn chia sẻ (nếu có).
- Vật thật hoặc tranh ảnh: cuộn từ điển tiếng Việt, cây cỏ chơi gà, hòn bi ve,... (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn 3.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ”. (Gợi ý: *Khuyến khích biết làm những việc vừa sức, phù hợp với lứa tuổi; biết đoàn kết, yêu thương, quan tâm, chia sẻ, chú ý đến cảm xúc của bạn bè, người thân; ý thức hơn về trách nhiệm của HS với trường, lớp,...*)

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một món quà em được tặng hoặc đã tặng cho bạn bè, người thân (có thể kết hợp sử dụng vật thật hoặc ảnh chụp đã chuẩn bị từ trước) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Những ngày hè tươi đẹp”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Những ngày hè tươi đẹp

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái và cảm xúc của các nhân vật, từ ngữ gọi tên các món quà; giọng Điệp thể hiện tình cảm lưu luyến, không muốn rời xa*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *lớn tướng, bịn rịn, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Sau cùng là Tuyết,/ nó cho tớ chồng bánh đa chưa nướng,/ dọn lên phở nướng ăn/ để nhớ/ mà về chơi với nhau.//;

Tớ chào các bạn/ và hứa sẽ nhớ việc tập hợp sách/ để gửi về/ làm tủ sách ở đình làng.//; ...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “trôi nhanh quá”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “ra đầu ngõ”.
- + Đoạn 3: Tiếp theo đến “ở đình làng”.
- + Đoạn 4: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *cỏ chơi gà* (Cỏ gà, còn gọi là cỏ chỉ, cỏ ống, là loại cỏ có thân rễ bò dài ở gốc, thẳng đứng ở ngọn, cứng. Đặc biệt, thân cỏ thường có nốt sần do những bẹ lá tạo thành. Trẻ em thường chơi cỏ gà bằng cách “chơi” nốt sần vào nhau, nốt sần nào bị đứt rời ra thì coi như “gà” thua.), *đường thơm* (ý nói đường thơm hương lúa chín, hương hoa cỏ ở làng quê), *tưởng tượng* (tạo ra trong trí óc hình ảnh những cái không có hoặc chưa có ở trước mắt),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

- + Câu 1: *Kết thúc kì nghỉ hè ở quê, bạn nhỏ tiếc những ngày hè trôi qua nhanh quá.*
- + Câu 2: *Những chi tiết cho thấy ông bà và cô Lâm rất yêu quý con cháu: ông bà ôm bạn nhỏ hẹn mùa hè sau lại về, cô Lâm hẹn về dự đám cưới cô; ông bà và cô Lâm bận rộn tiễn ra đầu ngõ.*
- + Câu 3: *Diệp tặng cây cỏ chơi gà, Văn tặng hòn bi ve, Lê tặng hòn đá hình siêu nhân, Tuyết tặng chồng bánh đa chưa nướng. Những món quà ấy thể hiện tình cảm yêu quý, cùng sự lưu luyến, mong gặp lại của các bạn đối với bạn nhỏ.*
- + Câu 4: *Trước khi trở lại thành phố, bạn nhỏ hứa sẽ tập hợp sách gửi về làm tủ sách ở đình làng. Việc làm đó giúp các bạn nhỏ ở làng có thêm một nơi đọc sách, giao lưu, sinh hoạt,...*

+ Câu 5, 6: Khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Cảm xúc của bạn nhỏ khi mùa hè khép lại.*
- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Tình cảm của ông bà và cô Lâm dành cho con cháu.*
- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3: *Tình cảm giữa bạn nhỏ với những người bạn ở quê.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý đoạn 4: *Cảm xúc của bạn nhỏ trên đường trở lại phố* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 6.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái, từ ngữ gọi tên và chỉ đặc điểm của các món quà; giọng Điệp thể hiện tình cảm lưu luyến, không muốn rời xa*):

Vừa lúc hội bạn ở làng/ ủa đến.// Đứa nào cũng cầm trên tay/ một thứ gì đó.//

– Cậu tặng chúng tớ/ cuốn “Từ điển tiếng Việt” rồi,/ đây là quà,/ để cậu nhớ về chúng tớ.// – Điệp nói thế,/ sau khi chia cho tớ cây cỏ chơi gà/ lớn chưa từng thấy.//

Vẫn cho tớ/ hòn bi ve đẹp nhất,/ quý nhất của nó.// Lê cho tớ/ hòn đá hình siêu nhân/ nhất ở bờ suối,/ trước giờ vẫn được nó giữ/ như báu vật.// Sau cùng là Tuyết,/ nó cho tớ chồng bánh đa chưa nướng,/ dẫn lên phố nướng ăn/ để nhớ mà về chơi với nhau.//

Tớ chào các bạn/ và hứa sẽ nhớ việc tập hợp sách/ để gửi về/ làm tủ sách ở đình làng.//

– HS luyện đọc câu nói của Điệp: giọng đọc thể hiện tình cảm lưu luyến, không muốn rời xa.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Danh từ

2.1. Hình thành khái niệm danh từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS tìm từ theo nhóm 3: Mỗi HS tìm từ thuộc 2 nhóm.

(Đáp án: *Từ chỉ người*: ông, bố, chú; *Từ chỉ sự vật*: tay/ bàn tay/ đôi bàn tay, thơ, cây, tàu, tóc/ chân tóc, cát/ bãi cát, dừa, biển, trăng; *Từ chỉ thời gian*: chiều, tối, đêm; *Từ chỉ hiện tượng tự nhiên*: sóng, gió.)

Lưu ý:

+ Theo CT 2018, khi dạy học các kiến thức về danh từ, động từ, tính từ: không bắt buộc HS nhận diện danh từ đơn vị, danh từ sự vật, danh từ khái niệm; động từ hoạt động,

động từ trạng thái,... như CT và SGK trước đây. Vì vậy, ở SGK này, phần đáp án cho những BT có thể chấp nhận hai kết quả trở lên sẽ được trình bày theo hình thức: phương án điển hình nhất → dấu gạch chéo → phương án tiếp theo... Bên cạnh đó có thể kèm theo những lưu ý, nếu cần.

+ Như vừa nêu trên, CT 2018 không dạy danh từ khái niệm, vì vậy, việc HS tìm hay không tìm từ “thơ” đều không đánh giá đúng sai.

– HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ, dán kết quả vào bảng nhóm.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều cần ghi nhớ về danh từ.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Nhận diện danh từ

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.

– HS làm vào VBT: Viết 5 – 7 danh từ có trong đoạn văn.

(Đáp án: *đồng/ cánh đồng, gió, nắng, xóm, kênh/ con kênh, không gian, hương/ mùi hương, súng/ bông súng, đĩa, tiếng, chim tu hú, bầy, cá, vầng, bèo/ vầng bèo, bờ, vườn/ bờ vườn, ao, gà/ bầy gà, vịt ta/ bầy vịt ta, môi, sậy/ rào sậy.*)

Lưu ý: + Địa: chỗ trũng nhỏ ở giữa đồng, có bờ để giữ nước và cá.

+ Với HS tiểu học, do không dạy danh từ chỉ đơn vị và một số tiểu loại khác nên chấp nhận các ngữ *bờ vườn, bầy gà*,... là một từ.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu với danh từ cho trước

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS đặt câu trong cặp hoặc nhóm nhỏ.

– HS viết câu vào VBT.

– HS chữa bài bằng cách chơi *Chuyền hoa*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Bài văn kể chuyện

3.1. Nhận diện bài văn kể chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.

- HS đọc yêu cầu BT 1a, trao đổi theo nhóm để xác định cấu tạo bài văn kể chuyện.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả:
 - + Phần giới thiệu câu chuyện: Từ đầu đến “câu chuyện “Tích Chu””.
 - + Phần kể lại nội dung của câu chuyện:
 - Mở đầu câu chuyện: Từ “Chuyện kể về” đến “chỉ mãi rong chơi”.
 - Diễn biến câu chuyện: Từ “Lần đó” đến “mang về”.
 - Kết thúc câu chuyện: Từ “Được uống nước” đến “chăm sóc bà”.
 - + Phần nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện: Từ “Câu chuyện bà kể” đến hết.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS đọc yêu cầu BT 1b, trao đổi theo nhóm đôi để xác định các sự việc ở phần diễn biến của câu chuyện và kết quả của các sự việc.
 - + Sự việc 1: Bà bị ốm nhưng không có ai chăm sóc. → Kết quả: Bà biến thành chim.
 - + Sự việc 2: Tích Chu biết chuyện, đi tìm, tha thiết gọi. → Kết quả: Chim vẫn vỗ cánh bay đi.
 - + Sự việc 3: Tích Chu gặp bà tiên. → Kết quả: Bà tiên chỉ đường cho Tích Chu đi tìm nước suối tiên.
 - + Sự việc 4: Tích Chu vất vả đi tìm nước suối tiên. → Kết quả: Tích Chu tìm được nước suối tiên mang về.
- 1 – 2 cặp HS chia sẻ kết quả.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS đọc yêu cầu BT 1c, xác định trình tự các sự việc ở phần diễn biến của câu chuyện. (Gợi ý: Sự việc nào diễn ra trước → kể trước, sự việc nào diễn ra sau → kể sau.)
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Rút ra ghi nhớ về cấu tạo bài văn kể chuyện

- HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi của GV:
 - + Theo em, bài văn kể chuyện thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nhiệm vụ gì?
- HS nghe GV rút ra cấu tạo của bài văn kể chuyện: Bài văn kể chuyện thường gồm ba phần:
 - Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.
 - Thân bài: Kể lại các sự việc của câu chuyện.
 - Kết bài: Nêu kết thúc của câu chuyện. Có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của người kể về nội dung câu chuyện.
- + Em có thể kể lại câu chuyện theo trình tự nào?

→ HS nghe GV rút ra trình tự kể: *Câu chuyện “Tích Chu” được kể theo trình tự: sự việc nào diễn ra trước → kể trước, sự việc nào diễn ra sau → kể sau, được gọi là trình tự thời gian. Ngoài ra, đối với một số câu chuyện, có thể kể theo trình tự không gian, tức là kể lại các sự việc gắn với mỗi địa điểm hoặc tình huống diễn ra. Thông thường, mỗi sự việc có thể kể lại bằng một đoạn văn.*

– HS rút ra ghi nhớ.

– 1 – 2 HS đọc lại ghi nhớ.

3.3. Luyện tập xác định cấu tạo bài văn kể chuyện

– HS đọc bài văn kể lại câu chuyện về lòng nhân hậu.

– HS xác định yêu cầu BT 2a, trao đổi theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, xác định phần mở bài, thân bài, kết bài.

(Gợi ý:

+ *Mở bài: Từ đầu đến “ấn tượng sâu sắc”.*

+ *Thân bài: Từ “Câu chuyện kể về” đến “từ ông lão”.*

+ *Kết bài: Từ “Câu chuyện đã kết thúc” đến hết.)*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS làm bài vào VBT.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu BT 2b, trao đổi theo nhóm đôi, xác định các sự việc chính và kết quả của mỗi sự việc.

(Gợi ý:

+ *Sự việc 1: Cậu bé gặp ông lão ăn xin đang cầu xin cứu giúp trên phố. → Kết quả: Cậu bé thương cảm và muốn giúp ông lão.*

+ *Sự việc 2: Cậu bé không tìm được gì để cho ông lão. → Kết quả: Cậu bé xin lỗi ông lão vì không giúp được.*

+ *Sự việc 3: Ông lão cảm ơn vì đã nhận được tấm lòng của cậu bé. → Kết quả: Cậu bé cảm thấy vui vì hiểu ra mình đã làm được việc tốt.)*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS làm bài vào VBT.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại một kỉ niệm mùa hè mà em nhớ nhất.*

– HS nhớ lại kỉ niệm mùa hè của em dựa vào một vài gợi ý của GV:

- + Vào mùa hè, em thường đi đâu, làm gì? Cùng với những ai?
- + Em nhớ nhất nơi nào đã đến hoặc việc nào đã làm? Vì sao?
- + ...
- HS ghi vào vở, sổ tay hoặc phiếu ghi chép 2 – 3 câu dựa trên nội dung đã nói.
- HS nói chia sẻ kết quả ghi chép trong nhóm nhỏ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 2: ĐOÁ HOA ĐỒNG THOẠI (tiết 5 – 7, SHS, tr. 15 – 17)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về 1 – 2 cuộc thi viết, vẽ,... dành cho thiếu nhi mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; Hiểu được nội dung bài đọc: *Cuộc thi “Đoá hoa đồng thoại” dành riêng một hạng mục cho HS tiểu học nhằm khuyến khích và phát hiện tài năng sáng tác truyện đồng thoại của các em nhỏ.*
3. Biết trao đổi, đóng góp ý kiến trong cuộc họp nhóm bàn về việc xây dựng tủ sách của lớp.
4. Biết lập dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe nói về lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu.
5. Viết và trang trí được “Nội quy sử dụng tủ sách” của lớp em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.
- Bìa một số tập truyện “Đoá hoa đồng thoại”.
- Bảng phụ ghi đoạn 2 và đoạn 3.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm nhỏ, nói về 1 – 2 cuộc thi viết, vẽ,... dành cho thiếu nhi mà em biết dựa vào tranh minh hoạ trong SHS và gợi ý:
 - + Tên cuộc thi (*Viết về cuốn sách em yêu, Nét vẽ xanh, Viết thư UPU,...*)
 - + Đơn vị tổ chức (*lớp, trường, địa phương,...*)

- + Mục đích tổ chức (*phát hiện, khuyến khích và bồi dưỡng tài năng cho thiếu nhi*)
- + ...
- HS liên hệ từ nội dung khởi động → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Đoá hoa đồng thoại”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Đoá hoa đồng thoại

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (*Gợi ý: đọc giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tên, mục đích, ý nghĩa, ... của cuộc thi*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó (nếu có); hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Cuộc thi sáng tác truyện “Đoá hoa đồng thoại”/ dành riêng một hạng mục/ cho học sinh các trường tiểu học trên toàn quốc/ tham gia.// Ban Tổ chức khẳng định/ đây là dịp để khuyến khích và phát hiện tài năng sáng tác truyện đồng thoại/ của các em nhỏ.// Đây cũng là dịp/ để kết nối trái tim của người dân Nhật Bản/ và Việt Nam,/ góp phần nuôi dưỡng tâm hồn trẻ em hai nước.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “trẻ em hai nước”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “khuyến đọc của Việt Nam”.
- + Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *Đoá hoa đồng thoại* (cuộc thi viết truyện Eneôs & Mōgu “Đoá hoa đồng thoại” do JXEV, More Production Việt Nam, Báo điện tử Tổ quốc, Nhà xuất bản Kim Đồng tổ chức định kì, trong đó có một hạng mục dành cho HS tiểu học), *khuyến học* (khuyến khích việc học), *khuyến đọc* (khuyến khích việc đọc),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: Ban Tổ chức cuộc thi “Đoá hoa đồng thoại” dành riêng một hạng mục cho HS tiểu học với mong muốn đây là dịp để khuyến khích và phát hiện tài năng sáng tác truyện đồng thoại của các em nhỏ.

+ Câu 2: Những chi tiết cho thấy Ban Tổ chức rất đề cao các tác phẩm đoạt giải: Sau khi chọn ra các tác phẩm đoạt giải, Ban Tổ chức cho dịch sang tiếng Nhật, biên tập, vẽ minh họa, in ấn và phát hành rộng rãi dưới dạng tuyển tập song ngữ Việt – Nhật.

+ Câu 3: Thí sinh đoạt giải Đặc biệt được tham gia lễ trao giải tại Nhật Bản và được khắc tên trên cúp “Đoá hoa đồng thoại” – phần thưởng vinh danh các tác giả xuất sắc.

+ Câu 4: Khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và 3 và xác định giọng đọc của hai đoạn này (Gợi ý: giọng đọc *thong thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ những việc làm của Ban Tổ chức; đoạn 3 thể hiện cảm xúc tự hào*):

Các tác phẩm đoạt giải/ được dịch sang tiếng Nhật/ biên tập/ vẽ minh họa/ in ấn/ và phát hành rộng rãi/ dưới dạng tuyển tập song ngữ Việt – Nhật.// Toàn bộ lợi nhuận từ việc bán sách/ được trao tặng cho các quỹ khuyến học/ khuyến đọc của Việt Nam.//

Hàng năm/ thí sinh đoạt giải Đặc biệt/ được tham gia lễ trao giải tại Nhật Bản/ và được khắc tên trên cúp “Đoá hoa đồng thoại”/ – phần thưởng vinh danh các tác giả xuất sắc.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2 và đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Trao đổi về việc xây dựng tủ sách của lớp em

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.

– HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần): Phân công nhiệm vụ các thành viên: nhóm trưởng, thư kí, báo cáo viên; Hướng dẫn nội dung thảo luận dựa vào gợi ý:

+ Theo em, vì sao cần có tủ sách của lớp?

+ Em cần làm gì để đóng góp sách?

+ Em và các bạn nên sắp xếp sách như thế nào?

+ Em và các bạn sẽ sử dụng sách ra sao?

+ ...

– Một nhóm HS thảo luận trước lớp, các nhóm quan sát theo kĩ thuật *Bể cá* và nhận xét phần thảo luận của nhóm bạn theo các tiêu chí:

- + Nội dung cuộc họp.
- + Trình tự các hoạt động.
- + Hình thức báo cáo: phân công báo cáo của các thành viên; tốc độ, âm lượng nói; yếu tố phi ngôn ngữ;...
- + ...
- HS xác định yêu cầu của BT 2, nghe GV hướng dẫn thực hiện BT 2.
- HS thảo luận theo nhóm dưới sự hỗ trợ của các thành viên nhóm *Bể cá* và GV.
- HS ghi chép nhanh một số nội dung chính của cuộc thảo luận: một số hình thức đóng góp sách, cách sắp xếp, sử dụng sách,... (có thể ghi bằng sơ đồ đơn giản).
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Lập dàn ý cho bài văn kể chuyện

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *kể chuyện*.)
- Câu chuyện này do đâu em biết? (Đáp án: *đã đọc, đã nghe*.)
- Câu chuyện cần kể về nội dung gì? (Đáp án: *kể về lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu*.)

3.2. Lựa chọn câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS nhớ lại các câu chuyện đã đọc, đã nghe, thảo luận nhóm để kể tên câu chuyện và giải thích lí do vì sao cho rằng câu chuyện đó có nội dung nói về lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Lập dàn ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS lập dàn ý bằng cách ghi các từ ngữ, hình ảnh hoặc sự việc chính. Khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ đơn giản. (GV lưu ý HS chỉ ghi chép vắn tắt, không viết thành câu, đặc biệt không viết lại nội dung câu chuyện.)

– HS chia sẻ dàn ý đã lập trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh dàn ý.

– 1 – 2 HS chia sẻ dàn ý trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết và trang trí “Nội quy sử dụng tủ sách” của lớp em.*

– HS thảo luận nhóm nhỏ, mỗi nhóm ghi một điều trong nội quy vào một thẻ màu.

– HS thảo luận để chọn các thẻ phù hợp gắn vào *Nội quy chung* và trang trí đơn giản.

– HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc sau hoạt động.

– HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 3: GIEO NGÀY MỚI (tiết 8 – 11, SHS, tr. 18 – 22)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được về việc làm để bắt đầu vào ngày mới của mỗi người trong gia đình; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật “em”; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Giống như mọi người, em cũng có cách riêng để bắt đầu ngày mới. Tình yêu và chuỗi cười giòn tan, trong trẻo của em giúp ngày mới tràn ngập niềm vui.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Mỗi người nên chọn những việc làm phù hợp, có ích để ngày mới bắt đầu có ý nghĩa.*

– Tìm đọc được một truyện viết về thiếu nhi làm việc tốt, thiếu nhi chăm ngoan, thiếu nhi sáng tạo, viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về tình cảm, suy nghĩ hoặc cách ứng xử nếu gặp tình huống tương tự tình huống của nhân vật trong truyện.

3. Nhận diện và biết cách sử dụng danh từ chung, danh từ riêng.

4. Nhận diện và viết được đoạn mở bài, đoạn kết bài cho bài văn kể chuyện đã đọc, đã nghe.

5. Biết cách trao đổi với bạn bè hoặc người thân về việc làm của em để bắt đầu ngày mới có ý nghĩa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh ảnh, video clip ngắn về hoạt động của mọi người trong gia đình vào buổi sáng.
- Bảng phụ ghi ba khổ thơ cuối.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ, luyện câu.
- HS mang tới lớp truyện phù hợp với chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, kể cho bạn về những việc làm bắt đầu ngày mới của mỗi người trong gia đình (có thể kết hợp sử dụng tranh ảnh) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Gieo ngày mới”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Gieo ngày mới

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi; giọng nhân vật “em” hồn nhiên, trong trẻo, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ công việc và kết quả công việc của mỗi người, vật được nhắc đến trong bài thơ, ...*).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *gieo, gặt, gòn tan, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

*Heo may/ gió mùa trở lạnh/
 Bà/ gom/ từng giọt nắng hồng/
 Dệt làm chiếc khăn/ thật ấm/
 Cháu quàng/ qua suốt ngày đông.//*

*Bầu trời/ gieo mưa/ rồi nắng/
 Cho gió/ hong những đám mây/
 Cho cả trời sao/ lấp lánh/
 Đêm đêm/ ru giấc ngủ say.//*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Ba khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ tư.

+ Đoạn 3: Khổ thơ cuối.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *mùa vàng* (ý trong bài nói về mong ước lúa được mùa), *chồi non* (ý nói các bạn nhỏ giống như những mầm cây bé bỏng),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Ở câu hỏi 2, GV có thể chia nhỏ nhiệm vụ cho HS thảo luận. Gợi ý:

+ Câu 1: *Ngày mới của cha bắt đầu bằng việc dắt trâu ra đồng, của mẹ bắt đầu bằng việc bắc gầu tát nước, của cô giáo bắt đầu bằng một bài giảng mới, của bà bắt đầu bằng việc dệt một chiếc khăn quàng cho cháu.*

+ Câu 2: *“Mùa vàng ươm ắp” nói lên mong ước mùa màng bội thu, đem lại cuộc sống ấm no cho con người; “Ước mơ xanh” nói về những ước mơ đẹp của HS; “Chồi non vươn lớn” là hình ảnh các bạn HS dần lớn lên, trưởng thành hơn; “Hoa trái ngọt lành” nói về thành quả ngọt ngào của thầy cô, đó chính là những bạn HS ngoan.*

+ Câu 3: Khuyến khích HS trả lời theo cảm nhận của riêng mình.

+ Câu 4: *Bạn nhỏ gieo ngày mới bằng yêu thương và một chuỗi cười. Khi chưa đủ sức làm được những việc lớn thì tình yêu và chuỗi cười giòn tan, trong trẻo của bạn nhỏ chính là cách tốt nhất giúp ngày mới của mọi người tràn ngập niềm vui.*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Những công việc để bắt đầu ngày mới của cha, mẹ, cô giáo, bà và mong ước của mỗi người khi làm việc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Cách gieo ngày mới của bầu trời.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Cách gieo ngày mới của bạn nhỏ*
→ rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại ba khổ thơ cuối và xác định giọng đọc (Gợi ý: *giọng nhân vật “em” hồn nhiên, trong trẻo, tươi vui, hơi cao giọng, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của nhân vật*):

*Heo may/ gió mùa trở lạnh/
Bà/ gom/ từng giọt nắng hồng/
Dệt làm chiếc khăn/ thật ấm/
Cháu quàng/ qua suốt ngày đông.//*

*Bầu trời/ gieo mưa/ rồi nắng/
Cho gió/ hong những đám mây/
Cho cả trời sao/ lấp lánh/
Đêm đêm/ ru giấc ngủ say.//*

*Em biết thương bà./ thương mẹ/
Yêu cô./ yêu cả bầu trời/
– A./ em/ sẽ gieo ngày mới/
Giòn tan/ bằng/ một chuỗi cười!//*

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp ba khổ thơ em thích (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ”

1.2.1. Tìm đọc truyện

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện phù hợp với chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện viết về:

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| + Thiếu nhi làm việc tốt | + Thiếu nhi sáng tạo |
| + Thiếu nhi chăm ngoan | + ? |

– HS chuẩn bị truyện để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Ngày kí đọc sách* những ý tưởng hoặc chi tiết quan trọng trong truyện: tên truyện, tên nhân vật, tình huống, cách giải quyết,...

– HS có thể trang trí *Ngày kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện.

1.2.3. Chia sẻ về truyện đã đọc

- HS đọc truyện hoặc trao đổi truyện cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tình cảm, suy nghĩ hoặc cách ứng xử của em nếu gặp tình huống tương tự tình huống của nhân vật trong truyện.
- Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Danh từ chung, danh từ riêng

2.1. Nhận diện danh từ chung, danh từ riêng

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
 - HS tìm từ cá nhân, viết kết quả vào VBT.
 - 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- (Đáp án: *Tên người: Lê Lợi; Tên sông, núi, đầm: Bạch Đằng, Lam Sơn, Vọng Phu, Thị Nại; Tên tỉnh: Bình Định, Quảng Ngãi.*)

- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện BT.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

(Đáp án:

+ *Nhóm từ là tên gọi của một sự vật cụ thể: Bình Định, Lê Lợi, Bạch Đằng, Thị Nại, Quảng Ngãi, Lam Sơn, Vọng Phu.*

+ *Nhóm từ là tên gọi chung của một loại sự vật: người, đầm, núi, sông, tỉnh.)*

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Cách viết danh từ chung, danh từ riêng

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc lại hai nhóm từ tìm được ở BT 2.
- 1 – 2 HS nêu đáp án.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả, rút ra ghi nhớ.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.3. Tìm danh từ riêng

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS tìm từ cá nhân: mỗi HS tìm một danh từ riêng là tên nhà văn hoặc nhà thơ và viết vào thẻ màu xanh (*nhà thơ Ngọc Hà, nhà thơ Bảo Ngọc, nhà văn Văn Thành Lê, nhà văn Trần Hoài Dương...*), một danh từ riêng là tên sông hoặc núi và viết vào thẻ màu vàng (*sông Thu Bồn, núi Ba Vì...*), một danh từ riêng là tên tỉnh hoặc thành phố và viết vào thẻ màu hồng (*Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu...*).
- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu có sử dụng danh từ riêng

- HS xác định yêu cầu của BT 5.
- HS nói miệng trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS viết bài vào VBT.
- 2 – 3 HS trình bày bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết đoạn mở bài và đoạn kết bài cho bài văn kể chuyện

3.1. Nhận diện mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc hai đoạn văn.
 - HS thảo luận nhóm để thực hiện BT.
 - 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. (Đáp án: *Đoạn văn thứ nhất giới thiệu ngay câu chuyện chọn kể; Đoạn văn thứ hai dẫn vào câu chuyện từ một vấn đề có liên quan – nghe bà kể chuyện.*)
 - HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách mở bài.
- (Gợi ý:
- + *Mở bài trực tiếp: Giới thiệu câu chuyện.*
 - + *Mở bài gián tiếp: Dẫn vào câu chuyện từ một vấn đề có liên quan.*)
- HS nghe GV lưu ý thêm: Có thể mở bài bằng cách kể ngay vào sự việc mở đầu câu chuyện.

3.2. Nhận diện kết bài không mở rộng và kết bài mở rộng

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc hai đoạn văn.

- HS thảo luận nhóm để thực hiện BT.
 - 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. (Đáp án: *Đoạn văn thứ nhất nêu kết thúc của câu chuyện; Đoạn văn thứ hai bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của người viết sau khi kể chuyện.*)
 - HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách kết bài:
- (Gợi ý:
- + *Kết bài không mở rộng: Kết thúc bài viết sau khi nêu kết thúc của câu chuyện.*
 - + *Kết bài mở rộng: Nêu kết thúc của câu chuyện và bày tỏ suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc,... về câu chuyện đó.*)

3.3. Rút ra ghi nhớ về mở bài và kết bài trong bài văn kể chuyện

- HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi của GV: Theo em, có những cách nào để viết đoạn mở bài và kết bài trong bài văn kể chuyện?
- HS rút ra ghi nhớ.
- 1 – 2 HS đọc lại ghi nhớ.

3.4. Thực hành viết đoạn mở bài và đoạn kết bài

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết đoạn mở bài trực tiếp và đoạn kết bài mở rộng cho bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe về lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi → chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi: Em sẽ làm gì để bắt đầu ngày mới có ý nghĩa?*
- HS trao đổi trong nhóm:
 - + Việc em thường làm mỗi ngày để bắt đầu ngày mới? (*Ăn sáng, soạn sách vở,...*)
 - + Việc em nên làm để bắt đầu ngày mới có ý nghĩa và giải thích lí do? (*Tập thể dục buổi sáng – tốt cho sức khỏe, Tưới cây – giúp cây xanh tốt, Nói lời yêu thương – đem lại niềm vui cho người thân,...*)
- HS nói nổi tiếp trước lớp bằng hình thức *Chuyện Hoa niềm vui*.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: LÊN NƯƠNG (tiết 12 – 14, SHS, tr. 23 – 25)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn suy nghĩ, cảm xúc khi quan sát tranh về hoạt động của bạn nhỏ miền núi; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, phân biệt được giọng các nhân vật; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Liêm đã biết lên nương chặt cỏ cho bò khi bố mẹ đi vắng, chị bạn ôn thi.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Liêm là một thiếu niên tự giác, biết tham gia làm việc nhà vừa sức. Em chính là một bông hoa của núi rừng.*

3. Luyện tập nhận diện và sử dụng danh từ.

4. Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe về lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu.

5. Biết đóng vai, nói và đáp lời động viên, khen ngợi của bố mẹ và chị Dưa với Liêm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ ghi đoạn 2.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn suy nghĩ, cảm xúc khi quan sát tranh về hoạt động của bạn nhỏ miền núi (cảnh vật, việc làm, cảm xúc,...) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Lên nương”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Lên nương

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng kể thông thả, vui tươi; nhấn giọng ở các từ ngữ tả cảnh đẹp thiên nhiên, suy nghĩ, việc làm của nhân vật; giọng bố: trầm ấm; giọng Liêm: mạnh dạn, dứt khoát, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *hít hà, quẩy tấu, tròn ồm, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu tả vẻ đẹp của cảnh:

*Ngô,/ cỏ voi/ và những loại cỏ khác/ đón những cơn mưa mùa hạ/ vươn lên xanh ngắt.//;
Nắng vàng/ soi cái bóng tròn ồm/ dưới chân Liêm.//; ...*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “lớp Mười dưới huyện.”

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “là đủ rồi.”

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *thung lũng* (vùng đất trũng thấp giữa hai sườn đồi, sườn núi), *cao nguyên* (vùng đất rộng và cao lớn, xung quanh có sườn dốc), *nuơng* (đất trồng trọt ở vùng đồi núi), *tròn ồm* (thật tròn, do mặt trời chiếu thẳng từ trên cao xuống),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Cảnh cao nguyên trong đoạn đầu được tả bằng những hình ảnh: Gió thổi mát rượi, mùi ngô non thơm dịu trong gió, xanh mát, ngô, cỏ vươn lên xanh ngắt, con đường đầy màu xanh.*

+ Câu 2: *Điểm thú vị trong mỗi cách nói:*

a. *Những bó cỏ voi đều “chạy” từ trên nuơng về trên lưng của bố: đem đến cho người đọc cảm giác cỏ như có chân và việc lao động của bố trở nên nhẹ nhàng, vui vẻ hơn.*

b. *“Lưng con còn nhỏ lắm, không đủ sức nuôi hai con bò đâu!”: khẳng định tình cảm yêu thương của bố dành cho Liêm, với bố, “lưng còn nhỏ” nghĩa là Liêm còn bé bỏng, chưa thể làm việc quá nhiều. Liêm còn nhỏ, lưng Liêm không thể “cồng” cỏ voi để nuôi hai con bò như bố.*

+ Câu 3: *Những chi tiết cho thấy Liêm rất vui và sẵn sàng với công việc: Vui bước trên con đường đầy màu xanh, nhận với bố để mình chăm hai con bò khi biết bố mẹ và chị bận, trả lời bố: “Không sao. Con đi hai chuyến. Mỗi chuyến một bó cỏ là đủ rồi”, lên nuơng thật sớm.*

+ Câu 4: *Tả mặt trời bằng từ “đi” tạo cảm giác mặt trời như một người bạn đang đi cùng Liêm, cũng chăm chỉ và cần cù lao động. Nắng vàng soi bóng Liêm tròn ồm, bóng tròn ấy lại như một người bạn của mặt trời. Tất cả tạo nên sự gần gũi, thân thiết, vui tươi.*

+ Câu 5: Khuyến khích HS trả lời theo cách nghĩ riêng. (Tham khảo: Ngoài việc học, các bạn nhỏ ở vùng cao còn biết lao động giúp đỡ gia đình, chủ yếu là lao động nông nghiệp như chăn bò, cắt cỏ, làm nương,...)

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Cảnh đẹp trên đường từ nhà Liêm lên nương.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Liêm vui vẻ nhận chăm hai con bò.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Cảnh đẹp buổi chiều trên nương.*
→ rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng đọc vui, trong sáng; giọng bố: trầm ấm; giọng Liêm: mạnh dạn, dứt khoát; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện hoạt động, suy nghĩ, tình cảm của nhân vật*):

Liêm có cả mùa hè/ trên mảnh nương xanh biếc này.// Hôm nay,/ Liêm lên nương/ chặt cỏ voi cho bò.// Hai con bò/ nuôi nhót trong chuồng.// Mọi lần,/ những bó cỏ voi/ đều “chạy” từ trên nương/ về trên lưng của bố.// Hôm qua,/ Liêm bảo với bố/ để mình chăm hai con bò.// Bố cười.// “Lưng con còn nhỏ lắm,/ không đủ sức/ nuôi hai con bò đâu!”// Liêm cũng cười.// “Không sao.// Con đi hai chuyến.// Mỗi chuyến một bó cỏ/ là đủ rồi.”//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về danh từ

2.1. Luyện tập nhận diện danh từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS tìm từ theo nhóm nhỏ.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

(Đáp án:

+ *Danh từ chỉ con vật: chuồn chuồn, cà cuống, niềng niềng/ niềng niềng đực, niềng niềng/ niềng niềng cái, cá sộp, cá chuối.*

- + Danh từ chỉ cây cối: khoai, đậu, cà, mạ, hoa, sen/ hoa sen.
- + Danh từ chỉ thời gian: tháng Chạp, tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tư.
- + Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: mưa, nắng.)

Lưu ý: Nếu HS xác định “nhị/ nhị sen” là từ chỉ cây cối, “râm” là từ chỉ hiện tượng tự nhiên trong ngữ cảnh này vẫn chấp nhận.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm danh từ

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tìm từ theo nhóm nhỏ, mỗi nhóm thực hiện một yêu cầu (kĩ thuật *Mảnh ghép*) hoặc mỗi cá nhân trong nhóm thực hiện một yêu cầu trước khi chia sẻ chung.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

(Gợi ý:

- + Danh từ chỉ nghề nghiệp: giáo viên, bác sĩ, y tá,...
- + Danh từ chỉ đồ dùng, đồ chơi: tủ lạnh, vòng, cờ cá ngựa,...
- + Danh từ chỉ các buổi trong ngày: sáng, trưa, tối, đêm (chấp nhận cả trường hợp *trình mơ, sớm mai,...*)
- + Danh từ chỉ các mùa trong năm: xuân, hạ, thu, đông (chấp nhận cả mùa mưa, mùa khô, mùa nước nổi,...))
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu nói về một hiện tượng tự nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS viết 1 – 2 câu vào VBT.
- 2 – 3 HS trình bày bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết bài văn kể chuyện

3.1. Viết bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe nói về lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc phần lưu ý.

– HS đọc lại dàn ý đã lập theo yêu cầu ở trang 17 (*Tiếng Việt 4, tập một*) để xác định những ý đã ghi chép cho sự việc chính, thể hiện lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu của nhân vật trong câu chuyện, kết hợp điều chỉnh theo lưu ý (nếu có) để chọn lọc nội dung, chi tiết kể tốt nhất.

- HS nghe GV lưu ý thêm (nếu cần).
- HS thực hành viết bài văn vào VBT.
- 3 – 4 HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Đọc lại và chỉnh sửa bài viết

- HS xác định yêu cầu BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS trao đổi nhóm đôi, chia sẻ bài viết và những nội dung sẽ chỉnh sửa (nếu có).
- HS chọn viết một đoạn chỉnh sửa (nếu có) vào VBT.
- 1 – 2 HS đọc đoạn chỉnh sửa trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai, nói và đáp lời khen của bố mẹ và chị Dưa với Liêm.*
- HS trao đổi trong nhóm 4, phân vai, thực hành nói và đáp lời khen của bố mẹ và chị Dưa với Liêm.
- 1 – 2 nhóm HS đóng vai nói trước lớp.
- HS nghe bạn nhận xét.
- HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc sau hoạt động.
- HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 5: CÔ BÉ ẤY ĐÃ LỚN (tiết 15 – 18, SHS, tr. 26 – 29)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kể được về một kỉ niệm vui với bạn bè; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Kỉ niệm của Phương và những người bạn hàng xóm với cây sấu trong vườn nhà thật đẹp.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Những lời nói, việc làm của Phương cho thấy em đã lớn, đã biết quan tâm, chia sẻ với bạn bè, người thân.*

3. Nhận diện và biết cách sử dụng động từ.
4. Biết tìm ý và viết đoạn văn cho bài văn kể chuyện đã đọc, đã nghe ca ngợi lòng dũng cảm hoặc trí thông minh của con người.
5. Thi kể tên món ăn làm từ hoa, quả; nói được 2 – 3 câu về một món ăn đã kể tên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- HS mang theo ảnh chụp với bạn gắn với kỉ niệm mà em muốn kể, ảnh chụp chân dung hoặc một số hoạt động cho thấy em đã lớn.
- Tranh ảnh cây sấu, quả sấu xanh, chín, một số món ăn làm từ sấu (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn 3.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- Tranh ảnh hoặc một số món ăn làm từ hoa, quả (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, kể với bạn về một kỉ niệm vui của em với bạn bè (có thể kết hợp sử dụng ảnh các bạn đã chuẩn bị từ trước) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Cô bé ấy đã lớn”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Cô bé ấy đã lớn

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của cây sấu, tả cơn bão, hoạt động, trạng thái và cảm xúc của các nhân vật; giọng các bạn hồn nhiên, giọng Mai tự tin pha chút ích kỉ, giọng Hoa hóm hớ, giọng Cường thể hiện thái độ bông đùa, giọng Phương đoạn đầu tỏ ý bực bội, đoạn sau vui tươi, hóm hớ,...*).

- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *hăm hớ, rụt rè, rộ, rậm, sừng sốt, riu rít,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

– *Tớ sẽ không cho ai vào nhà,/ thế là/ hết cả sấu dằm/ với ô mai sấu!// Một mình tớ/ sẽ tha hồ hái.//;*

Những con mắt lá/ biếc xanh trong nắng/ và những nụ hoa đầu tiên/ rụt rè xuất hiện.//;

Nhưng/ giữa những vòm lá rậm/ tít trên cao,/ sấu/ vẫn giữ lại được/ mấy chùm quả nhỏ xíu.//; ...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “tha hồ hái”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “mấy chùm quả nhỏ xíu”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *sấu* (là loại cây gỗ, sống lâu năm, có thể cao tới 30 mét, lá xanh dày, hoa nhỏ, màu trắng xanh, mọc thành chùm, quả hình cầu hơi dẹt, khi chín màu vàng sẫm; cây ra hoa vào mùa xuân – hè và có quả vào mùa hè – thu; quả tươi dùng để nấu canh hay làm mứt sấu, ô mai, sấu dằm,...), *sấu dằm* (món ăn làm từ quả sấu với đường, gừng hoặc mắm/ muối, tỏi, ớt,...), *ô mai sấu* (món ăn làm từ quả sấu non hoặc già với muối, đường, gừng,...), *ăn dè* (ăn tiết kiệm, ít ít từng chút một vì không có nhiều),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Khi trông thấy cây sấu, các bạn cùng ao ước nó lớn thật mau, cho thật nhiều quả để mỗi bạn làm một món ăn từ quả sấu.*

+ Câu 2: *Những chi tiết cho thấy cuộc trò chuyện của các bạn nhỏ rất thú vị: mỗi bạn có một điều ước, điều ước nào cũng thú vị; khi mỗi bạn nói ra điều ước, các bạn khác có bình luận, bông đùa, thể hiện những lời nói, hành động, trạng thái cảm xúc khác nhau.*

+ Câu 3: *Từ ngữ cho thấy sự thay đổi của cây sấu sau hai năm: cao lớn, tán xoè rộng, che mát một góc vườn, những con mắt lá biếc xanh, những nụ hoa rụt rè xuất hiện.*

+ Câu 4: *Khi thấy mấy chùm sấu đã chín, Phương rủ các bạn sang hái và cùng ăn. Phương biết nhờ bố hái giúp. Bạn còn biết để phần mẹ và bé Lan.*

+ Câu 5: *Chọn đáp án: Vì bài đọc cho biết Phương đã thay đổi trong suy nghĩ. GV yêu cầu HS nêu lí do chọn đáp án và khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, các em có thể giải thích tên bài được đặt dựa vào sự thay đổi của nhân vật Phương: hai năm trước còn ích kỉ, muốn giữ những quả sấu riêng cho mình, hai năm sau đã biết*

chủ động mời các bạn đến nhà thưởng thức những chùm quả đầu tiên, lại biết phần mẹ và em đang đi vắng. Lớn ở đây vừa là sự thay đổi về thể chất vừa là sự thay đổi về nhận thức, biết yêu quý, trân trọng bạn bè và người thân...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Dự định của Phương và các bạn khi cấy sấu cho quả.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Sự thay đổi của cây sấu sau hai năm.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Những việc làm của Phương khi thấy mấy chùm sấu còn sót lại đã chín.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng vui, tốc độ nhanh hơn so với đoạn trên, hai câu cuối đọc thông thả; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của người, vật*):

Một sớm,/ vừa bước ra vườn,/ Phương sửng sốt/ khi thấy mấy chùm sấu đã chín.// Những chùm quả vàng tươi trong kẽ lá/ nhắc Phương nhớ đến/ câu chuyện hai năm trước.// Hôm ấy,/ vừa tới lớp,/ Phương đã riú rít.//

– Mai ơi!// Hoa ơi!// Cường ơi!// Cuối tuần/ sang nhà tớ/ hái sấu nhé!//

Sáng thứ Bảy,/ bố giúp Phương/ và các bạn/ hái sấu.// Phương chọn những quả ngon nhất/ để dành cho mẹ/ và bé Lan.//

Vừa “ăn dè” tùng miếng sấu chín,/ các bạn vừa vui vẻ ôn lại chuyện ngày trước.// Tất cả đều tự cười mình/ thật là “trẻ con”.//

– HS luyện đọc câu nói của Phương: giọng cao, hơi gấp gáp thể hiện niềm vui.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài. Nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Động từ

2.1. Hình thành khái niệm động từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

- HS tìm từ theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ, dán kết quả vào bảng nhóm.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

(Đáp án:

+ Từ chỉ hoạt động của người, vật: *nổi (lửa), vẩn, xách, đi, cày/ đi cày, tát (nước), tìm, về/ tìm về, tung, bắt, đi.*

+ Từ chỉ trạng thái của người, vật: *buồn, cách, nhớ, nở.)*

Lưu ý:

+ Nếu HS xác định “đây” là từ chỉ trạng thái của người, vật trong ngữ cảnh này vẫn chấp nhận.

- + Khau: gàu (thường dùng để tát nước).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về động từ.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Nhận diện động từ

- HS xác định yêu cầu của BT 2, quan sát các hình ảnh và đọc mẫu.
- HS tìm từ trong nhóm bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*, hoặc giao mỗi nhóm tìm từ cho một tranh (kĩ thuật *Mảnh ghép*).
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài.

(Đáp án:

+ *Tranh máy bay: cất (cánh), đậu, đỗ, đáp, di chuyển, hạ (cánh), lượn, chạy, lăn (bánh),...*

+ *Tranh bông hoa cúc: nở, xoè, khoe (sắc), toả (huơng),...*

+ *Tranh chú chim: đậu, cất (tiếng hót), nhìn, hót, rướn (cổ),...*

+ *Tranh mặt trời: mọc, nhô, toả (năng), chiếu (năng/ sáng), rọi (năng/ sáng),...*

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu nêu hoạt động, trạng thái

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS nói câu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- HS viết câu vào VBT.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Tìm ý và viết đoạn văn cho bài văn kể chuyện

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *kể chuyện*.)
- Câu chuyện này do đâu em biết? (Đáp án: *đã đọc, đã nghe*.)
- Câu chuyện cần kể về nội dung gì? (Đáp án: *ca ngợi lòng dũng cảm hoặc trí thông minh của con người*.)

3.2. Lựa chọn câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS nhớ lại các câu chuyện đã đọc, đã nghe, thảo luận nhóm nhỏ để kể tên câu chuyện và giải thích lí do vì sao cho rằng câu chuyện đó có nội dung ca ngợi lòng dũng cảm hoặc trí thông minh của con người.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Tìm ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm để thực hiện BT.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS ghi chép vắn tắt các sự việc chính của câu chuyện vào giấy nháp hoặc VBT.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Thực hành viết đoạn mở bài và đoạn kết bài

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS viết đoạn mở bài gián tiếp và đoạn kết bài mở rộng cho bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe ca ngợi lòng dũng cảm hoặc trí thông minh vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi → chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Thi kể tên và nói 2 – 3 câu về một món ăn làm từ hoa, quả mà em thích.*

– HS thi kể tên món ăn làm từ hoa quả theo một trong các hình thức:

+ Chia đội chơi *Tiếp sức.*

+ Tổ chức thi trong nhóm nhỏ.

+ ...

(Gợi ý: *Mứt quýt, mứt dừa, mứt măng cầu, chè dừa dầm, xôi xoài, kem sầu riêng, mơ sấy, canh ác-ti-sô,...*)

– HS tìm hiểu thêm về một vài món ăn thông qua vật thật hoặc tranh, ảnh. Có thể ném 1 – 2 món ăn để cảm nhận hương vị.

– HS nói 2 – 3 câu về món ăn em thích trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. (Gợi ý: *Giới thiệu tên món ăn, tên nguyên liệu, cách chế biến,... hoặc màu sắc, hương vị,...*)

– 1 – 2 HS nói trước lớp.

– HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 6: NGƯỜI THIẾU NIÊN ANH HÙNG (tiết 19 – 21, SHS, tr. 30 – 32)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giải câu đố và nói được 1 – 2 câu về nhân vật có tên trong lời giải đố; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Nguyễn Bá Ngọc đã anh dũng hi sinh sau khi cứu được ba em nhỏ của người bạn hàng xóm.*

3. Kể được về một hoạt động đền ơn đáp nghĩa hoặc một hoạt động thiện nguyện mà em đã có dịp chứng kiến hoặc tham gia.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết.

5. Chia sẻ được suy nghĩ, cảm xúc sau khi nghe bài hát “Nguyễn Bá Ngọc – Người thiếu niên dũng cảm”, nhạc và lời: Mộng Lân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.

- Một số bức ảnh, tư liệu về anh hùng Nguyễn Bá Ngọc.
- Bảng phụ hoặc máy chiếu để trình bày đoạn từ “Ngày 04 tháng 4” đến “điều hai em Đơ, Toanh xuống hầm”.
- Video clip hoặc audio bài hát “Nguyễn Bá Ngọc – Người thiếu niên dũng cảm”, nhạc và lời: Mộng Lân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, giải câu đố dựa vào hình ảnh minh hoạ (Đáp án: *Trần Quốc Toản*). Dựa vào nội dung câu đố và những hiểu biết được cung cấp qua các bài đọc để nói 1 – 2 câu về nhân vật có tên trong lời giải đố. → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Người thiếu niên anh hùng”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Người thiếu niên anh hùng

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sự khốc liệt của chiến tranh, hoạt động của các nhân vật, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ác liệt, sơ tán, ngăn ngừa, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Không ngăn ngừa,/ Ngọc ôm em Oong bé nhất/ đưa về hầm nhà mình trú ẩn.// Thấy bom đạn vẫn tiếp tục dội xuống,/ một lần nữa Ngọc chui lên/ vừa bế,/ vừa điều hai em Đơ,/ Toanh/ xuống hầm.//; ...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *ác liệt* (thường dùng để nói về chiến tranh rất gay gắt, quyết liệt, gây ra nhiều thiệt hại), *bom* (vũ khí vô bằng kim loại, trong có chứa thuốc nổ, có sức sát thương và phá hoại mạnh), ...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS và rút ra nội dung bài. Gợi ý:

+ Câu 1: *Nguyễn Bá Ngọc và các bạn phải đi học trong cảnh sơ tán vì chiến tranh diễn ra ác liệt, máy bay địch ném bom, bắn phá quê hương của Ngọc.*

+ Câu 2: Khi nghe thấy tiếng khóc thét bên nhà hàng xóm, Nguyễn Bá Ngọc đã chạy sang nhà Khương, ôm em Oong bé nhất đưa về hầm nhà mình trú ẩn. Xong cậu lại chui lên, vừa bế, vừa dỗ hai em Đơ, Toanh xuống hầm.

+ Câu 3: Ngọc không biết mình bị thương vì lúc đó Ngọc chỉ nghĩ tới việc cứu người, lo lắng cho sự an nguy của ba em nhỏ.

+ Câu 4: Khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân (Gợi ý: *khâm phục vì Nguyễn Bá Ngọc can đảm, tiếc thương vì anh hi sinh khi còn quá trẻ,...*).

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Ngày 04 tháng 4” đến “điu hai em Đơ, Toanh xuống hầm” và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sự khốc liệt của chiến tranh, hoạt động của các nhân vật,...*):

Ngày 04 tháng 4 năm 1965,/ máy bay địch ném bom,/ bắn phá xã Quảng Trung,/ huyện Quảng Xương,/ tỉnh Thanh Hoá.// Lúc ấy,/ người lớn/ đã ra đồng làm việc,// ở nhà/ chỉ còn trẻ em.// Nghe tiếng máy bay,/ Ngọc vội chạy xuống hầm.// Bỗng,/ Ngọc nghe thấy tiếng khóc thét/ bên nhà hàng xóm.// Ngọc nhào lên,/ chạy sang nhà Khương/ thì thấy bạn của mình/ đã chết vì trúng bom.// Các em của Khương/ đang kêu khóc.// Không ngăn ngừ,/ Ngọc ôm em Oong bé nhất/ đưa về hầm nhà mình trú ẩn.// Thấy bom đạn vẫn tiếp tục dội xuống,/ một lần nữa/ Ngọc chui lên/ vừa bế,/ vừa dỗ hai em Đơ,/ Toanh/ xuống hầm.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Ngày 04 tháng 4” đến “điu hai em Đơ, Toanh xuống hầm”.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Kể về một hoạt động đền ơn đáp nghĩa hoặc một hoạt động thiện nguyện

– HS đọc đề bài và các gợi ý.

– HS hoạt động theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, kể về hoạt động đền ơn đáp nghĩa hoặc hoạt động thiện nguyện đã chứng kiến hoặc tham gia:

+ Kể tên hoạt động (Gợi ý: *Dâng hương tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh; Tặng quà cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo; Đền lòng cho em;...*).

+ Kể lại theo trình tự các việc mà em hoặc những người tham gia đã làm.

+ Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em khi chứng kiến hoặc tham gia hoạt động.

- 1 – 2 HS kể trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

3. Viết

Trả bài văn kể chuyện

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe về lòng trung thực hoặc lòng nhân hậu: ưu điểm, hạn chế,...

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

- HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết đã nộp.
- HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo, trình tự các sự việc, dùng từ, viết câu,...).

3.3. Trao đổi với bạn về bài viết

HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về bài viết dựa vào các gợi ý:

- Những điều học được ở bài viết của bạn.
- Những nội dung có thể điều chỉnh để bài viết hay hơn.
- Những nội dung muốn góp ý cho bài viết của bạn.
- ...

3.4. Viết lại đoạn mở bài hoặc đoạn kết bài

- HS viết lại đoạn mở bài hoặc đoạn kết bài cho bài viết của mình:
 - + Đoạn mở bài: cách dẫn dắt vào câu chuyện hấp dẫn.
 - + Đoạn kết bài: thêm vào suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ câu chuyện.
- 2 – 3 HS chia sẻ đoạn mở bài hoặc đoạn kết bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi nghe bài hát “Nguyễn Bá Ngọc – Người thiếu niên dũng cảm”, nhạc và lời: Mộng Lân.*
- HS nghe audio hoặc xem video clip bài hát “Nguyễn Bá Ngọc – Người thiếu niên dũng cảm”. Khuyến khích HS hát và vận động theo nhạc.
- HS chia sẻ trong nhóm suy nghĩ, cảm xúc sau khi nghe bài hát.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 7: SẮC MÀU (tiết 22 – 25, SHS, tr. 33 – 36)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Quan sát, trao đổi được với bạn về màu sắc trong bức tranh của bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Trong bức tranh của bạn nhỏ, mỗi sự vật đều có màu sắc riêng, màu sắc nào cũng đẹp và có ý nghĩa. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Bức tranh đầy màu sắc gửi gắm tình cảm của bạn nhỏ với thiên nhiên và người mẹ kính yêu của mình.*

– Tìm đọc được một bản tin viết về gương thiếu nhi vượt khó, tài năng hoặc dũng cảm, viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về suy nghĩ, cảm xúc hoặc những điều học được từ gương thiếu nhi được nhắc đến trong bản tin.

3. Luyện tập nhận diện và sử dụng động từ.

4. Viết được bài văn kể chuyện ca ngợi lòng dũng cảm hoặc trí thông minh của con người.

5. Tìm được thành ngữ chỉ màu sắc và đặt được câu với một thành ngữ tìm được.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác. Tranh ảnh SHS phóng to.

– Bảng phụ ghi hai khổ thơ cuối.

– Một số bài đọc hoặc bản tin về gương thiếu nhi vượt khó, tài năng hoặc dũng cảm.

– Thẻ từ cho HS thực hiện các BT từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói được với bạn về màu sắc trong bức tranh của bài đọc → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Sắc màu”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Sắc màu

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, hồn nhiên, hai dòng thơ cuối giọng thiết tha, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tên và màu sắc, hoạt động của các sự vật, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *hương ngát, sẫm tối, biếc trong, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

*Màu đỏ/ cánh hoa hồng/
Nhuộm/ bùng/ cho đôi má/
Còn màu xanh/ chiếc lá/
Làm mát/ những rặng cây.//*

*Bình minh/ treo trên mây/
Thả nắng vàng/ xuống đất/
Gió/ mang theo hương ngát/
Cho ong/ giỏ mật đầy.//*

– HS đọc thành tiếng 1 – 2 – 3 khổ hoặc toàn bài thơ trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *nhuộm* (làm cho chuyển thành màu nào đó bằng cách nhuộm hoặc ủ với chất có màu, ở đây ý nói màu đỏ của cánh hoa hồng hắt lên làm hồng khuôn mặt bạn nhỏ),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS và rút ra nội dung, ý nghĩa của bài thơ. Gợi ý:

+ Câu 1: *Tác giả chọn màu sắc đều là màu của các sự vật trong thiên nhiên: đôi má lấy màu đỏ từ cánh hoa hồng, rặng cây lấy màu xanh từ chiếc lá, hoàng hôn lấy màu tím từ chiếc áo, màu nâu lấy từ những cây to lâu năm của đại ngàn.*

+ Câu 2: *Mỗi sự vật trong khổ thơ 2 được miêu tả: Bình minh: treo trên mây, thả nắng vàng; Gió: mang theo hương ngát, cho ong giỏ mật đầy. Tác giả tả bình minh và gió có hoạt động giống như con người. Nhờ thế, các sự vật trở nên gần gũi, sinh động.*

+ Câu 3: *Bạn nhỏ nói: “Riêng đêm như màu mực/ Để thấp sao trên trời” vì những ngôi sao trở nên sáng và lung linh trên nền trời sẫm tối.*

+ Câu 4: Gợi ý: *Khổ thơ cuối bài ý nói bạn nhỏ rất yêu thương, quan tâm đến mẹ và rất tinh tế khi nhận ra sự thay đổi của mẹ. Bạn cũng hiểu rằng, tóc mẹ bạc do thời gian và những vất vả mẹ đã trải qua.*

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại hai khổ thơ cuối và xác định giọng đọc (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, hồn nhiên, hai dòng thơ cuối giọng thiết tha, tốc độ chậm lại, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu sắc, hoạt động, trạng thái của người, vật*):

Màu nâu này/ biết không/

Từ đại ngàn/ xa thăm/

Riêng đêm/ như màu mực/

Đề/ thấp sao lên trời...//

Mắt/ nhìn khắp muôn nơi/

Sắc màu/ không kể hết/

Em/ tô thêm màu trắng/

Trên tóc mẹ/ sương rơi...//

- HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp 3 – 4 khổ thơ em thích.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ”

1.2.1. Tìm đọc bản tin

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin phù hợp với chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bản tin viết về tấm gương:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| + Thiếu nhi vượt khó | + Thiếu nhi tài năng |
| + Thiếu nhi dũng cảm | + ? |

– HS chuẩn bị bản tin để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Ngày kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bản tin: tên bản tin, tên nhân vật, tình huống, cách giải quyết,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bản tin.

1.2.3. Chia sẻ về bản tin đã đọc

- HS đọc bản tin hoặc trao đổi bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về suy nghĩ, cảm xúc hoặc những điều em học được từ gương thiếu nhi được nhắc đến trong bản tin.
- Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về động từ

2.1. Tìm từ chỉ hoạt động

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn thơ và đoạn văn.
- HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả.

(Đáp án:

a. *tới (trường), dắt (tay), lên (nuơng), tới (lốp), đi, về, reo, chày, thì thào.*

b. *chạy, nở, đi, nhảy, nói, nghịch, chao, đớp (mồi).)*

Lưu ý: Ở BT 1a, từ “có” là động từ chỉ trạng thái tồn tại, tuy nhiên không bắt buộc HS phải xác định; ở BT 1b, xét trong ngữ cảnh có thể xem “tều” là động từ.

– HS tìm hiểu thêm về nội dung đoạn thơ, về sự chăm sóc của mẹ với bạn nhỏ trong ngày đầu đi học.

– HS tìm hiểu thêm về các loài chim được nhắc đến trong bài về và hoạt động của chúng: sáo, liều diều, chìa vôi, chèo bẻo. Có thể tìm thêm từ chỉ hoạt động của các loài chim (Gợi ý: *hót, bay, xoè (cánh),...*) hoặc giải nghĩa một số từ chỉ hoạt động như: *chao* (bay nghiêng từ bên này sang bên kia và ngược lại).

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Chọn động từ chỉ hoạt động

- HS xác định yêu cầu của BT 2.

- HS thảo luận trong nhóm để thực hiện yêu cầu.
- HS chữa bài bằng hình thức chơi *Tiếp sức* (Đáp án: *làm, quét, gieo cây, đan, rủ, ăn*).
- 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn sau khi đã điền từ.
- HS tìm hiểu thêm về nội dung đoạn văn, về sự gắn bó của cây cọ với cuộc sống của người dân ở vùng trung du.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu về hoạt động vui chơi

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS viết 2 – 3 câu vào VBT.
- 2 – 3 HS chữa bài trước lớp, có thể chỉ ra các động từ trong các câu đã viết (nếu có).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết bài văn kể chuyện

3.1. Viết bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe ca ngợi lòng dũng cảm hoặc trí thông minh của con người

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc gợi ý.
- HS đọc lại phần tìm ý đã làm theo yêu cầu ở trang 29 (*Tiếng Việt 4, tập một*) để xác định những ý đã ghi chép cho sự việc chính, thể hiện lòng dũng cảm hoặc trí thông minh của nhân vật trong câu chuyện, kết hợp điều chỉnh theo gợi ý (nếu có) để chọn lọc nội dung, chi tiết kể tốt nhất.
- HS nghe GV lưu ý thêm (nếu cần).
- HS thực hành viết bài văn vào VBT.
- 3 – 4 HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Đọc lại và chỉnh sửa bài viết

- HS xác định yêu cầu BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS trao đổi nhóm đôi, chia sẻ bài viết và những nội dung sẽ chỉnh sửa (nếu có).
- HS chọn viết một đoạn chỉnh sửa (nếu có) vào VBT.
- 1 – 2 HS đọc đoạn chỉnh sửa trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Thi tìm thành ngữ chỉ màu sắc và đặt câu với một thành ngữ tìm được.*
- HS thi nói nối tiếp thành ngữ chỉ màu sắc trong nhóm. (Gợi ý: *xanh như tàu lá, vàng như nghệ, trắng như tuyết, đỏ như son, đen như than,...*)
- HS viết câu có thành ngữ tìm được lên chiếc máy bay tự gấp.
- HS chơi *Phi máy bay* để chia sẻ câu trong lớp.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: MÙA THU (tiết 26 – 28, SHS, tr. 37 – 40)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được cảm xúc sau khi đọc lời hoặc nghe một đoạn bài hát “Mùa thu ngày khai trường”, nhạc và lời: Vũ Trọng Tường; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Những thay đổi của thiên nhiên và hoạt động của các bạn HS khiến bức tranh mùa thu thêm đẹp, thấp sáng lung linh những ước mơ.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Với trẻ em, mùa thu bao giờ cũng đẹp, cũng là mùa gieo ước mơ và hi vọng.*
3. MRVT theo chủ đề *Đoàn kết*.
4. Biết được cấu tạo, cách trình bày một lá đơn; Viết được đơn xin nghỉ học.
5. Ghi được 3 – 5 từ ngữ hoặc thành ngữ biết thêm sau khi học chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ” vào sổ tay và trang trí sổ tay.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác. Tranh ảnh SHS phóng to.
- Audio, video clip bài hát “Mùa thu ngày khai trường”, nhạc và lời: Vũ Trọng Tường (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn 3.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- Mẫu “Đơn xin cấp Thẻ bạn đọc”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe audio, video clip hoặc đọc lời hai câu đầu tiên của bài hát “Mùa thu ngày khai trường” và chia sẻ trong nhóm suy nghĩ, cảm xúc sau khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát.

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Mùa thu”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Mùa thu

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ tả cảnh hoặc chỉ hoạt động của HS,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xao động, quần quýt,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Tiếng đám sê non/ tíu tít nháy nhót/ nhặt những hạt thóc/ còn vương lại trên mảnh sân vuông.//;

Tia nắng ban mai/ nghịch ngợm xuyên qua kẽ lá,/ soi vào chiếc tổ xinh xắn/ làm cho chú chim non/ bùng tỉnh giấc,/ bay vút lên trời/ rồi cất tiếng hót líu lo.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến đến “giữa mùa thu”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “cất tiếng hót líu lo”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(*Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *xao động* (lay động, không yên), *trong thanh* (trong lành và thanh khiết),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: Trong đoạn văn thứ nhất, tác giả tả khu vườn mùa thu bằng những hình ảnh và âm thanh: Lá vàng xao động, trái bưởi tròn căng, tiếng đám sẻ non tíu tíu nhảy nhót nhất những hạt thóc còn vương lại.

+ Câu 2: Từ ngữ tả vẻ đẹp của vầng trăng: nhẹ tênh, mỏng manh, bông bênh, tròn vành vạnh.

+ Câu 3: Con đường làng vào mùa thu bỗng “như quen, như lạ” bởi đây là con đường quen thuộc, hằng ngày tác giả vẫn đi, nhưng hôm nay, con đường ấy trở nên lạ hơn, đẹp hơn bởi sự thay đổi của tiết trời và cảnh vật vào mùa thu.

+ Câu 4: Cách tả hoa, lá mùa thu rạng rỡ, rộn ràng, hợp với tâm trạng con người: cúc đại nở bung hai bên đường, dịu dàng lung linh như từng tia nắng nhỏ; thảm cỏ may tìm biếc đến nôn nao; hoa quắn quýt từng bước chân theo các bạn HS vào tận lớp học.

+ Câu 5: Khuyến khích HS trả lời theo cảm nhận cá nhân.

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: Vẻ đẹp của khu vườn và vầng trăng vào mùa thu.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: Vẻ đẹp của con đường làng vào mùa thu.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: Vẻ đẹp của hoa lá, cây cỏ vào mùa thu như hoà cùng ước mơ của các bạn học sinh trong những ngày đầu năm học mới. → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng vui, trong sáng; nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của người, vật*):

Mùa thu,/ vạt hoa cúc đại/ cũng nở bung hai bên đường.// Những bông hoa cúc xinh xinh/ dịu dàng,/ lung linh như từng tia nắng nhỏ.// Thảm cỏ may/ thì tìm biếc đến nôn nao.// Hoa cỏ may/ quắn quýt từng bước chân,/ theo tận vào lớp học./ Tiếng đọc bài ngân nga/ vang ra ngoài cửa lớp/ khiến chú chim/ đang nghiêng chiếc đầu nhỏ xinh/ tìm sâu trong kẽ lá/ cũng lịch rích hót theo.// Giọt nắng sớm mai/ như vô tình/ đậu lên trang vở mới,/ bùng sáng lung linh những ước mơ.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Đoàn kết

2.1. Tìm hiểu nghĩa của từ đoàn kết

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS làm bài cá nhân, viết kết quả vào thẻ từ, bảng nhóm hoặc dùng bông hoa xoay.
(Đáp án: *Chọn đáp án: Kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung.*)
- HS chia sẻ chung: Vì sao không chọn các đáp án còn lại? (Đáp án: *Đáp án màu hồng: kết nối; Đáp án màu xanh dương: kết nghĩa; Đáp án màu xanh lá: kết nạp.*)
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

2.2. Tìm từ có nghĩa trái ngược với từ đoàn kết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* để thực hiện yêu cầu của BT, ghi từ vào các thẻ.
- HS chia sẻ kết quả trước lớp. (Đáp án: *chia rẽ, bè phái, mâu thuẫn, xung khắc,...*)
- 1 – 2 HS nói câu với từ tìm được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Xếp từ thành các nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài theo nhóm.
- HS chữa bài trước lớp bằng hình thức chơi *Tiếp sức*.
(Đáp án:
 - + Từ chứa tiếng kết có nghĩa là gắn bó: *đoàn kết, gắn kết, kết nghĩa, kết hợp, kết bạn.*
 - + Từ chứa tiếng kết có nghĩa là sau cùng, cuối cùng: *sơ kết, chung kết, kết thúc, kết quả, tổng kết.*))

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

2.4. Đặt câu với từ có tiếng kết có nghĩa là gắn bó

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS viết 1 – 2 câu vào VBT.
- 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.5. Tìm hiểu ý nghĩa các câu thơ, tục ngữ, ca dao

- HS xác định yêu cầu của BT 5.
- HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu.
- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ trước lớp. (Gợi ý: *Các câu thơ, tục ngữ, ca dao nói về tinh thần đoàn kết. Đoàn kết tạo nên sức mạnh và thành công.*)
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đơn

3.1. Nhận diện thể loại đơn từ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc “Đơn xin cấp Thẻ bạn đọc”, trao đổi trong nhóm nhỏ và hoàn thành sơ đồ tư duy vào VBT (có thể sử dụng *Phiếu học tập* để hỗ trợ HS học nhóm).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ sơ đồ, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra cấu tạo một lá đơn.

3.2. Nhận xét cách trình bày một lá đơn

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc lại bài đọc, trao đổi trong nhóm nhỏ để nhận xét về cách trình bày các phần của một lá đơn.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra cách trình bày một lá đơn.

3.3. Thực hành viết “Đơn xin nghỉ học”

- HS xác định yêu cầu của BT và đọc các gợi ý.
- HS nghe GV hướng dẫn phân tích yêu cầu của BT:
 - + Đề bài yêu cầu em viết đơn để làm gì?
 - + Khi nào em cần nghỉ học?
 - + Em cần nghỉ học trong bao lâu?
 - + ...
- HS nghe GV gợi ý cách thực hiện BT:
 - + Em cần viết những thông tin cá nhân nào trong đơn?
 - + Lí do em nghỉ học là gì?

- + Em cần hứa những gì nếu thầy cô giáo đồng ý cho em nghỉ học? Vì sao?
- + ...
- HS thực hành viết “Đơn xin nghỉ học” vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại 3 – 5 từ hoặc thành ngữ mà em biết thêm sau khi học chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ”.*
- HS tự ghi chép từ hoặc thành ngữ vào sổ tay (khuyến khích có *Sổ tay Tiếng Việt*), chia sẻ kết quả trong nhóm (Gợi ý: *HS có thể tìm từ ở bài MRVT hoặc các bài học khác như chăm chỉ, đoàn kết, chia sẻ, gần bó, tuổi nhỏ làm việc nhỏ,...*).
- HS trang trí trang sổ tay vừa viết một cách hài hoà với nội dung.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học và chủ điểm.

Chủ điểm 2. MẢNH GHÉP YÊU THƯƠNG (Tuần 5 – 6 – 7 – 8)

Chủ điểm “Mảnh ghép yêu thương” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, trung thực, trách nhiệm*: nhận thức được mỗi người là một thành viên của gia đình, trường học, làng xóm, quê hương,... sẵn sàng chia sẻ yêu thương, đoàn kết gần bó giúp đỡ nhau trong học tập và rèn luyện. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ; biết chú ý đến cảm xúc của bạn bè, người thân; có tinh thần tương thân, tương ái; ý thức hơn về trách nhiệm đối với người thân, bạn bè, thầy cô,... và đối với cộng đồng; tích cực tham gia các hoạt động thể hiện tinh thần tương thân, tương ái.*

BÀI 1: VỀ THĂM BÀ (tiết 1 – 4, SHS, tr. 41 – 44)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về một lần em đi thăm họ hàng hoặc người thân; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Kể về chuyến thăm bà với những cảm xúc yêu thương thông qua*

sự quan tâm dành cho nhau của Thanh và bà. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau của những người thân trong gia đình.*

3. Biết nhận diện và sử dụng động từ phù hợp trong dòng từ, đặt câu.
4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết.
5. Nói hoặc viết được lời yêu thương gửi tới một người thân của em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ ghi đoạn 3.
- Thẻ từ, thẻ câu, bảng nhóm để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm “Mảnh ghép yêu thương”. (Gợi ý: *Ca ngợi tình cảm yêu thương, gắn bó, quan tâm chia sẻ giữa các thành viên trong gia đình và giữa mọi người với nhau.*)
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói về một lần em đi thăm họ hàng hoặc người thân → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên bài và nêu phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Về thăm bà”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Về thăm bà

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, nhẹ nhàng, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả đặc điểm của con đường, mái nhà, từ ngữ miêu tả hình dáng, hành động, trạng thái, cảm xúc của Thanh và bà; giọng Thanh xúc động, yêu thương, thể hiện thái độ yêu quý, kính trọng bà; giọng bà nhẹ nhàng, âu yếm, đầy mến thương,...*).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *Bát Tràng, mừng rỡ, âu yếm, mát rượi, thông thả, sẵn sàng,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Trên con đường lát gạch Bát Tràng rêu phủ,/ những vòng ánh sáng/ lọt qua vòm cây/ xuống nhây mùa theo chiều gió//;

Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán/ rồi thong thả/ đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà.//;

Tuy vậy,/ Thanh cảm thấy/ chính bà che chở cho mình/ như những ngày còn nhỏ.//;

Lần nào trở về với bà,/ Thanh cũng thấy thong thả/ và bình yên như thế.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “ngừng lại trên bậc cửa”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “kéo nắng, cháu”.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “kéo mặt”.

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *tường hoa* (tường rào bao quanh nhà có vườn; thường có thiết kế thông thoáng, thấp và có tác dụng trang trí), *thiên lí* (thiên lí còn gọi là bông lí, lí dạ hương, loại cây leo nhiều nhánh, hoa có mùi hương mang lại cảm giác thư thái),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gọi ý:

+ Câu 1: *Khi đi từ cổng vào nhà bà, Thanh thấy mát mẻ, yên tĩnh, tâm hồn dường như thư thả, bình yên khi ngắm nhìn con đường lát gạch Bát Tràng quen thuộc với bóng nắng lung linh nháy nhót qua kẽ lá, tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà như ngăn chặn mọi tiếng ồn bên ngoài, chỉ còn sự bình yên.*

+ Câu 2: *Khi gặp lại nhau, hai bà cháu xúc động, mừng rỡ, đầy yêu thương.*

+ Câu 3: *Những lời nói, việc làm của bà giúp em hiểu được tình yêu thương bà dành cho Thanh, vẫn quan tâm, chăm sóc Thanh như ngày Thanh còn bé.*

+ Câu 4: *Chọn đáp án: Vì bà lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu Thanh.*

+ Câu 5: Khuyến khích HS trả lời theo những việc đã làm, theo cảm nhận và suy nghĩ riêng.

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Cảm nhận của Thanh khi đi trên con đường vào nhà bà.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Cảm xúc của hai bà cháu khi gặp lại nhau.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Sự quan tâm chăm sóc của bà dành cho Thanh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 4: *Căn nhà và tình yêu của bà luôn khiến Thanh thấy thoải mái và bình yên mỗi khi trở về* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng nhẹ nhàng, vui, tốc độ nhanh hơn so với đoạn 1, 2; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái thể hiện sự yêu thương, quan tâm chăm sóc; giọng Thanh nhẹ nhàng, ảm áp, lễ phép*):

Thanh đi, / người thẳng, / manh, / cạnh bà lưng đã còng. // Tuy vậy, / Thanh cảm thấy / chính bà che chở cho mình / như những ngày còn nhỏ. //

– *Cháu đã ăn cơm chưa? //*

– *Dạ chưa. // Cháu xuống tàu / về đây ngay. // Nhưng cháu không thấy đói. //*

Bà nhìn cháu, / giục. //

– *Cháu rửa mặt đi, / rồi ngủ kéo mệt. //*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài. Nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về động từ

2.1. Nhận diện động từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ, chia sẻ kết quả trong nhóm.

(Đáp án:

a. mặc, ra/ ra trận, múa, hành quân, cuộn, bay, rung/ rung tai, nghe, tần ngần, gỡ, đu đưa, bế, rạch, ghé/ ghé xuống, cười.

Lưu ý: HS xác định “đẩy”, “cuồn cuộn” là động từ vẫn chấp nhận.

b. về, bắt đầu, nhủ, toả, đánh thức, đưa, nở.

Lưu ý: HS không xác định được “bắt đầu” là động từ vẫn chấp nhận.)

– HS làm bài vào VBT.

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Tìm động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận theo nhóm, mỗi HS tìm từ cho một yêu cầu, nhóm trưởng tổng hợp từ của nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

(Gợi ý:

- + Sau một tiết học vui: vui, thích, thích thú, thú vị,...
- + Khi nhận được lời khen: vui, tự hào, xúc động,...
- + Khi được nghe một bài hát hoặc câu chuyện hay: thích thú, thú vị, hào hứng, thư giãn,...)

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu với động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết 1 – 2 câu với từ ngữ tìm được ở BT 2 vào VBT (GV có thể lưu ý HS viết câu dựa vào ngữ cảnh đã cho ở BT 2.).
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá kết quả.

2.4. Chọn động từ phù hợp

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS thảo luận theo nhóm đôi, thay  bằng động từ phù hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh các câu trong đoạn văn (Đáp án: nhớ – lo – nghĩ – tiếc).
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Trả bài văn kể chuyện

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe ca ngợi lòng dũng cảm hoặc trí thông minh của con người (ưu điểm, hạn chế,...).

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

- HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết đã nộp.
- HS tự đọc lại bài viết, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (cấu tạo, trình tự các sự việc, dùng từ, viết câu, chính tả,...).

3.3. Viết lại đoạn văn kể sự việc chính

- HS chọn viết lại một đoạn trong bài viết, có thể thêm vào:
 - + Chi tiết tả ngoại hình, hành động, ý nghĩ,... của nhân vật.
 - + Suy nghĩ, cảm xúc của em.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm → nghe bạn góp ý để hoàn chỉnh bài làm.
- 1 – 2 HS trình bày bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Bình chọn mở bài, kết bài em thích

- GV tổ chức cho HS trưng bày bài làm bằng kỹ thuật *Phòng tranh*.
- HS đọc và bình chọn đoạn mở bài hấp dẫn, đoạn kết bài ấn tượng trong nhóm nhỏ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói hoặc viết lời yêu thương gửi tới một người thân của em.*
- HS nói trong nhóm nhỏ hoặc viết vào vở lời yêu thương, trang trí lời yêu thương đã viết.
- HS chia sẻ lời yêu thương trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

Lưu ý: Tùy thuộc vào tình hình thực tế lớp học, hoạt động này, GV có thể chuyển hoạt động này thành hoạt động ở nhà với những gợi ý, hướng dẫn về nội dung và cách nói, cách viết.

BÀI 2: CA DAO VỀ TÌNH YÊU THƯƠNG

(tiết 5 – 7, SHS, tr. 45 – 48)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được về nội dung, ý nghĩa của một câu tục ngữ hoặc ca dao nói về công ơn cha mẹ; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa. Hiểu được nội dung bài đọc: *Sự gắn kết, thương yêu, chia sẻ giữa người với người trong nhiều mối quan hệ: người thân trong gia đình, thầy và trò, người cùng một nước, cùng nguồn cội.* Từ đó rút ra được ý nghĩa: *Cần biết ghi nhớ công ơn cha mẹ, thầy cô; yêu thương, hoà thuận với anh chị em; yêu thương mọi người xung quanh và nhớ đến cội nguồn dân tộc.*

3. Kể được một việc làm thể hiện tình cảm của em với người thân.

4. Nhận diện, nắm cấu trúc và sắp xếp các ý phù hợp với từng phần của bài văn thuật lại một sự việc.

5. Kể được 1 – 2 việc em có thể làm để thể hiện tình cảm yêu thương con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Bảng phụ ghi câu ca dao 4 và 5.
- Mô hình *Bông hoa yêu thương* để thực hiện hoạt động vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về nội dung, ý nghĩa của một câu tục ngữ hoặc ca dao nói về công ơn cha mẹ → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên bài và nêu phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Ca dao về tình yêu thương”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Ca dao về tình yêu thương

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng thông thả, trêu mến, thiết tha; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc, lời khuyên,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *cưu mang, lớn khôn, yêu nhau, vui vầy,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu ca dao theo nhịp lục bát:

Ơn cha nặng lắm/ ai ơi//

Nghĩa mẹ bằng trời/ chín tháng cưu mang.//

*

*Ngày nào/ em bé còn con/
Bây giờ/ em đã lớn khôn thế này.//
Cơm cha/ áo mẹ/ chữ thầy/
Kể sao/ cho bõ/ những ngày ước ao//.*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *cuu mang* (nghĩa trong bài: em bé khi còn trong bụng mẹ đã được mẹ che chở, bảo vệ), *còn con* (còn rất nhỏ), *bác mẹ* (nghĩa trong bài: cha mẹ), *thân* (nghĩa trong bài: cha mẹ), *cội* (gốc),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Ghi nhớ công ơn cha mẹ, thầy cô: câu ca dao 1 và 2.*

Hoà thuận, yêu thương anh chị em: câu ca dao 3.

Yêu thương con người: câu ca dao 4.

Nhớ đến cội nguồn: câu ca dao 5.

+ Câu 2: *Những hình ảnh trong câu ca dao 1 và 2 nói lên công ơn của cha mẹ, thầy cô: Ôn cha nặng, nghĩa mẹ cao như trời; Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy không sao kể hết.*

+ Câu 3: *Trong câu ca dao 3, anh chị em được so sánh với tay và chân, cách so sánh ấy giúp khắc sâu sự gần gũi, gần bó của anh chị em trong gia đình, như tay và chân trong cùng một cơ thể, luôn cần thiết và hỗ trợ cho nhau.*

+ Câu 4: HS trả lời theo thực tế việc làm, suy nghĩ, cảm xúc riêng.

1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài ca dao. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại câu ca dao 4 và 5 (Gợi ý: *giọng thông thả, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc, việc làm, đặc điểm*):

*Bầu ơi/ thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống/ nhưng chung một giàn.//*

*

*Con người/ có tổ có tông,
Như cây có cội,/ như sông có nguồn.//*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp câu ca dao 4 và 5.

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp bài ca dao (có thể thực hiện sau giờ học).

- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Kể về một việc làm thể hiện tình cảm của em với người thân

2.1. Nhớ lại một câu chuyện kể về việc làm thể hiện tình cảm với người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS nhớ lại nhân vật chính trong câu chuyện và việc làm của họ qua tranh và tên truyện gợi ý.
- HS chia sẻ với bạn về việc làm của nhân vật cô bé trong truyện “Sự tích hoa cúc trắng” (*Tiếng Việt 2, tập một*), việc làm của nhân vật Thanh trong truyện “Về thăm bà” (*Tiếng Việt 4, tập một*).
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp (Gợi ý: *Cô bé vượt qua bao khó khăn, vất vả để tìm được bông hoa cúc trắng mang về giúp cho mẹ khoẻ mạnh, sống lâu (Sự tích hoa cúc trắng); Thanh luôn cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc khi được về thăm bà (Về thăm bà)*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Kể về một việc làm thể hiện tình cảm với người thân

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- + HS đọc đề bài.
- + HS đọc các gợi ý qua sơ đồ.
- HS hoạt động theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ:
 - + Giới thiệu việc đã làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. (Gợi ý: *về thăm ông bà, chăm sóc em nhỏ,...*)
 - + Kể lại theo trình tự các việc đã làm.
 - + Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân và của người thân.
- 1 – 2 HS kể trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Trao đổi về ý nghĩa của việc làm đã kể

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về ý nghĩa của việc làm mà mình đã kể (Gợi ý: *cảm thấy vui hơn, tự tin hơn, yêu quý người thân hơn, biết chia sẻ hơn,...*).
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Bài văn thuật lại một sự việc

3.1. Nhận diện bài văn thuật lại một sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc bài văn.
- HS trao đổi theo nhóm (có thể sử dụng kĩ thuật *Mảnh ghép* để HS ghi nhận kết quả theo nhóm chuyên gia và chia sẻ với nhóm mới) để:

a. Xác định sự việc được thuật lại.

+ Sự việc gì? (Đáp án: *lễ đón HS lớp Một*.)

+ Ở đâu? (Đáp án: *ở trường*.)

+ Khi nào? (Đáp án: *đầu năm học này*.)

b. Xác định vai trò của người thuật đối với sự việc. (Đáp án: *Bạn nhỏ tham gia sự việc*.)

c. Xác định nội dung thuật lại sự việc:

+ Đoạn mở bài. (Đáp án: *Từ đầu đến “ấm áp và ý nghĩa”*.)

+ Các đoạn văn ở phần thân bài và nội dung mỗi đoạn.

(Đáp án: *Đoạn 1: Từ “Mở đầu buổi lễ” đến “thật đáng yêu”: Lễ diễu hành.*

Đoạn 2: Tiếp theo đến “mến yêu”: Chương trình văn nghệ.

Đoạn 3: Tiếp theo đến “tên và lớp”: Cô Hiệu trưởng phát biểu.

Đoạn 4: Tiếp theo đến “năm học mới”: Đại diện HS lớp Một phát biểu.)

+ Đoạn kết bài. (Đáp án: *Từ “Buổi lễ kết thúc” đến hết*.)

d. Xác định trình tự thuật lại sự việc. (Đáp án: *Bạn nhỏ thuật lại sự việc theo trình tự thời gian. Những từ ngữ cho em biết điều đó là: mở đầu, sau khi, tiếp đến, cuối.*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra ghi nhớ.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Sắp xếp ý theo đúng trình tự của bài văn thuật lại một sự việc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm, thực hiện sắp xếp ý và trưng bày theo kĩ thuật *Phòng tranh*.

– 1 nhóm HS chia sẻ trước lớp. (Đáp án: *Sắp xếp theo thứ tự: 4 – 1 – 6 – 3 – 7 – 5 – 2.*)

– HS nghe nhóm bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS xác định nội dung cho từng phần và viết kết quả vào VBT.

– 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp. (Đáp án: *Mở bài: ý 4; Thân bài: Các ý theo thứ tự: 1 – 6 – 3 – 7; Kết bài: Các ý theo thứ tự: 5 – 2.*)

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định các yêu cầu của hoạt động: *Chọn một cánh trên Bông hoa yêu thương; Kể 1 – 2 việc có thể làm để thể hiện sự quan tâm đối với người ghi trên cánh hoa đã chọn.*

– HS thảo luận nhóm nhỏ:

+ Bắt thăm hoặc xoay *Bông hoa yêu thương* để chọn chủ đề.

+ Từng HS nói về việc mình có thể làm để thể hiện sự quan tâm đối với người ghi trên cánh hoa đã chọn.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 3: QUẢ NGỌT CUỐI MÙA (tiết 8 – 11, SHS, tr. 49 – 53)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em khi nhận được sự quan tâm, chăm sóc của người thân; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bà chăm chút, giữ gìn chùm cam để dành tặng cho con cháu và tình cảm yêu thương của cháu đối với bà.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi tình cảm thương yêu, giàu đức hi sinh của bà với con cháu và lòng biết ơn sâu nặng của con cháu đối với bà.*

– Tìm đọc được một bài thơ viết về tình cảm gia đình, bạn bè,...; viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về bài thơ đã đọc: từ dùng hay, hình ảnh đẹp, đoạn thơ em thích và lí do.

3. Tìm và sử dụng động từ phù hợp trong dùng từ, đặt câu.

4. Lập được dàn ý cho bài văn thuật lại một việc tốt.

5. Biết viết và gửi lời cảm ơn với người thân khi nhận được một món quà hoặc một việc làm thể hiện sự quan tâm, chăm sóc từ người đó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Tranh ảnh về cảnh nhà ở nông thôn.
- HS mang tới lớp bài thơ đã đọc về tình cảm với gia đình, bạn bè,... và *Nhật kí đọc sách*.
- Bảng phụ ghi khổ thơ cuối.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ, luyện câu.
- Giấy hoặc thiệp để thực hiện hoạt động vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em khi nhận được sự quan tâm, chăm sóc của người thân (có thể kết hợp sử dụng tranh ảnh) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Quả ngọt cuối mùa”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Quả ngọt cuối mùa

1.1. Đọc bài thơ

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ việc làm, nỗi mong nhớ và tình thương của bà, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *trầy, rét, nom* Đồi, *chuyên, toả, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ nhịp 2/4 và 4/4, trừ dòng thơ “Giêng/hai/ rét cửa như dao” (nhịp 1/1/4) và luyện đọc theo một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

*Quả vàng/ nằm giữa cành xuân
Mãi mê góp mật,/ chuyên cần toả hương//
Bà ơi!// Thương mấy là thương/
Vắng con,/ xa cháu/ tóc sương/ da mồi//
Bà/ như quả ngọt chín rồi
Càng thêm tuổi tác,/ càng tươi lòng vàng.//*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “trẩy vào”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “toả hương”.
- + Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *trẩy* (hái), *nom* (Đoài), *ngắm* (Đông) (nhìn phía tây, nhìn phía đông),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

- + Câu 1: *Bà dành chùm cam đến tận cuối mùa để chờ con cháu ở xa về thưởng thức.*
- + Câu 2: *Để gìn giữ chùm cam, mặc cho thời tiết giá rét, nghe tiếng chim chào mào đến gần, bà vẫn ra vườn trông chừng, vừa sợ chùm cam hỏng vì sương lạnh, vừa sợ chùm cam bị chim ăn mất.*
- + Câu 3: *Chọn đáp án: Tả chùm quả âm thầm chắt chiu vị ngọt, hương thơm.*
- + Câu 4: *Khổ thơ cuối bài nói đến tình cảm của con cháu dành cho bà, thương bà đã cao tuổi nhưng lại sống xa con cháu, đồng thời thể hiện sự trân trọng, yêu quý khi nghĩ về bà, vì bà như quả ngọt, bà càng thêm tuổi càng thêm thương con quý cháu, càng đáng kính, cũng như quả càng chín càng vàng, càng ngon.*

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Bà giữ chùm quả ngon trong vườn để dành phần cho con cháu.*
- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Bà kiên trì trông chừng chùm quả giữa thời tiết giá rét.*
- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Tình cảm và lòng biết ơn của con cháu với bà → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại khổ thơ cuối và xác định giọng đọc (Gợi ý: *giọng trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở câu thơ trực tiếp bộc lộ cảm xúc của nhân vật, ở những từ ngữ chỉ việc làm, nỗi mong nhớ và tình thương của bà, tấm lòng biết ơn và tình cảm yêu thương tha thiết của cháu với bà*):

*Bà ơi!!! Thương mấy là thương//
Vắng con,/ xa cháu/ tóc sương/ da mồi//
Bà/ như quả ngọt chín rồi
Càng thêm tuổi tác,/ càng tươi lòng vàng.//*

- HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp 10 dòng thơ em thích (có thể thực hiện sau giờ học).
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm “Mảnh ghép yêu thương”

1.2.1. Tìm đọc bài thơ

- HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ phù hợp với chủ điểm “Mảnh ghép yêu thương” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách (các tuyển tập thơ), báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ viết về:

- + Tình cảm gia đình
- + Tình cảm bạn bè
- + ?

- HS chuẩn bị sách, báo có bài thơ đã tìm đọc để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

- HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ: tên bài thơ, tên tác giả, từ dùng hay, hình ảnh đẹp,...
- HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ.

1.2.3. Chia sẻ về bài thơ đã đọc

- HS đọc bài thơ hoặc trao đổi bài thơ cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về đoạn thơ yêu thích và giải thích lí do.
- Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về động từ

2.1. Tìm động từ theo nhóm yêu cầu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận theo nhóm 3, mỗi HS tìm từ thuộc 2 nhóm, nhóm trưởng tổng hợp từ của nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

+ *Hoạt động sáng tác, sáng tạo: soạn (nhạc/ kịch), viết (truyện), ...; tạo, tạo dựng, tạo hình, tạo (mẫu), thiết kế, ...*

+ *Hoạt động thiện nguyện: gây quỹ, hiến máu, đóng góp (sách vở, quần áo...), giúp đỡ (người khó khăn, ...), ... (Lưu ý có thể mở rộng bằng tên gọi các phong trào thiện nguyện).*

+ *Hoạt động lao động: trồng trọt, tưới (cây), chăn nuôi, nuôi (gà), ...*

+ *Hoạt động di chuyển: đi, chạy, bò, trườn, bơi, nhảy, bay, ...)*

Lưu ý: Với HS lớp Bốn, có thể chấp nhận các phương án: *soạn nhạc, làm thơ, viết văn, ...; trồng cây, nuôi gà, ...* là từ chỉ hoạt động.

– HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm, dán kết quả vào bảng nhóm.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá.

2.2. Tìm động từ có tiếng cho trước

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận theo nhóm đôi, tìm từ, thống nhất kết quả.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài – có thể theo trò chơi *Chuyền hoa* (Gợi ý: *a. thương mến, yêu thương, thương xót, ...; b. yêu quý, quý trọng, trân quý...; c. mong nhớ, trông mong, mong đợi, chờ mong, ...*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung, đánh giá.

2.3. Sử dụng động từ phù hợp để hoàn thành câu

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ kết quả trong nhóm.

– 2 – 3 HS chữa bài trước lớp (Đáp án: *a. nhớ; b. kính, yêu; c. thương, thương*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá.

2.4. Đặt câu phù hợp với nội dung tranh

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *thuật*.)
- Sự việc thuật lại cần có nội dung gì? (Đáp án: *việc tốt*.)
- Ai thực hiện việc đó? (Đáp án: *em hoặc bạn bè*.)

3.2. Lựa chọn việc làm tốt

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS nhớ lại một việc tốt mà em hoặc bạn bè, người thân đã làm và giải thích lí do vì sao lựa chọn việc làm tốt đó.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Lập dàn ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS làm bài cá nhân vào VBT hoặc vở nháp, lưu ý HS ghi chép văn tắt.

(Gợi ý:

1. Mở bài: Giới thiệu việc tốt (a. Thời gian (Việc đó diễn ra vào lúc nào?); b. Địa điểm (trường hay nơi em ở,...); c. Nhân vật (ai làm việc tốt, người được thụ hưởng,...))

2. Thân bài: Trình tự thuật sự việc (Thời gian: Đầu tiên → Tiếp theo → Sau đó → ... → Cuối cùng; Không gian: Gắn với những cụm từ chỉ địa điểm hoặc tình huống cụ thể.)

3. Thân bài: Suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học em rút ra được từ việc làm tốt đó.)

- HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Bổ sung vào dàn ý đã lập

- HS xác định yêu cầu và đọc gợi ý của BT 3.
- HS trao đổi nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, bổ sung vào dàn ý đã lập một số từ ngữ chỉ thời gian, địa điểm, tình huống hoặc từ ngữ thể hiện suy nghĩ, hành động của nhân vật.
- 2 – 3 HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết lời cảm ơn người thân khi nhận được một món quà hoặc sự quan tâm, chăm sóc từ người đó.*
- HS viết lời cảm ơn vào giấy hoặc thiệp đã chuẩn bị, có thể kẻ khung, trang trí sau khi viết.
- 2 – 3 HS chia sẻ lời cảm ơn trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: THÂN THƯƠNG XỨ VÀM (tiết 12 – 14, SHS, tr. 54 – 57)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về nơi ở và những người hàng xóm; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, nhấn giọng ở những từ ngữ, hình ảnh miêu tả xứ Vàm và thể hiện tình cảm của tác giả; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh vật và cuộc sống bình dị, thân thương của người dân xứ Vàm.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi cuộc sống giản dị, thân tình của người dân xứ Vàm.*
3. Nhận diện và biết cách sử dụng tính từ.
4. Viết được đoạn văn ở phần thân bài của bài văn thuật lại một việc tốt dựa trên dàn ý đã lập.
5. Hỏi – đáp được về những địa điểm quen thuộc ở quê em hoặc nơi em sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- HS mang theo ảnh chụp nơi ở, những người hàng xóm (nếu có).
- Video clip, hình ảnh về chợ Vàm vùng đồng bằng sông Cửu Long (nếu có).

- Bảng phụ ghi đoạn 2.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về nơi ở và những người hàng xóm (có thể sử dụng ảnh đã chuẩn bị, nếu có) → Phỏng đoán được nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Thân thương xứ Vàm”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Thân thương xứ Vàm

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trầm, tha thiết, tình cảm; nhấn giọng ở từ ngữ tả vẻ đẹp thanh bình, tả việc làm thể hiện sự san sẻ, nhường nhịn đầy tình thương mến của người dân ở xứ Vàm,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ôn hoà, cười xoà, hoa lau, hoa sậy,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện tính cách đặc trưng của người dân xứ Vàm:

Người nào/ lỡ có lần sang bên kia tí đỉnh/ thì cũng cười xoà,/ có nhiều đâu,/ dân ruộng với nhau mà.//;

Ở Vàm Cái Đồi/ hay gắn chữ “ruộng” phía sau mỗi tên gọi.// Vì như/ “rau ruộng”,/ “cá ruộng”,/ “đám cưới ruộng”,...//;

Người dân xứ Vàm/ cho dù đi đâu cũng nhớ phiên chợ hiền lành/ góc bên tàu cũ,/ nhớ ngọn gió chướng non/ làm thẳng thốt con đường trắng hoa lau,/ hoa sậy.//;...

– HS chia đoạn để luyện đọc và tìm hiểu bài. Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “sự thân tình”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *ôn hoà* (từ tốn, nhẹ nhàng, không gay gắt), *có nhiều đâu* (có bao nhiêu đâu, nghĩa trong bài: rất ít, không đáng kể), *ngọn gió chướng non* (gió chướng đầu mùa),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Chợ Vàm Cái Đồi họp từ khi bình minh chưa lên.*

+ Câu 2: *Chọn đáp án: Vì chợ có những người mua bán rất thân thiện.*

+ Câu 3: HS trả lời theo cách nghĩ riêng. (Gợi ý: Cách gọi “rau ruộng”, “cá ruộng”, “đám cưới ruộng”,... gợi cho em cảm giác gần gũi, thân quen, như cách gọi của những người thân, những người bạn đã quen từ lâu.)

+ Câu 4: *Khi đi xa, người dân xứ Vàm nhớ phiên chợ hiền lành góc bến tàu cũ, ngọn gió chướng, con đường trắng hoa lau sậy, dòng sông, tiếng còi tàu rời bến sớm.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm xúc riêng.

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp bình dị đầy thương mến và sự thân tình của người dân ở chợ Vàm Cái Đồi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 2: *Tình cảm yêu thương của người dân xứ Vàm với những điều bình dị, thân thuộc ở quê hương* → rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng chậm rãi, thể hiện tình cảm tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp thanh bình của cảnh vật, từ ngữ thể hiện tình cảm và suy nghĩ của người viết về cuộc sống của người dân xứ Vàm*):

Người dân xứ Vàm cho dù đi đâu cũng nhớ phiên chợ hiền lành góc bến tàu cũ,/ nhớ ngọn gió chướng non làm thảng thốt con đường trắng hoa lau,/ hoa sậy.// Nhớ về Vàm là nhớ về sự bình yên của dòng sông nối liền xứ sở,/ những con đường hai bên bờ lau sậy mật mùng.// Nhớ về Vàm là nhớ về những buổi sáng mai/ người ta thức dậy bằng tiếng còi tàu rời bến sớm nhất/ rúc lên vang lừng cả thị trấn.//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Tính từ

2.1. Hình thành khái niệm tính từ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS tìm từ theo nhóm 3: Mỗi HS tìm từ thuộc hai nhóm.
- HS chia sẻ, thống nhất kết quả, dán kết quả vào bảng nhóm.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

(Đáp án:

- + Từ chỉ hình dáng, kích thước: to, tròn, dày, xinh xắn.
- + Từ chỉ màu sắc: mướt xanh, xanh, đỏ thắm.
- + Từ chỉ âm thanh: rì rào, trong trẻo.
- + Từ chỉ hương vị: ngọt thanh, thơm ngát.)

- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài vào VBT. (Đáp án: a. nhẹ nhẹ, b. lú lo, c. rộ.)
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, rút ra những điều cần ghi nhớ về tính từ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Nhận diện tính từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.

(Đáp án: a. vàng, êm, xanh, mới; b. xanh cao, trắng, hơn/ trắng hơn, xộp, hơn/ xộp hơn, nhẹ nhàng, hơn/ nhẹ nhàng hơn, trong suốt, đẹp, đủ, xanh tươi.)

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá.

2.3. Tìm và đặt câu với tính từ

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện BT 4a.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Gợi ý:

+ *chảy*: ào ào, xối xả, hiền hoà, ...

+ *reo*: to, khe khẽ, vui, ...

+ *toả*: sáng, mát, rực rỡ, ...

+ *cười*: tươi, hớn hờ, hả hê, khe khẽ, nhanh khách, ...)

– HS nghe nhóm bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 4b.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn văn cho bài văn thuật lại một việc tốt

3.1. Viết một đoạn văn ở phần thân bài

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.

– HS đọc lại dàn ý đã lập theo yêu cầu ở trang 52, 53 (*Tiếng Việt 4, tập một*), chọn một số ý ở phần thân bài để viết thành đoạn vào VBT.

– HS tự rà soát bài làm của mình.

3.2. Chia sẻ về đoạn văn vừa viết

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS trao đổi VBT trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đọc đoạn văn của các bạn và chia sẻ:

a. Trình tự bạn chọn để thuật lại việc tốt:

+ Bạn chọn thuật theo trình tự không gian hay thời gian?

+ Từ ngữ nào giúp em nhận biết được trình tự đó?

+ ...

b. Những điều em học được từ đoạn văn của bạn:

+ Bạn sắp xếp ý phù hợp như thế nào? Có gì đặc biệt hơn so với cách sắp xếp em đã chọn?

+ Bạn đã sử dụng từ ngữ nào hay?

+ Bạn đã lồng ghép những câu bày tỏ cảm xúc trong khi thuật lại sự việc ra sao?

+ ...

- c. Những điểm em muốn chỉnh sửa ở đoạn văn của mình:
 - + Thêm hành động (hoặc lời nói, suy nghĩ,...) của nhân vật.
 - + Bày tỏ thêm suy nghĩ, cảm xúc của em.
 - + ...
- 1 – 2 HS trình bày những điều muốn sửa trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Hỏi – đáp về những địa điểm quen thuộc ở quê em hoặc nơi em sống.*
- HS đóng vai để hỏi – đáp trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS thực hành hỏi – đáp trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 5: MỘT LI SỮA (tiết 15 – 18, SHS, tr. 58 – 61)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kể được về một lần giúp đỡ người khác hoặc được người khác giúp đỡ; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bác sĩ Ke-ly đã cứu chữa và trả viện phí giúp cô gái đã cho mình một li sữa khi ông còn là cậu bé bán hàng rong nghèo khổ.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Lòng nhân ái, tình yêu thương cùng sự sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau có thể khiến con người cảm thấy hạnh phúc, sống có ý nghĩa và nhận được nhiều điều tốt đẹp.*
3. Tìm và biết cách sử dụng tính từ chỉ đặc điểm để viết câu.
4. Nhận diện và viết được đoạn mở bài, đoạn kết bài cho bài văn thuật lại một sự việc.
5. Tìm được thành ngữ, tục ngữ phù hợp với nội dung câu chuyện “Một li sữa”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Bảng phụ ghi đoạn 1.
- Thẻ từ, bảng phụ để HS thực hiện BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, kể về một lần giúp đỡ người khác hoặc được người khác giúp đỡ → Phỏng đoán được nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Một li sữa”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Một li sữa

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *phân biệt giọng người dẫn chuyện và giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, trầm ấm, nhấn giọng ở những từ ngữ tả hoạt động, trạng thái và cảm xúc của các nhân vật; giọng cậu bé Ke-ly: chân thành; giọng cô bé: trong trẻo, vui tươi, thân thiện; giọng cô gái ở cuối truyện: xúc động, ghen ngào*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *cồn cào, loé, Hao-ớt Ke-ly, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Sau thời gian dài điều trị,/ cô gái khỏi bệnh.// Trước khi tờ hoá đơn thanh toán viện phí/ được chuyển đến cô,/ bác sĩ Ke-ly đã viết gì đó/ vào góc phía dưới.//

Cô gái lo sợ/ không dám mở ra/ vì nghĩ mình khó mà trả hết được số tiền này.//

Cuối cùng,/ cô can đảm nhìn,/ và chú ý đến dòng chữ/ được viết nhanh trên tờ hoá đơn:

“Đã được trả đủ/ bằng một li sữa.

Kí tên/

Tiến sĩ Hao-ớt Ke-ly”//

Cô gái thốt lên/ trong nước mắt://

– Cảm ơn ông!//

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “vừa bán hàng rong vừa đi học”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “vào góc phía dưới”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *hoá đơn* (nghĩa trong bài: Tờ giấy ghi khoản tiền phải nộp cho bệnh viện về chi phí điều trị, như tiền thuốc, tiền chữa bệnh,...),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Cô bé đã bung ra một li sữa lớn khi Ke-ly gõ cửa xin nước uống.*

+ Câu 2: *Ke-ly cảm thấy ấm áp, tự tin hơn sau khi gặp cô bé vì từ sự giúp đỡ vô tư, trong sáng của cô bé, một người không quen biết, Ke-ly nhận ra xung quanh có nhiều người tốt, sẵn lòng giúp đỡ, chia sẻ với mình.*

+ Câu 3: *Khi nhận ra người đã giúp đỡ mình năm xưa, Ke-ly đã âm thầm chữa trị và thanh toán viện phí cho cô ấy.*

+ Câu 4: *Khi nhận được hoá đơn thanh toán viện phí, cô gái rất bất ngờ và xúc động, vì cô không ngờ rằng nhờ một việc làm nhỏ năm xưa mà mình nhận lại được sự giúp đỡ lớn như vậy.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ riêng. (Gợi ý: *Khi chúng ta biết giúp đỡ mọi người, chúng ta cũng sẽ nhận được những điều tốt đẹp.*)

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Lòng tốt và sự giúp đỡ vô tư của cô bé đã giúp Ke-ly lấy lại sự tự tin.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Suy nghĩ và hành động của bác sĩ Ke-ly khi nhận ra người đã giúp đỡ mình năm xưa.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Cảm xúc của cô gái khi biết người bạn mình giúp đỡ năm xưa đã thanh toán khoản viện phí mà cô không thể nào trả nổi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài, giọng của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 1 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng trong trẻo, chậm rãi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái, suy nghĩ của nhân vật Ke-ly; giọng cô bé: vui vẻ, thân thiện; giọng cậu bé Ke-ly: chân thành*);

Hôm đó,/ Ke-ly bán hàng rong/ ở các khu nhà trong thị trấn.// Quá trưa,/ bụng đói cồn cào,/ nhưng/ không còn tiền,/ cậu đành liếc gõ cửa một căn nhà ven đường.// Một cô

bé/ ra mở cửa.// Thay vì xin gì đó để ăn,/ cậu liền xin nước uống.// Cô bé thấy cậu có vẻ đói bụng/ nên bung ra một li sữa lớn.// Cậu đưa hai tay/ nhận li sữa.// Uống xong,/ cậu hỏi: //

– Tôi nợ bạn bao nhiêu? //

– Bạn không nợ gì tôi cả.// Mẹ tôi dạy/ không nhận tiền khi làm điều tốt.// – Cô bé mỉm cười thân thiện.//

Ke-ly xúc động: //

– Tôi cảm ơn bạn và mẹ bạn.//

Rời căn nhà,/ cậu cảm thấy ấm áp,/ tự tin hơn.// Cậu tiếp tục vừa bán hàng rong vừa đi học.//

– HS luyện đọc câu nói của cô bé: giọng vui vẻ, thân thiện.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1.

– HS khá, giỏi đọc cả bài. Nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về tính từ

2.1. Tìm tính từ chỉ đặc điểm

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận nhóm 4, tìm các từ chỉ đặc điểm của mỗi sự vật có trong hình. Có thể sử dụng kỹ thuật *Khăn trải bàn* để ghi nhận kết quả theo nhóm.

(Gợi ý:

+ Hình 1: mỏng manh, rục rở, tươi đẹp, mềm mại,...

+ Hình 2: gai góc, to tròn, thơm nức, ngọt béo,...

+ Hình 3: vuông vức, nhỏ nhắn, góc cạnh,...

+ Hình 4: bao la, trong xanh, nhấp nhô, mát mẻ,...)

– 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá.

2.2. Tìm tính từ có chứa tiếng cho trước

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài cá nhân vào VBT. (Gợi ý: a. thơm ngát, thơm phức, thơm nức, thơm lừng,...; b. mát mẻ, thanh mát, mát rượi, mát lành,...; c. ngọt ngào, ngọt lịm, ngòn ngọt,...)

– HS sửa bài bằng trò chơi *Tiếp sức* theo tổ hoặc nhóm lớn. Trong cùng một thời gian quy định, nhóm nào viết được nhiều từ hơn sẽ thắng.

– HS nghe GV nhận xét.

2.3. Đặt câu có tính từ tìm được

- HS xác định yêu cầu BT 3.
- HS thảo luận nhóm đôi, nói câu theo từng yêu cầu, trong câu có tính từ tìm được ở BT 2.

Lưu ý: Tùy vào khả năng của HS, GV có thể dạy học cá thể hoá: HS còn chậm chỉ cần đặt câu với 1 – 2 yêu cầu.

- HS viết 2 – 3 câu vào VBT cho mỗi yêu cầu.
- 3 – 4 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết đoạn mở bài và đoạn kết bài cho bài văn thuật lại một sự việc

3.1. Nhận diện mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc hai đoạn mở bài.
- HS thảo luận nhóm để thực hiện BT.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. (Gợi ý: Ở đoạn mở bài thứ nhất, bạn nhỏ giới thiệu trực tiếp sự việc: lễ đón học sinh lớp Một; Ở đoạn văn thứ hai, từ những niềm vui khác nhau mà cô Hiệu trưởng dành cho các bạn vào những buổi lễ đón HS lớp Một trước đây, bạn nhỏ nhớ buổi lễ đón HS lớp Một của năm học này.)

- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách mở bài.

(Gợi ý:

- + Mở bài trực tiếp: Giới thiệu ngay sự việc.
- + Mở bài gián tiếp: Dẫn vào sự việc từ một vấn đề có liên quan.)

3.2. Nhận diện kết bài không mở rộng và kết bài mở rộng

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc hai đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm để thực hiện BT.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. (Đáp án: Đoạn văn thứ nhất nêu kết thúc sự việc; Đoạn văn thứ hai bày tỏ suy nghĩ, cảm nhận riêng của người viết về sự việc.)

- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách kết bài:

(Gợi ý:

- + Kết bài không mở rộng: Nêu kết thúc của sự việc.
- + Kết bài mở rộng: Nêu kết thúc của sự việc và bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về sự việc.)
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

– HS nghe GV đánh giá, tổng kết, rút ra ghi nhớ chung về mở bài và kết bài cho bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.3. Thực hành viết đoạn mở bài và đoạn kết bài

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS viết đoạn mở bài trực tiếp và đoạn kết bài mở rộng cho bài văn thuật lại một việc tốt mà em hoặc bạn bè, người thân,... đã làm vào VBT.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi → chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm thành ngữ, tục ngữ phù hợp với nội dung câu chuyện “Một li sữa”.*

– HS thảo luận nhóm, thống nhất kết quả trong nhóm.

– 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

(Gợi ý: *Gieo nhân nào gặt quả nấy, Ở hiền gặp lành, ...*)

– HS trao đổi về nội dung các câu thành ngữ, tục ngữ tìm được để thấy sự phù hợp với nội dung câu chuyện “Một li sữa”.

– HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 6: VÌ HOÀNG SA – TRƯỜNG SA THÂN YÊU

(tiết 19 – 21, SHS, tr. 62 – 64)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được những điều hiểu biết về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Câu lạc bộ Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu là nơi kết nối những tấm lòng, sẽ chia yêu thương, hỗ trợ chiến sĩ và người dân ở hải đảo của Tổ quốc.*

3. Biết cùng bạn thảo luận để tìm giải pháp hỗ trợ một HS có hoàn cảnh khó khăn ở trường hoặc địa phương,... dựa vào gợi ý.

4. Viết được bài văn thuật lại một việc tốt.

5. Trao đổi được với bạn về tên gọi và ý nghĩa của một phong trào thể hiện truyền thống “Tương thân tương ái” do Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phát động.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tivi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Video clip, hình ảnh hoạt động của Câu lạc bộ *Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu* (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Trong 8 năm qua” đến “trên đảo”.
- Video clip, hình ảnh hoạt động của phong trào thể hiện truyền thống “Tương thân tương ái” do Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phát động (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về những điều biết được về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nước ta. (GV có thể trình chiếu một số hình ảnh về Hoàng Sa, Trường Sa cho HS quan sát thêm sau khi HS đã chia sẻ trong nhóm nhỏ.) → Phỏng đoán được nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “*Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu*”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, kết quả hoạt động của Câu lạc bộ Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *tuyên truyền, lan toả, uơm mầm, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện kết quả hoạt động của Câu lạc bộ *Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu*:

Các hội viên đã trao/ hơn 14 000 suất học bổng thường niên/ cho con em của lực lượng bảo vệ biên cương/ hải đảo và ngư dân.// Họ cũng xây tặng/ 57 căn nhà đồng đội/ và trao hàng chục nghìn phần quà/ cho con em quân nhân có hoàn cảnh khó khăn trên đảo.//

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *dự án* (chuỗi các hoạt động có liên quan đến nhau được thực hiện trong một khoảng thời gian có hạn, với những nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần nhất định), *thường niên* (hàng năm),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những con số “8 năm, 181 tỉ đồng, 14 000 suất học bổng thường niên, 57 căn nhà đồng đội, hàng chục nghìn phần quà” nói lên những thành quả đáng ghi nhận mà câu lạc bộ Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu đã làm được, cho thấy Câu lạc bộ đã vận động được nhiều người tham gia hỗ trợ người dân ở vùng biển đảo.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. (Gợi ý: Tên gọi của các dự án “*Ươm mầm tương lai*”, “*Chắp cánh ước mơ*” thể hiện ý nghĩa của các hoạt động ủng hộ, giúp đỡ người dân, chiến sĩ,... ở vùng biển, mong muốn góp phần để thế hệ tương lai ở vùng biển đảo có cuộc sống tốt hơn, trở thành những người có ích và làm được những điều mong ước.)

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. (Gợi ý: *Câu lạc bộ Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu là nơi kết nối những tấm lòng, những trái tim vì Câu lạc bộ đã tập hợp được sự giúp đỡ của mọi người ở nhiều nơi khác nhau, trao gửi sự quan tâm, chia sẻ, thương yêu của mọi người đến với người dân ở vùng biển đảo.*)

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. (Gợi ý: *Em có thể: đọc, gửi thông tin cho những người thân; viết thông điệp, tờ rơi để chia sẻ thông tin,...*)

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Trong 8 năm qua” đến “trên đảo” và xác định giọng đọc (Gợi ý: *giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ những việc làm của câu lạc bộ*):

Trong 8 năm qua,/ Câu lạc bộ đã làm được rất nhiều việc ý nghĩa cho cán bộ,/ chiến sĩ hải quân và ngư dân nghèo ven biển.// Ngoài những hoạt động tuyên truyền và lan toả tình yêu biển đảo,/ Câu lạc bộ còn vận động được hơn 181 tỉ đồng để thực hiện các dự án “Ươm mầm tương lai”,/ “Chắp cánh ước mơ”,...// Các hội viên đã trao hơn 14 000 suất học bổng thường niên/ cho con em của lực lượng bảo vệ biên cương,// hải đảo và ngư dân.// Họ cũng xây tặng 57 căn nhà đồng đội/ và trao hàng chục nghìn phần quà cho con em quân nhân có hoàn cảnh khó khăn trên đảo.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Trong 8 năm qua” đến “trên đảo”.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Thảo luận về việc hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần): Phân công nhiệm vụ các thành viên: nhóm trưởng, thư kí, báo cáo viên; Hướng dẫn nội dung thảo luận dựa vào gợi ý:
 - + Những thông tin cần có về HS có hoàn cảnh khó khăn.
 - + Hình thức hỗ trợ bạn HS đó.
 - + Những giải pháp, biện pháp để thực hiện việc hỗ trợ.
 - + Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong tổ/ nhóm.
 - + Thời hạn hoàn thành.
 - + ...
- Một nhóm HS thảo luận trước lớp, các nhóm quan sát theo kĩ thuật *Bể cá* và nhận xét phần thảo luận của nhóm bạn theo các tiêu chí:
 - + Nội dung cuộc họp.
 - + Trình tự các hoạt động.
 - + Hình thức báo cáo: phân công báo cáo của các thành viên; tốc độ, âm lượng nói; yếu tố phi ngôn ngữ;...
 - + ...
- HS xác định yêu cầu của BT 2, nghe GV hướng dẫn thực hiện BT 2.
- HS thảo luận theo nhóm dưới sự hỗ trợ của các thành viên nhóm *Bể cá* và GV.
- HS ghi chép nhanh một số nội dung chính của cuộc thảo luận: một số hình thức hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn, biện pháp thực hiện,... (có thể ghi bằng sơ đồ đơn giản).
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết bài văn thuật lại một sự việc

- HS đọc đề bài và các gợi ý để nhớ lại cấu tạo, cách sắp xếp ý, cách trình bày,... bài văn thuật lại một sự việc mà em đã chứng kiến hoặc tham gia.
- HS nghe GV lưu ý thêm (nếu cần).
- HS thực hành viết bài văn vào VBT dựa vào kết quả của các tiết học trước.
- 3 – 4 HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi được về tên gọi và ý nghĩa của một phong trào thể hiện truyền thống “Tương thân tương ái” do Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phát động.*

– HS đọc các gợi ý.

– HS thảo luận trong nhóm, thống nhất kết quả trong nhóm. (Gợi ý: *HS có thể sử dụng video clip, hình ảnh hoạt động của phong trào đã chuẩn bị trước để giới thiệu và trao đổi với nhóm.*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (Gợi ý: *HS có thể thảo luận: Tên gọi của phong trào gợi lên điều gì?; Phong trào đó đã làm được những gì để thể hiện truyền thống “Tương thân tương ái”; ...*).

– HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 7: GIÓ VƯỜN (tiết 22 – 25, SHS, tr. 65 – 69)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giải được câu đố, nói được về hiện tượng tìm được trong lời giải đố; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Gió vườn chăm chỉ suốt ngày, làm được nhiều việc để giúp đỡ mọi vật, mọi người. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Chăm chỉ làm việc, gắn bó với công việc sẽ giúp mỗi người lớn khôn và có thêm nhiều bạn tốt ở mọi nơi.*

– Tìm đọc được một bài văn viết về tình cảm với người thân; tình cảm với bạn bè, trường học; tình cảm với quê hương, đất nước;...; viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về tình cảm, suy nghĩ sau khi đọc bài văn.

3. Biết nhận diện, phân loại, tìm và sử dụng tính từ chỉ đặc điểm phù hợp trong dùng từ, viết câu.

4. Biết được cấu tạo, cách trình bày của một báo cáo; Viết được báo cáo thảo luận nhóm.

5. Nói được 2 – 3 câu về một hiện tượng thiên nhiên, trong đó có từ chỉ hình dáng, màu sắc hoặc âm thanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

– Tranh ảnh về cảnh vườn nhà ở nông thôn (nếu có).

- Bảng phụ ghi đoạn thơ từ “Gió vẽ lên mái tranh nhà” đến hết.
- HS mang tới lớp bài văn về người thân, bạn bè, trường học, quê hương, đất nước,... và *Nhật kí đọc sách*.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ giải được câu đố (Đáp án: *a. nắng, b. gió*)
→ Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Gió vườn”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Gió vườn

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, hồn nhiên, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tên, trạng thái, hoạt động của các sự vật,...*).

- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *làn khói, tình sương, ...*; hướng dẫn ngắt nhịp thơ: chủ yếu là nhịp 2/4, 4/4, trừ các dòng thơ: “Gió/ vẽ lên mái tranh nhà//” (nhịp 1/5); “Gió yêu nhất/ buổi rạng đông//” (nhịp 3/3); “Con chim đây hót// Nắng hồng// Trời xanh.//” (nhịp 4/2/2). Hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ miêu tả hoạt động, trạng thái của nhân vật “gió”:

*Gió vườn/ không mãi chơi xa/
Nhắc chị cửa sổ/ mở ra suốt ngày//
Gió đi/ lắc lắc cành cây/
Giục bác cổ thụ/ kể ngày xa xưa.//*

- HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “Trời xanh”.
- + Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *thối* (nghĩa trong bài: lan toả việc tốt, việc có ích), *trời rộng bốn phương* (khắp muôn nơi), *tinh sương* (khoảng thời gian mới chuyển từ đêm sang ngày, còn nhìn thấy sao và còn mù sương), *rạng đông* (khoảng thời gian trước lúc mặt trời mọc, bầu trời ở phía đông hừng sáng),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Gió thân thiết với mỗi sự vật:*

- *Cửa sổ: nhắc chị cửa sổ mở ra để gió vào chơi.*
- *Cổ thụ: nghe bác cổ thụ kể chuyện ngày xưa.*
- *Đàn bướm: đưa hương thơm của hoa đến cho bướm.*

+ Câu 2: *Những việc làm cho thấy gió rất chăm chỉ: giúp bà thổi bếp nấu cơm, thức sớm đêm mưa đến tưới vườn cho ông.*

+ Câu 3: *Gió yêu nhất buổi sáng sớm mai – buổi rạng đông, vì đó là thời khắc vạn vật thức dậy bắt đầu một ngày mới, cảnh vật đẹp: nắng hồng, trời xanh, chim hót,...*

+ Câu 4: *Nói gió “Làm bao việc nhỏ để thành lớn khôn” vì qua làm việc, dù là những việc làm nhỏ, gió học được nhiều điều mới, rút được nhiều kinh nghiệm, tích lũy dần để ngày càng lớn khôn và làm được nhiều việc có ích hơn nữa.*

+ Câu 5: *Hai dòng thơ cuối bài muốn nói: Gió từ một khu vườn nhỏ, đi khắp nơi sẽ gặp nhiều bạn mới, chúng ta đi nhiều nơi, gặp nhiều người sẽ học thêm được nhiều điều tốt và có thêm nhiều niềm vui.*

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2, 3 → rút ra ý đoạn 1: *Những việc làm tốt và sở thích của gió vườn.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4, 5 → rút ra ý đoạn 2: *Nhờ chăm chỉ, hiền lành, biết làm việc tốt, gió vườn lớn khôn và có bạn bè ở muôn nơi → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn thơ từ “Gió vẽ lên mái tranh nhà” đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, trong trẻo, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu sắc, hoạt động, trạng thái của người, vật*):

*Gió/ vẽ lên mái tranh nhà/
Một làn khói bếp/ giúp bà nấu cơm, //*

*Gió thức/ từ sớm tinh sương
 Gió đem mưa đến/ tưới vườn cho ông, //
 Gió yêu nhất/ buổi rạng đông/
 Con chim đây hót.// Nắng hồng.// Trời xanh.//
 Gió vườn/ chăm chỉ hiền lành/
 Làm bao việc nhỏ/ để thành lớn khôn.//
 Gió đi/ từ một góc vườn/
 Thổi ra trời rộng/ bốn phương bạn bè.//*

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp 10 dòng thơ em thích (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phân đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm “Mảnh ghép yêu thương”

1.2.1. Tìm đọc bài văn

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn phù hợp với chủ điểm “Mảnh ghép yêu thương” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài văn viết về:

- + Tình cảm với người thân
- + Tình cảm bạn bè, trường học
- + Tình cảm với quê hương, đất nước
- + ?

– HS chuẩn bị sách, báo có bài văn đã tìm đọc mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài văn: tên bài văn, tên tác giả, từ dùng hay, hình ảnh đẹp; đoạn văn em thích, lí do,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.

1.2.3. Chia sẻ về bài văn đã đọc

- HS đọc bài văn hoặc trao đổi bài văn cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc bài văn.

– Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về tính từ

2.1. Tìm tính từ chỉ hình dáng, màu sắc, hương thơm

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc đoạn thơ.

– HS thảo luận nhóm đôi, tìm các tính từ có trong đoạn thơ và xếp vào hai nhóm.

(Đáp án: a. Tính từ chỉ màu sắc: *tim tím, vàng vàng, chói chang, đỏ, trắng tinh*; b. Tính từ chỉ hình dáng: *nhỏ nhỏ, xinh xinh*.)

– 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS quan sát các hình ảnh, trao đổi nhóm đôi để tìm từ.

(Gợi ý: Hình 1: *đỏ thắm, ngào ngạt, xinh đẹp, gai góc,...*; Hình 2: *hồng hồng, thơm ngát, mỏng manh,...*; Hình 3: *khum tròn, trắng trắng, nhẹ nhẹ,...*)

– 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Tìm tính từ chỉ đặc điểm phù hợp

– HS xác định yêu cầu BT 3.

– HS thảo luận nhóm đôi, tìm tính từ chỉ đặc điểm phù hợp thay cho  và đọc lại câu hoàn chỉnh sau khi đã thay thế từ.

– HS làm bài vào VBT.

– 5 – 6 HS chữa bài trước lớp. (Gợi ý: a. *nhẹ nhẹ, ào ào*; b. *ào ào*; c. *vui vẻ, rôm rả*; d. *lững lờ, nhẹ nhẹ, e. ngon, say*.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá kết quả. (GV có thể khuyến khích HS viết lại từ thay thế hay của bạn vào sổ tay.)

2.3. Viết câu có sử dụng tính từ

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài cá nhân vào VBT. (GV có thể giảm bớt yêu cầu với HS còn chậm, VD cho HS đặt câu với một trong ba yêu cầu.)

– 3 – 4 HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

TIẾT 4

3. Viết

Viết báo cáo thảo luận nhóm

3.1. Nhận diện thể loại báo cáo thảo luận nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc “Báo cáo kết quả bình chọn khen thưởng đợt thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam”, trao đổi trong nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án:

a. Các phần của báo cáo:

+ *Phần đầu: từ đầu đến “lớp Bốn E”.*

+ *Phần chính: tiếp theo đến “Diệu Linh”.*

+ *Phần cuối: còn lại.*

b. Phần chính của báo cáo có hai nội dung. Đó là:

+ *Kết quả bình chọn cá nhân được khen thưởng về học tập.*

+ *Kết quả bình chọn cá nhân được khen thưởng về phong trào.*

- HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra cấu tạo của báo cáo thảo luận nhóm.

3.2. Viết báo cáo thảo luận nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS nhớ lại một buổi thảo luận nhóm, chia sẻ trong nhóm:
 - + Nội dung thảo luận.
 - + Kết quả thảo luận.
- HS làm việc cá nhân: Dựa vào gợi ý, viết báo cáo thảo luận nhóm vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét để bổ sung, điều chỉnh.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói 2 – 3 câu về một hiện tượng thiên nhiên, trong đó có từ ngữ chỉ hình dáng, màu sắc hoặc âm thanh.*

- HS thực hiện hoạt động theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: CÂY TRÁI TRONG VƯỜN BÁC

(tiết 26 – 28, SHS, tr. 70 – 73)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ với bạn về một khu vườn mà em biết; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Miêu tả về đẹp tốt tươi, đầy sức sống của cây cối trong mảnh vườn quanh nhà sàn Bác Hồ. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Vườn cây quanh nhà sàn thể hiện tình cảm yêu kính, biết ơn của nhân dân cả nước dành cho Bác Hồ.*

3. MRVT theo chủ đề *Nhân hậu*.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn đã viết.

5. Tìm đọc một bài về hoặc một bài đồng dao về một loại cây hoặc một loại quả.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Tranh ảnh, video clip về vườn cây quanh nhà sàn Bác Hồ; hình ảnh các loại cây trong vườn nhà Bác (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn 2.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT từ và câu.
- Một số bài về, đồng dao để tổ chức hoạt động vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn những điều em biết về một khu vườn. → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Cây trái trong vườn Bác”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Cây trái trong vườn Bác

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp, từ ngữ chỉ trạng thái, tình cảm, cảm xúc, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *bâng khuâng, cát mịn, trĩu trịt, sương giá, vồn vã, sum vầy, phảng phất, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện vẻ đẹp của vườn cây và cảm xúc của tác giả:

Sau khi dạo quanh đất nước,/ nếm các vị ngọt bùi,/ ta bâng khuâng trở về với cội nguồn:/ mảnh vườn quanh nhà sàn Bác.// Đây là cái gốc của mùa xuân,/ cái gốc của mọi niềm vui,/ của màu xanh và vị ngọt bùi nở ra vô tận.//;

Vườn cây ôm tròn gần nửa vòng cung quanh ao cá/ cứ nở đầy nỗi thương nhớ không nguôi.//;

Lặng lẽ Hương Giang/ phảng phất hương khói/ trên cành quýt Hương Càn nhỏ nhắn/ và quả thanh trà tròn xinh xứ Huế./; ...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “mở ra vô tận”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “xứ Huế”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *màu xanh* (nghĩa trong bài: sự sống, sức sống trẻ trung, mãnh liệt), *ngọt bùi* (nghĩa trong bài: cuộc sống ấm no, hạnh phúc), *nở ra* (nghĩa trong bài: sự sinh sôi, phát triển mạnh mẽ không ngừng), *nguôi* (giảm bớt dần mức độ mạnh của trạng thái cảm xúc hay tình cảm), *Yên Thôn* (làng Yên Thôn, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, nơi có giống hồng được xem là một trong những giống hồng quý, đặc sản nổi tiếng trong cả nước), *vồn vã* (từ gợi tả thái độ vui vẻ, đầy nhiệt tình khi tiếp xúc),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1:

Loại quả	Nguồn gốc	Từ ngữ, hình ảnh
khế	Ba Đình	ngọt
hồng xiêm	Xuân Đình	cát mịn
bưởi đỏ	Mê Linh	đỏ
bưởi	Biên Hoà	đậm vị phù sa bãi bờ Nam Bộ
quýt	Hương Cần	nhỏ nhắn
thanh trà	Huế	tròn xinh

+ Câu 2: Cách tả màu sắc của quả hồng Yên Thôn đặc biệt qua hình ảnh so sánh: màu hồng chói như hàng trăm chiếc đèn lồng giữa sương giá; màu hồng thắm thiết và vốn vã.

+ Câu 3: Chọn các đáp án:

- Vì cây trong vườn là của nhân dân các vùng, miền gửi về biếu Bác.
- Vì cây trong vườn được chăm sóc bằng tình cảm yêu thương.

+ Câu 4: HS trả lời theo cảm nhận riêng. (Gợi ý: Người dân ở mọi miền của đất nước luôn quan tâm, yêu quý Bác Hồ.)

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Mỗi cây trong vườn Bác có nguồn gốc từ mọi miền đất nước* và ý đoạn 2: *Nguồn gốc của các loại cây quả trong vườn Bác và vẻ đẹp đặc trưng của nó.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Nhờ bàn tay sắp xếp, chăm sóc của Bác, của mọi người nên vườn cây của Bác thoáng đặng bốn mùa toả ngát hương sắc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng vui, trong sáng; nhấn giọng vào những từ ngữ gọi tên và miêu tả vẻ đẹp của vườn cây, từ ngữ chỉ tâm trạng, cảm xúc của tác giả,...*):

Vườn cây ôm tròn gần nửa vòng cung quanh ao cá/ cứ nở đầy nỗi thương nhớ không nguôi.// Vị khế ngọt Ba Đình,/ hồng xiêm Xuân Đình cát mịn,/ bưởi đỏ Mê Linh.// Hồng Yên Thôn!// Cả một rừng cây hồng!// Mùa đông,/ cây trụi hết lá,/ chỉ còn hàng trăm quả trầu trít trên cành màu hồng chói/ như hàng trăm chiếc đèn lồng giữa sương giá,// oi cái màu hồng thắm thiết và vốn vã.// Sum vầy muôn loài quả khác mang bóng dáng miền quê

yêu thương // Bãi bờ Nam Bộ đậm vị phù sa trong mùi bưởi Biên Hoà // Lặng lẽ Hương Giang phảng phất hương khói trên cành quýt Hương Cần nhỏ nhắn / và quả thanh trà tròn xinh xứ Huế.

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Nhân hậu

2.1. Chọn lời giải nghĩa phù hợp với mỗi từ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, tìm lời giải nghĩa phù hợp và trình bày vào bảng nhóm.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
(Đáp án: *nhân hậu* – hiền và giàu lòng thương người
tình nghĩa – ăn ở có tình có nghĩa
hiền hoà – hiền lành và ôn hoà
nhân nghĩa – thương người, tôn trọng lễ phải)
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Xếp từ vào nhóm thích hợp

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận theo nhóm 4, có thể chia 2 HS xếp từ cho một nhóm.

(Đáp án:

- a. Chỉ hành động, thái độ tốt: *cuu mang, đùm bọc, thương cảm, chia sẻ, giúp đỡ.*
- b. Chỉ hành động, thái độ không tốt: *bắt nạt, chèn ép, chia rẽ, thờ ơ, ganh tị.)*

- HS chữa bài bằng hình thức *Tiếp sức*, viết kết quả lên bảng nhóm.
- 1 – 2 HS đặt câu với một số từ ngữ của từng nhóm.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Chọn từ ngữ phù hợp

- HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS thảo luận theo nhóm đôi, thay  bằng từ phù hợp trong khung để hoàn chỉnh đoạn văn (Đáp án: *ám áp – chia sẻ – hạnh phúc – giúp đỡ – lòng nhân hậu*).

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Viết câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS nói câu trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về những hoạt động của Câu lạc bộ *Vì Hoàng Sa – Trường Sa thân yêu*.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Trả bài văn thuật lại một sự việc

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn thuật lại một việc tốt:

- Ưu điểm
- Hạn chế
- ...

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

- HS đọc lời nhận xét của thầy cô về bài viết của mình.
- HS tự đọc lại bài làm, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của thầy cô để chỉnh sửa bài viết (câu tạo, sắp xếp ý, dùng từ, đặt câu, chính tả,...).

3.3. Trao đổi với bạn về bài viết

- HS trao đổi bài văn với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- HS trao đổi với bạn:
 - a. Những điều em học được ở bài viết của bạn (*GV có thể chuyển các cụm từ gợi ý thành câu hỏi*):
 - + Mở bài:
 - Cách giới thiệu của bạn có điểm nào hấp dẫn, độc đáo?
 - Bạn đã gây ấn tượng khi giới thiệu về sự việc được thuật bằng cách nào?
 - ...

+ Thân bài:

- *Bạn thuật lại sự việc theo trình tự nào?*
- *Cách chọn lọc chi tiết tạo được hứng thú như thế nào?*
- *Cách sử dụng từ ngữ chỉ thời gian, địa điểm hoặc tình huống có rõ ràng, phù hợp không?*
- *Cách dùng từ, đặt câu, cách dùng hình ảnh so sánh của bạn có gì hay?*

• ...

+ Kết bài:

- *Cách bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của bạn có gì đặc biệt?*

• ...

b. Những nội dung em có thể điều chỉnh để bài viết của mình hay hơn:

+ Bổ sung ý.

+ Thêm chi tiết hoạt động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật.

+ ?

3.4. Hoàn thiện bài viết

- HS viết lại một đoạn trong bài viết của mình cho hay hơn.
- 2 – 3 HS chia sẻ đoạn đã viết lại trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm đọc một bài về hoặc bài đồng dao về một loại cây hoặc một loại quả.*
- HS đọc, chia sẻ cho bạn trong nhóm bài về hoặc bài đồng dao mà mình đã tìm được.
(Gợi ý: *Ngồi chơi trên đất/ Là củ su hào/Tập bơi dưới ao/ Đen sì củ ấu/...*)
- 1 – 2 nhóm HS đọc bài tìm được trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học và chủ điểm.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Tuần “Ôn tập giữa học kì I” tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ” và “Mảnh ghép yêu thương”.

TIẾT 1 (SHS, tr. 74)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– Nhóm 4 hoặc từng HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong bài “Tiếng chim”.

+ Phiếu số 1: Đọc đoạn từ đầu đến “cho bầu trời xanh” và trả lời câu hỏi: Tác giả tưởng tượng những đàn chim từ đâu tới? Vì sao? (Đáp án: *Tác giả tưởng tượng những đàn chim nở ra từ những cơn mưa, vì sau cơn mưa tác giả nghe thấy tiếng chim hót tung bừng.*)

+ Phiếu số 2: Đọc đoạn từ đầu đến “cho bầu trời xanh” và trả lời câu hỏi: Những hình ảnh nào cho thấy tiếng chim lấp đầy không gian? (Đáp án: *Đầy không gian tiếng gọi tìm, giờ tay tưởng chạm vào nghìn âm thanh, tiếng chim nặng trĩu đầu cành, rung rinh tiếng hót gánh cong hai đầu cầu vồng.*)

+ Phiếu số 3: Đọc đoạn từ “Vườn cây” đến hết và trả lời câu hỏi: Chiếc cầu vồng bên sông có gì đặc biệt? (Đáp án: *Chiếc cầu vồng rung rinh vì gánh tiếng chim hót hai đầu, cảm giác cầu vồng cong nhờ gánh tiếng chim.*)

+ Phiếu số 4: Đọc đoạn từ “Vườn cây” đến hết và trả lời câu hỏi: Vì sao tác giả tả “Chúng em đứng giữa âm thanh màu hồng”? (Đáp án: *Vì ánh nắng mặt trời buổi hồng đông nhuộm hồng không gian, không gian lại tràn ngập tiếng chim.*)

– Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Chia sẻ về bài đọc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, nói về hình ảnh em thích và giải thích lí do.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 2 (SHS, tr. 75)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện viết chính tả đoạn bài.
2. Ôn luyện viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi bài “Ngôi trường nơi đầu ngọn sóng”.
- Tranh ảnh hoặc video clip về Trường Tiểu học Sinh Tồn (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện viết chính tả

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc chính tả và trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung bài:
 - + Trường Tiểu học Sinh Tồn nằm ở đâu?
 - + Hằng năm, trường nhận được sự quan tâm của những cơ quan, tổ chức nào?
- HS nghe GV lưu ý cách viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ để viết bài chính tả.
- HS đổi vở cho bạn để soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2. Ôn luyện viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nhớ lại cách viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức trong bài chính tả, làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. Có thể rút ra quy tắc viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức: *Viết hoa tiếng đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng.*
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 3 (SHS, tr. 76)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn luyện kỹ năng nói về một đề tài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

HS mang tới lớp một số hình ảnh, audio, video clip về một hoạt động trải nghiệm thú vị của em ở trường.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện kĩ năng nói về một đề tài

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và các gợi ý.
- HS nói trong nhóm dựa vào các câu hỏi gợi ý:
 - + Em muốn nói về hoạt động trải nghiệm thú vị nào ở trường?
 - + Hoạt động đó diễn ra như thế nào? (*Bắt đầu* → *Diễn biến* → *Kết thúc*)
 - + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì khi tham gia hoạt động đó?
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Bình chọn bài nói

- Mỗi nhóm cử 1 HS thi nói trước lớp.
- HS bình chọn bài nói:
 - + Nội dung phong phú.
 - + Hình thức hấp dẫn.
 - + Giọng nói truyền cảm.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 4 (SHS, tr. 77)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về danh từ, động từ, tính từ

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đoạn văn.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. Các nhóm nhận xét, bổ sung.

(Đáp án:

+ *Danh từ: giàn, mướp/ giàn mướp/ cái giàn, mướp, bồ, mặt, ao/ mặt ao, mái, nhà, mầm, cây, lá/ cái lá, màu, men, sứ, hôm, sau, mướp, mặt, giàn/ mặt giàn, tay, mướp/ tay mướp, gió, giàn, mướp/ giàn mướp, lá.*

+ *Động từ: bắc, chia, ra, lên, có, leo, lên, tới, ngóc, lên.*

+ *Tính từ: mảnh mai, thanh mảnh, rung rinh, xanh um.)*

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện về tính từ

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi để làm BT trong nhóm.

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án:

a. *Tính từ chỉ đặc điểm của tiếng suối, tiếng thác: âm âm, róc rách, rì rầm, ào ào,...*

b. *Tính từ chỉ đặc điểm của ánh nắng: chói chang, dịu dịu, ấm áp, chan hoà,...*

c. *Tính từ chỉ đặc điểm của con đường: bằng phẳng, gồ ghề, quanh co, uốn lượn, khúc khuỷu,...)*

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3. Ôn luyện về thành ngữ có động từ, tính từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp, có thể tổ chức cho HS chữa BT bằng hình thức chơi *Tiếp sức*. (Gợi ý: *nh nhanh như cắt/ bay/ chớp/ tên bắn/ tên bay, chậm như rùa/ sên, khoẻ như voi/ trâu/ hùm, yếu như sên, phi như bay, chạy như bay.*)

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

4. Ôn luyện viết câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để nói về một hoạt động trải nghiệm thú vị ở trường.

– HS viết 3 – 4 câu dựa vào nội dung đã trao đổi vào VBT.

– HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 5 (SHS, tr. 78)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh ảnh 2 – 3 câu chuyện HS đã nghe, đã đọc có nhân vật là đồ vật hoặc con vật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS xác định yêu cầu và đọc các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để nhớ lại nội dung câu chuyện:
 - + Em thích câu chuyện đã nghe, đã đọc nào có nhân vật là đồ vật hoặc con vật?
 - + Kể lại mỗi sự việc trong câu chuyện bằng 1 câu.
 - + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì sau khi nghe hoặc đọc câu chuyện?
- HS viết bài văn vào VBT.
- HS chia sẻ bài viết trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

Tiết 6 và tiết 7 (SHS, tr. 79 – 81)

ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài “Bức tường có nhiều phép lạ”.
2. Viết bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm thú vị ở trường hoặc viết bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe về gương thiếu nhi tài năng hoặc dũng cảm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Nội dung đánh giá định kì in trên giấy (dạng phiếu) hoặc HS thực hiện vào VBT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Đánh giá kĩ năng đọc

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động đọc hiểu văn bản “Bức tường có nhiều phép lạ”:

– HS đọc thầm văn bản “Bức tường có nhiều phép lạ” và tìm hiểu nghĩa một số từ khó (nếu cần).

– HS thực hiện các câu hỏi, bài tập đọc hiểu, có thể làm vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Đáp án:

a. Vì Quy thấy bố nhìn vào bức tường khi viết văn.

b. lấu lỉnh

c. Nhờ những hình ảnh quen thuộc bố gợi ra.

d. ① Ngồi vào bàn.

② Nhìn vào bức tường.

③ Nghĩ đến những trận mưa.

④ Viết bài văn.

e. nắng, mưa

g. hướng dẫn

h. Gợi ý: Vì bố muốn gợi cho Quy nhớ đến những trận mưa em đã từng gặp để tìm ý cho bài viết.

i. Gợi ý: Vì Quy thấy cú ngồi vào bàn là bố viết được ngay và bố viết được rất nhiều khi nhìn vào bức tường.

k. HS trả lời theo cảm nhận cá nhân. (Gợi ý: Để làm được bài văn hay, em cần nhớ lại hoặc có thể tưởng tượng thêm những điều có liên quan đến nội dung bài.)

l. HS trả lời theo cảm nhận cá nhân. (Gợi ý: Bố của Quy là một người viết văn rất giỏi.)

B. Đánh giá kỹ năng viết

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kỹ năng viết qua hoạt động viết:

– HS đọc các đề bài và chọn đề bài sẽ thực hiện.

– HS suy nghĩ để tìm ý cho bài viết.

– HS viết bài vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Lưu ý: Việc GV đánh giá kết quả bài làm của HS được thực hiện ngoài giờ học, theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Chủ điểm 3. NHỮNG NGƯỜI TÀI TRÍ

(Tuần 10 – 11 – 12 – 13)

Chủ điểm “Những người tài trí” hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*: tự hào về sự thông minh, tài trí của con người, con người có thể làm được mọi thứ để có cuộc sống ngày càng tốt đẹp. Từ đó, các em có ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *không ngừng trau dồi kiến thức, rèn luyện thể chất; tích cực, sáng tạo trong mọi hoạt động để trở thành người có tài, có trí, có ích cho xã hội*.

BÀI 1: YẾT KIỆU (tiết 1 – 4, SHS, tr. 82 – 85)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giới thiệu được tài năng của một trong các nhân vật: *Lương Thế Vinh, Lu-i Pa-xơ, Mô-da*; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, tranh minh hoạ và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Yết Kiêu là người anh hùng có tài, gan dạ và dũng cảm*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi tài năng và phẩm chất tốt đẹp của ông cha ta trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm*.

3. Nhận diện và sử dụng được tính từ.

4. Lập được dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc.

5. Ghi chép được những điều ấn tượng về nhân vật Yết Kiêu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Ảnh Lương Thế Vinh, Lu-i Pa-xơ, Mô-da,...

– Tranh vẽ Yết Kiêu đối thoại với tướng giặc, phim hoạt hình về Yết Kiêu (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn 3.

– Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Những người tài trí”. (Gợi ý: *Ca ngợi tài năng, trí tuệ của con người, con người có thể làm chủ tất cả.*).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, giới thiệu tài năng của một nhân vật trong tranh → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới: “Yết Kiêu”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Yết Kiêu

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *phân biệt giọng của các nhân vật: giọng người dẫn chuyện: chậm rãi, khách quan; giọng Yết Kiêu: lễ phép, tha thiết, tràn đầy quyết tâm khi nói chuyện với cha và nhà vua, giọng rắn rỏi, mạnh mẽ khi đối thoại với tướng giặc,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *tàn tật, chiến thuyền, xuể,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

- *Vì căm thù giặc/ và noi gương người xưa/ mà ông của thần tự học lấy.//;*
- *Này,/ ta hỏi thật,/ nước Nam có nhiều người lặn giỏi như mi không?//;*
- *Nhiều không đếm xuể.// Ta chưa giỏi,/ làm không khéo nên mới bị bắt.//;...*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “Thôi, con cứ đi”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “tự học lấy”.
- + Đoạn 3: Còn lại.

(*Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *Yết Kiêu* (1242 – 1303, tên thật là Phạm Hữu Thê. Ông là một tướng lĩnh nhà Trần,

có công giúp nhà Trần chống lại quân Nguyên Mông vào thế kỉ XIII), *nước mất nhà tan* (đất nước bị kẻ thù xâm lược thì nhà cũng không còn,...), *trẫm* (từ được nhà vua dùng để xưng hô với các quan, binh lính, người dân,...), *thần* (từ được các quan dùng để xưng hô với nhà vua),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những chi tiết nói lên lòng yêu nước của Yết Kiêu và cha: Yết Kiêu xin cha đi giết giặc; cha băn khoăn vì hoàn cảnh gia đình đơn chiếc nhưng vẫn chấp thuận vì hiểu cần bảo vệ đất nước thì mới bảo vệ được gia đình.*

+ Câu 2: *Nhà vua cho rằng Yết Kiêu là “Người dân thường mà phi thường” vì Yết Kiêu chỉ xin một chiếc dùi sắt để đi giết giặc và có thể lặn hàng giờ dưới nước.*

+ Câu 3:

• *Từ ngữ, hình ảnh bộc lộ sự gan dạ: Lời nói khẳng khái, đồng dạc khi giới thiệu về mình: “Ta là Yết Kiêu, một chàng trai đất Việt.”; Sẵn sàng thừa nhận đã đục chiến thuyền của giặc: “Phải!”, “Phải là lẽ phải thế!”; Không sợ hãi khi tướng giặc tra hỏi và dọa giết.*

• *Từ ngữ, hình ảnh bộc lộ sự thông minh: Trả lời làm tướng giặc hoang mang, lo lắng: “Một việc làm vô ích! Chiến thuyền của người vẫn đắm!”, “Nhiều không đếm xuể. Ta chưa giết, làm không khéo nên mới bị bắt.”.*

+ Câu 4: *Màn kịch thứ ba kết thúc với việc Yết Kiêu giả vờ nghe theo giặc, thừa lúc chúng vô ý, nhảy xuống nước trốn đi.*

+ Câu 5: HS chọn đoạn phù hợp để đọc phân vai. (GV có thể tổ chức cho HS thực hiện yêu cầu này trong phần *Luyện đọc lại* ở tiết 2.)

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Lòng yêu nước của Yết Kiêu và cha.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Yết Kiêu thể hiện tài năng và ý chí giết giặc khi gặp vua Trần Nhân Tông.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3: *Yết Kiêu thể hiện tài năng, sự gan dạ và trí thông minh khi bị giặc bắt.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện rõ ràng, dứt khoát; giọng tướng giặc lúc đầu hống hách, kiêu ngạo; lúc*

sau hốt hoảng khi Yết Kiêu trốn thoát; giọng Yết Kiêu bình tĩnh, rắn rỏi, kiên quyết khi trò chuyện với cha và đối đáp với vua; đồng đặc, tỏ ra xem thường khi đối đáp với tướng giặc; nhấn giọng ở những từ ngữ để thể hiện thái độ của nhân vật):

3. Yết Kiêu đục thuyền giặc chẳng may bị giặc bắt.

Tướng giặc: – Mi là ai? //

Yết Kiêu: – Ta là Yết Kiêu, một chàng trai đất Việt. //

Tướng giặc: – Mi đục mấy chuc chiến thuyền của ta phải không? //

Yết Kiêu: – Phải! //

Tướng giặc: – Phải là thế nào? //

Yết Kiêu: – Phải là lẽ phải thế! //

Tướng giặc: – A, / thằng này láo! // Quân đâu, / lôi nó ra chém đầu! //

Yết Kiêu: – Một việc làm vô ích! // Chiến thuyền của người vẫn đắm! //

Tướng giặc: – Này, / ta hỏi thật, / nước Nam, / có nhiều người lặn giỏi như
mi không? //

Yết Kiêu: – Nhiều không đếm xuể! // Ta chưa giỏi, / làm không khéo nên mới
bị bắt. //

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS đọc phân vai đọc toàn bài trong nhóm 8.

– 1 – 2 nhóm đọc phân vai trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về tính từ

2.1. Chọn từ phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS làm bài cá nhân vào VBT.

– HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.

– 1 – 2 nhóm HS báo cáo kết quả trước lớp.

(Gợi ý: a. hơi; b. rất; c. quá; d. hơi; e. lắm.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Sắp xếp tính từ theo thứ tự tăng dần mức độ gợi tả màu sắc

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án:

- + *xanh nhạt, xanh, xanh ngắt*
- + *tím tím, tím, tím ngắt*
- + *đỏ đỏ, đỏ, đỏ rực*
- + *trắng trắng, trắng, trắng tinh*)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Thay từ in đậm bằng tính từ chỉ mức độ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
 - HS thực hiện yêu cầu BT cá nhân hoặc nhóm đôi.
 - 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- (Gợi ý: *a. vàng rực, b. thoang thoảng, c. tươi tắn*)
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Đặt câu miêu tả về đẹp của một loài hoa

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *thuật*)
- Sự việc chọn thuật diễn ra ở đâu? (Đáp án: *trong lễ kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam*)
- Vì sao em chọn thuật sự việc đó? (Đáp án: *để lại nhiều ấn tượng*).

3.2. Xác định sự việc cần thuật lại

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu trong nhóm đôi.

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi chép vào sổ tay những điều em ấn tượng về nhân vật Yết Kiêu.*
- HS nhớ lại những điều đã biết về nhân vật Yết Kiêu dựa vào một vài câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Em biết được những gì về nhân vật Yết Kiêu qua bài đã học? (Gợi ý: *hoàn cảnh gia đình, tài năng, tính cách, ...*)
 - + Em ấn tượng về điều gì ở Yết Kiêu? Hãy nói thêm về điều đó.
- HS ghi chép vào sổ tay những điều em ấn tượng về nhân vật Yết Kiêu.
- HS chia sẻ kết quả ghi chép trong nhóm nhỏ, trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 2: MẠC ĐÌNH CHI (tiết 5 – 7, SHS, tr. 86 – 88)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về một tấm gương hiếu học.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu được nội dung bài đọc: *Mạc Đình Chi là một vị quan có tài, hết lòng vì nước vì dân.*
3. Nói được về một anh hùng hay một tài năng nhỏ tuổi, biết sử dụng các phương tiện để bài nói thêm hấp dẫn.
4. Viết được đoạn văn cho bài văn thuật lại một sự việc.
5. Sưu tầm được câu chuyện về gương hiếu học và chia sẻ những điều học được từ tấm gương đó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác hoặc tranh ảnh SHS phóng to.
- Phim, ảnh, truyện về Mạc Đĩnh Chi (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Năm đó” đến “của khoa thi ấy”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động trong nhóm nhỏ và chia sẻ trước lớp về một tấm gương hiếu học (Gợi ý: *Nguyễn Hiền, Lương Thế Vinh,...*). → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Mạc Đĩnh Chi”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Mạc Đĩnh Chi

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin quan trọng*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *Mạc Đĩnh Chi, ước,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Giây lát sau,/ ông dâng vua một bài phú/ có nhan đề “Bông sen trong giếng ngọc”/ để tỏ rõ chí hướng/ và tài năng của mình//;

Xem xong bài phú,/ vua Trần Anh Tông/ quyết định chọn Mạc Đĩnh Chi/ làm trạng nguyên của khoa thi ấy.//...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *nhan đề* (tên của bài), *tâu* (nói với vua),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS và rút ra nội dung bài đọc. Gợi ý:

+ Câu 1: *Mạc Đĩnh Chi là cậu bé thông minh, chăm chỉ học hành,...*

+ Câu 2: *Nhà vua thử tài Mạc Đĩnh Chi bằng cách thử hỏi ông về những điều cần có của một người thi đỗ. Mạc Đĩnh Chi đã làm một bài phú có nhan đề “Bông sen trong giếng ngọc” để trả lời nhà vua.*

+ Câu 3: *Nhờ tài năng, lòng yêu nước, thương dân, Mạc Đĩnh Chi đã làm được nhiều việc có ích cho đất nước.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. (Gợi ý: *Em cảm phục và ngưỡng mộ tài năng của Mạc Đĩnh Chi. Em sẽ noi gương ông chăm chỉ học tập, trở thành một công dân có ích cho đất nước trong tương lai,...*)

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Năm đó” đến “của khoa thi ấy” và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin quan trọng*):

Năm đó, Mạc Đĩnh Chi về kinh dự thi/ và đỗ đầu.// Khi vào chầu,/ nhà vua thấy dung mạo của ông không đẹp/ nên muốn thử tài một lần nữa.// Nhà vua uôm hỏi ông/ về những điều cần có/ của một người thi đỗ. Mạc Đĩnh Chi tâu vua/ xin được trả lời bằng giấy bút. Giấy lát sau,/ ông dâng lên một bài phú có nhan đề/ “Bông sen trong giếng ngọc”/ để tỏ rõ chí hướng và tài năng của mình.//

Chữ Mạc Đĩnh Chi rất đẹp,/ bài phú lại hay,/ phô bày vẻ đẹp,/ hương thơm của bông sen trong giếng nước.// Nhờ bông hoa mà giếng trở thành giếng quý.//

Xem xong bài phú,/ vua Trần Anh Tông/ quyết định chọn Mạc Đĩnh Chi/ làm trạng nguyên của khoa thi ấy.//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Năm đó” đến “của khoa thi ấy”.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Nói về một anh hùng hoặc một tài năng nhỏ tuổi

2.1. Chia sẻ với bạn về nội dung bài nói

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS chia sẻ theo nhóm đôi về nội dung bài nói dựa vào gợi ý trong SHS.
- HS nghe bạn góp ý, chuẩn bị nội dung cho bài nói.

2.2. Trao đổi cách để bài nói thêm sinh động, hấp dẫn

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS trao đổi trong nhóm đôi, chia sẻ cách thức sử dụng phương tiện hỗ trợ để tạo sự sinh động, hấp dẫn cho bài nói. (Gợi ý: *sử dụng hình ảnh, audio, video clip, ...*).

- HS nghe bạn góp ý, chuẩn bị nội dung cho bài nói.

2.3. Nói trong nhóm, trước lớp

- HS nói trong nhóm 4.
- 2 – 3 HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài nói.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn thuật lại một sự việc

3.1. Viết phần thân bài hoặc một đoạn văn ở phần thân bài

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS viết bài vào VBT dựa vào dàn ý đã lập ở trang 85 (*Tiếng Việt 4, tập một*).
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tự đọc lại bài viết, xác định nội dung của câu đầu tiên và các câu tiếp theo.
- HS chia sẻ bài viết trong nhóm, trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

3.2. Đọc bài viết của các bạn và chia sẻ

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các gợi ý.
- HS hoạt động trong nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.
- HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Sưu tầm câu chuyện về gương hiếu học và chia sẻ những điều em học được từ tấm gương đó.*
- HS chia sẻ trong nhóm lớn hoặc trước lớp. (Gợi ý: *HS nêu tên câu chuyện, tóm tắt các sự việc, chia sẻ những điều em học được*).
- HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 3: SÁNG THÁNG NĂM (tiết 8 – 11, SHS, tr. 89 – 92)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn về ý nghĩa của một bài thơ, bài hát về Bác Hồ; phỏng đoán được nội dung bài đọc dựa vào tên bài và hoạt động khởi động.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Niềm vui của nhà thơ khi được lên thăm Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc. Chứng kiến những hành động, cử chỉ ân cần và cuộc sống giản dị của Bác, nhà thơ càng yêu thương, kính trọng Bác nhiều hơn. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Niềm vui và niềm xúc động, tình yêu thương và lòng kính trọng của nhà thơ đối với Bác Hồ.*

– Tìm đọc được một truyện viết về một người thông minh, tài năng,...; viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn những điều em học được từ nhân vật trong truyện đã đọc.

3. Nhận diện và sử dụng được danh từ, động từ, tính từ.

4. Viết được bài văn thuật lại một sự việc.

5. Suy tầm và chia sẻ được cảm xúc, suy nghĩ của em về một bức tranh hoặc bức ảnh Bác Hồ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Tranh ảnh, video clip ngắn về Bác Hồ (nếu có).
- Bảng phụ ghi khổ thơ 2.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi với bạn bài thơ, bài hát về Bác Hồ → Xem tranh (hoặc video clip ngắn về Bác Hồ), liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Sáng tháng Năm”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Sáng tháng Năm

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc trong sáng, bồi hồi xúc động; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc dành cho Bác Hồ*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xanh muợt, lỏng lộng, mênh mông, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ:

*Vui sao/ một sáng tháng Năm/
Đường về Việt Bắc/ lên thăm Bác Hồ/
Suối dài/ xanh muợt nương ngô/
Bốn phương lỏng lộng/ Thủ đô gió ngàn...//*

– HS chia đoạn để luyện đọc và tìm hiểu bài. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ 2.

+ Đoạn 3: Khổ thơ cuối.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *khách vãn* (khách là nhà thơ, nhà văn),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Câu thơ thể hiện cảm xúc của tác giả khi lên thăm Bác Hồ:*

*Vui sao một sáng tháng Năm
Đường về Việt Bắc lên thăm Bác Hồ*

+ Câu hỏi 2: *Con đường về Việt Bắc hiện lên qua những hình ảnh: suối dài, nương ngô xanh muợt, bốn phương lỏng lộng gió.*

+ Câu hỏi 3: *Khổ thơ thứ hai cho chúng ta biết nơi ở và làm việc của Bác Hồ rất đơn sơ, gần gũi với thiên nhiên. Qua đó, em hiểu Bác Hồ là người sống rất giản dị và giàu tình thương.*

+ Câu hỏi 4: Hai dòng thơ cuối bài khẳng định Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại đối với nhân dân Việt Nam.

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý khổ thơ 1: *Niềm vui của nhà thơ và quang cảnh quanh nhà sàn của Bác.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý khổ thơ 2: *Nơi ở và làm việc của Bác Hồ rất đơn sơ nhưng gần gũi và ấm áp.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý khổ thơ 3: *Tình yêu và lòng kính trọng của nhà thơ dành cho Bác.*

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại khổ thơ 2 và xác định giọng đọc (Gợi ý: *giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, nhấn giọng ở những từ ngữ tả hoạt động, lời nói của Bác Hồ, từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của chim bồ câu,...*):

Bác kêu con đến bên bàn/

Bác ngồi/ Bác viết/ nhà sàn đơn sơ//

Con bồ câu trắng/ ngây thơ/

Nó đi tìm thóc/ quanh bờ công văn//

Lát rồi,/ chim nhé,/ chim ăn/

Bác Hồ còn bận/ khách văn đến nhà.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp khổ thơ 2.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ đề “Những người tài trí”

1.2.1. Tìm đọc truyện

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện phù hợp với chủ đề “Những người tài trí” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện viết về:

+ Một người thông minh

+ Một người tài năng

+ ?

- HS chuẩn bị truyện để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. *Viết Nhật kí đọc sách*

- HS viết vào *Nhật kí đọc sách* tóm tắt nội dung truyện: tên truyện, tên tác giả, tên nhân vật, các sự việc chính,... (khuyến khích HS ghi chép bằng sơ đồ đơn giản).
- HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện.

1.2.3. *Chia sẻ về truyện đã đọc*

- HS đọc truyện hoặc trao đổi truyện cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn những điều em học được từ nhân vật trong truyện đã đọc.
- Có thể chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ

2.1. *Viết tên riêng*

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả theo nhóm đôi, 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. *Tìm danh từ, động từ, tính từ*

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu theo nhóm 4 dưới hình thức chơi trò chơi *Tìm đường đi*.

(Gợi ý:

- + *Danh từ chỉ người*: ông bà, cha mẹ, bạn học, cô giáo,...
- + *Danh từ chỉ thời gian*: giây, phút, ngày, tháng,...
- + *Danh từ chỉ hiện tượng*: nắng, mưa, gió, bão,...
- + *Động từ chỉ hoạt động học tập*: đọc sách, viết bài, phát biểu,...
- + *Động từ chỉ hoạt động vui chơi*: đá bóng, nhảy dây, trốn tìm,...

- + *Tính từ chỉ tính nết của học sinh: vui vẻ, hồn nhiên, thân thiện,...*
- + *Tính từ chỉ phẩm chất của người: dũng cảm, nhân hậu, thật thà,...*
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, có thể tổ chức cho HS chữa bài bằng trò chơi *Tiếp sức*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Viết đoạn văn ngắn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết đoạn văn ngắn vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm, 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết bài văn thuật lại một sự việc

- HS đọc và trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:
 - + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *thuật*).
 - + Sự việc chọn thuật diễn ra ở đâu? (Đáp án: *trong lễ kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam*).
 - + Vì sao em chọn thuật sự việc đó? (Đáp án: *để lại nhiều ấn tượng*).
- HS đọc gợi ý, lưu ý và nghe GV hướng dẫn thêm (nếu cần).
- HS thực hành viết bài văn.
- HS nghe GV nhận xét bài viết, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Sưu tầm tranh, ảnh về Bác Hồ với thiếu nhi; chia sẻ cảm xúc về một bức tranh hoặc bức ảnh sưu tầm được.*
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ bức tranh, hoặc bức ảnh về Bác Hồ với thiếu nhi đã sưu tầm được.
- 1 – 2 HS chia sẻ cảm xúc về một bức tranh, bức ảnh trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN

(tiết 12 – 14, SHS, tr. 93 – 95)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Quan sát ảnh minh họa trong bài đọc và trả lời được câu hỏi về bức ảnh đó; phỏng đoán được nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và ảnh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, nhấn giọng ở các từ ngữ, hình ảnh tả trống đồng và thể hiện tình cảm của tác giả; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Trống đồng Đông Sơn đa dạng về phong cách trang trí và sắp xếp hoa văn. Nổi bật trên hoa văn trống đồng là hình ảnh con người và thiên nhiên mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Trống đồng Đông Sơn vừa thể hiện về tài hoa trong nghệ thuật trang trí, chạm khắc vừa chứa đựng bao khát vọng, ước mơ của ông cha ta.*

3. Biết cách sử dụng từ điển tiếng Việt.

4. Viết được giấy mời.

5. Ghi vào sổ tay 2 – 3 thông tin và đặc điểm nổi bật của trống đồng Đông Sơn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh ảnh về một hiện vật có giá trị văn hoá (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Nổi bật trên hoa văn trống đồng” đến hết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát ảnh minh họa và trả lời câu hỏi. (Gợi ý: *Ảnh chụp trống đồng; Mặt trống hình tròn, thân trống hình trụ, màu đồng, mặt và thân trống được trang trí hoa văn tinh xảo*) → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Trống đồng Đông Sơn”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Trống đồng Đông Sơn

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc trang trọng, đầy chất tự hào; nhấn giọng các từ ngữ đánh giá hoặc tả trống đồng,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *sắp xếp, xung quanh, sâu sắc, muông thú...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu tả hoạ tiết trên trống đồng:

Bên cạnh và xung quanh/ những con người đầy ý thức làm chủ ấy/ là những cánh cò bay lả bay la,/ những chim Lạc,/ chim Hồng,/ những đàn cá lội tung tăng,...//;

Đó đây,/ hình tượng ghép đôi muông thú,/ nam nữ/ còn nói lên sự khát khao cuộc sống ấm no,/ yên vui của người dân.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “hươu nai có gạc”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *chính đáng* (đúng đắn, phù hợp), *vũ công* (người nhảy múa trong các tiết mục biểu diễn), *muông thú* (chim và thú),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những chi tiết cho thấy trống đồng Đông Sơn đa dạng: trống đồng Đông Sơn đa dạng không chỉ về hình dáng, kích thước mà cả về phong cách trang trí, sắp xếp hoa văn.*

+ Câu 2: *Cách sắp xếp hoa văn trên mặt trống đồng Đông Sơn: giữa mặt trống bao giờ cũng có hình ngôi sao nhiều cánh toả ra xung quanh, hình tròn đồng tâm, hình vũ công nhảy múa, chèo thuyền, hình chim bay, hươu nai có gạc,...*

+ Câu 3: *Những hình ảnh con người và thiên nhiên trên trống đồng thể hiện ước mơ một cuộc sống ấm no, yên vui.*

+ Câu 4: *Trống đồng là niềm tự hào chính đáng của người Việt Nam vì: trống đồng phong phú, đa dạng, phản ánh bản sắc văn hoá và ước mơ, khát vọng của con người Việt Nam từ ngàn xưa.*

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Trống đồng Đông Sơn phong phú và đa dạng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Con người và thiên nhiên trên hoa văn trống đồng rất sinh động và chứa đựng ước mơ, khát vọng về cuộc sống ấm no, yên vui của người dân.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng rõ ràng, trong sáng, nhấn giọng ở từ ngữ, hình ảnh tả, nhận xét về trống đồng*):

Nổi bật trên hoa văn trống đồng/ là hình ảnh con người hoà với thiên nhiên.// Con người lao động,/ đánh cá,/ săn bắn.// Con người đánh trống,/ thổi kèn.// Con người cầm vũ khí bảo vệ quê hương/ và tung bừng nhảy múa/ mừng chiến công/ hay cảm tạ thần linh,...// Đó là con người thuần hậu,/ hiền hoà,/ mang tính nhân bản sâu sắc.// Bên cạnh và xung quanh con người đầy ý thức làm chủ ấy/ là những cánh cò bay lả bay la,/ những chim Lạc,/ chim Hồng,/ những đàn cá lội tung tăng,...// Đó đây,/ hình tượng ghép đôi muông thú,/ nam nữ/còn nói lên sự khát khao cuộc sống ấm no,/ yên vui của người dân.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Sử dụng từ điển

2.1. Đọc hướng dẫn sử dụng từ điển

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc hướng dẫn sử dụng từ điển trong nhóm đôi, hỏi hoặc giải đáp thêm về nội dung đã đọc.

– 1 – 2 HS đọc trước lớp.

– HS nghe GV giải đáp thêm một số nội dung (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Xác định cách tra nghĩa của từ trong từ điển

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS hoạt động thực hiện yêu cầu trong nhóm đôi.
- 1 – 2 nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.

(Gợi ý:

- + *Bước 1: Tìm trang có chữ cái “t”.*
- + *Bước 2: Dò từ trên xuống dưới theo thứ tự đến chữ cái “ư” và tìm đến từ “tự hào”.*
- + *Bước 3: Đọc phần giải thích nghĩa từ: Lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có.)*

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Tra từ điển để tìm hiểu nghĩa của từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài cá nhân, viết kết quả vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án:

- + *Thuần hậu: chất phác, hiền hậu.*
- + *Hiền hoà: hiền lành và ôn hoà.*
- + *Ấm no: đầy đủ về vật chất, như đủ ăn, đủ mặc,...*
- + *Yên vui: yên ổn và vui vẻ.)*
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Đặt câu với từ ngữ đã tìm hiểu nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- HS trao đổi, nhận xét trong bài làm trong nhóm đôi.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết giấy mời

3.1. Nhận biết các phần của giấy mời

- HS xác định yêu cầu của BT.

- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.

(Đáp án: *Các phần của giấy mời: Quốc hiệu → Tiêu ngữ → Thời gian viết giấy mời → Tên “Giấy mời” → Người mời → Người được mời → Tên sự kiện → Thời gian diễn ra → Địa điểm diễn ra → Mong muốn → Kí tên người mời.*)

- 1 – 2 nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Viết và trang trí giấy mời

- HS xác định yêu cầu của BT 2, BT 3 và đọc gợi ý.
- HS viết và trang trí giấy mời vào VBT.
- HS trao đổi, nhận xét giấy mời theo nhóm đôi.
- 1 – 2 HS chia sẻ giấy mời trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá sản phẩm.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi vào sổ tay 2 – 3 thông tin và đặc điểm nổi bật của trống đồng Đông Sơn.*
- HS thực hiện cá nhân. (Gợi ý: *có thể ghi thông tin, dán hình ảnh, vẽ tranh, vẽ sơ đồ,...*)
- 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 5: AI TÀI GIỎI NHẤT? (tiết 15 – 18, SHS, tr. 96 – 99)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được về điểm nổi bật của một nhân vật là đồ vật, con vật hoặc cây cối trong truyện đã đọc, đã nghe; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Kể về cuộc trò chuyện giữa các sự vật xem ai tài giỏi nhất.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi tài trí của con người; trên đời, con người là tài giỏi nhất.*
3. Nhận diện được nhân hoá và tác dụng của nhân hoá, biết viết 1 – 2 câu có sử dụng nhân hoá.

4. Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn thuật lại một sự việc trong lễ kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam.

5. Trao đổi về nhận định “Con người là tài giỏi nhất!”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Tranh vẽ một số nhân vật trong các câu chuyện đồng thoại để thực hiện hoạt động khởi động.
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Gió rì rào xác nhận” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về điểm nổi bật của một nhân vật là đồ vật, con vật hoặc cây cối trong truyện đồng thoại đã đọc, đã nghe → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Ai tài giỏi nhất?”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Ai tài giỏi nhất?

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái và cảm xúc của các nhân vật trong bài; giọng của các sự vật bằng, mưa, cây, ... : hồn nhiên, hào hứng, vui tươi*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *giải bày, hiên ngang, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Tuy bị lạnh cóng/ nhưng gà vẫn cảm thấy thích thú với ý nghĩ:/ “Mình đi trên mặt sông/ như đi trên bờ.”//;

Lừa có thể/ đốt cành khô của tôi/ và nhiều cây cỏ/ thành tro/ giúp đất màu mỡ.//; ...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “ra hoa kết trái”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “Bác cừu mới là tài giỏi nhất”.
- + Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *nuôi* (ý trong bài: đất giữ lại nước để cung cấp cho cây), *cơ thể* (ý trong bài: mặt đất, cây được trồng trong đất, đứng trên mặt đất),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1:

• Gà: *bằng tài giỏi*, vì băng là dạng nước đông cứng lại, mặt sông có băng trở nên cứng như mặt đất, giúp gà đi lại trên mặt băng như đi trên bờ.

• Băng: *mưa tài giỏi*, vì nhờ mưa mới có nước rơi xuống sông, hồ,... Mùa đông, nước sông, hồ mới có thể đóng thành băng.

• Mưa: *đất tài giỏi*, vì đất giữ nước mưa lại, cung cấp cho cây.

• Đất: *cây tài giỏi*, vì cây hút nước từ đất để tươi tốt, ra hoa kết trái.

• Cây: *lúa tài giỏi*, vì lúa có thể soi sáng và sưởi ấm; có thể đốt cành khô của cây và nhiều cây cỏ thành tro làm chất dinh dưỡng cung cấp cho đất, giúp đất màu mỡ.

• Lúa: *gió tài giỏi*, vì gió có thể dập tắt lửa.

• Gió: *cỏ tài giỏi*, vì cỏ tuy nhỏ bé nhưng có sức sống mãnh liệt, vẫn phát triển tươi tốt dù có giông bão đi qua.

• Cỏ: *cừu tài giỏi*, vì cừu biết dùng cỏ làm thức ăn,... (HS tự phát triển lí do cỏ cho cừu là tài giỏi theo cách nghĩ riêng.)

+ Câu 2: HS kể tóm tắt cuộc trò chuyện của các nhân vật trong truyện theo cách kể riêng. (Gợi ý: *Một sáng nọ, con vật, cây cối và các sự vật khác trong tự nhiên bàn luận xem ai là người tài giỏi nhất. Không ai tự cho rằng mình tài giỏi nhất. Mỗi sự vật đều có chọn lựa khác nhau về người tài giỏi nhất. Cuối cùng, cừu khẳng định tài giỏi nhất chính là con người.*)

+ Câu 3: *Cừu nói “tài giỏi nhất trên đời chính là con người” vì con người biết làm mọi thứ: thuần dưỡng các loài vật, làm mưa, làm tan băng, trồng cây, trồng cỏ, tạo ra*

lửa, nhờ gió đẩy thuyền, làm nhiều vật dụng,..., biết làm tất cả những điều mà các sự vật khác có thể làm.

+ Câu 4: HS trả lời theo cách nghĩ cá nhân. (Gợi ý: *Các nhân vật trong truyện đều khiêm tốn, biết nhìn nhận và trân trọng tài năng của nhân vật khác.*)

+ Câu 5: HS trả lời theo cách nghĩ cá nhân. (Gợi ý: *Con người là tài giỏi nhất, Cuộc bình chọn trong tự nhiên,...*)

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1, 2: *Mỗi sự vật đều tài giỏi theo cách riêng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Con người là tài giỏi nhất.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Gió rì rào xác nhận” đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng các nhân vật vui vẻ, hào hứng, giọng cừu thể hiện sự thần phục về tài trí của con người, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của nhân vật*):

Gió rì rào xác nhận://

– *Tôi có thể thổi bùng/ hoặc dập tắt lửa. Nhưng các bạn xem kìa,/ nàng cô bé nhỏ/ hiên ngang trong gió bão,/ xanh tươi quanh năm,/ lại còn trở những bông hoa xinh xắn nữa chứ./ Cô mới xứng đáng là người tài giỏi nhất.//*

Cỏ dịu dàng xua tay và nói://

– *Bác cừu/ mới là tài giỏi nhất...//*

Cỏ nói chưa hết câu,/cừu đã kêu to://

– *Không phải đâu!// Người biết thuần dưỡng gà,/ cừu/ cùng những con vật khác.// Họ có thể làm mưa,/ làm tan băng,/ trồng cây/ trồng cỏ, tạo ra lửa.// Họ biết nhờ gió đẩy thuyền,/ biết làm nhiều vật dụng...// Tài giỏi nhất trên đời/ chính là con người!//*

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Gió rì rào xác nhận” đến hết.

– 1 – 2 HS đọc lại cả bài trước lớp. Nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài.

TIẾT 3.

2. Luyện từ và câu

Biện pháp nhân hoá

2.1. Hình thành khái niệm nhân hoá

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án:

a. cửa sổ – chị, cổ thụ – bác.

b. nhắc chị cửa sổ; lắc lắc cành cây; giục bác cổ thụ; tìm hoa; đưa hương tặng bướm, ong.

c. Chọn đáp án: Làm cho sự vật trở nên sinh động, gần gũi, đáng yêu.)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.
- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án:

a. Bài đồng dao nhắc đến con trâu.

b. Từ ngữ cho thấy tác giả trò chuyện rất thân mật với trâu: ơi, bảo trâu này, ta đây trâu đấy.

c. Cách trò chuyện ấy giúp em cảm thấy tác giả rất yêu quý và thân thiết với trâu, xem trâu như một người bạn.)

- HS nghe GV nhận xét, rút ra ghi nhớ về biện pháp nhân hoá.
- 1 – 2 HS nhắc lại nội dung ghi nhớ.

2.2. Nhận diện biện pháp nhân hoá

- HS xác định yêu cầu của BT 3a.
- HS thực hiện yêu cầu trong nhóm 4.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả.

Đáp án:

<i>Sự vật được nhân hoá</i>	<i>Từ ngữ dùng để nhân hoá</i>
<i>bình minh</i>	<i>treo, thả</i>
<i>gió</i>	<i>mang theo, cho</i>
<i>tàu</i>	<i>mẹ, con</i>
<i>xe</i>	<i>anh, em; tíu tít nhận hàng, chở hàng</i>

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.
- HS xác định yêu cầu của BT 3b.
- 1 – 2 HS trả lời cá nhân.

(Gợi ý: *Sử dụng biện pháp nhân hoá làm cho các sự vật trở nên sinh động, gần gũi, giàu cảm xúc vì có hoạt động, tình cảm giống con người.*)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Đặt câu có sử dụng biện pháp nhân hoá

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ 1 – 2 câu về một trong các vật có trong hình, trong câu có sử dụng biện pháp nhân hoá.
- HS viết 1 – 2 câu vừa nói vào VBT.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

(Gợi ý: *Bác gà trống cất tiếng gáy vang gọi mọi người thức dậy. Tiếng bác dường như đã trở thành tiếng chuông báo thức, rộn vang cả xóm làng.*)

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Trả bài văn thuật lại một sự việc

3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn

HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn thuật lại một sự việc trong lễ kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam: ưu điểm, hạn chế,...

3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết

HS đọc lời nhận xét của thầy cô và rút ra những điều làm tốt, chưa làm tốt để khắc phục ở bài sau dựa trên các gợi ý: câu tạo, sắp xếp ý, từ ngữ, đặt câu, chính tả,...

3.3. Hoàn thiện bài văn

- HS chọn viết lại một đoạn trong bài viết, thêm vào hoạt động, lời nói, ý nghĩ của những người chứng kiến hoặc tham gia để đoạn văn sinh động hơn.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm → nghe bạn góp ý để hoàn chỉnh bài làm.
- 1 – 2 HS trình bày bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.4. Trưng bày và bình chọn bài viết yêu thích

– GV tổ chức kĩ thuật *Phòng tranh* trong nhóm để HS đọc và bình chọn bài viết yêu thích.

- 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, nêu lí do yêu thích bài viết của bạn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi: Em có đồng ý với nhận định: “Con người là tài giỏi nhất!” không? Vì sao?*

- HS chia sẻ ý kiến cá nhân trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 6: KÌ QUAN ĐÊ BIỂN (tiết 19 – 21, SHS, tr. 100 – 102)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Giới thiệu được một công trình ở quê hương em hoặc nơi em ở; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và ảnh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Đê biển được xem là một hình ảnh biểu tượng cho tài năng và lòng yêu nước của người Hà Lan, được bầu chọn là một trong mười công trình vĩ đại nhất hành tinh.*

3. Biết thuyết trình về trí tuệ và tài năng của con người.

4. Nhận diện được cấu tạo bài văn viết thư; tìm ý cho bài văn viết thư gửi người thân.

5. Biết đóng vai hướng dẫn viên giới thiệu về một công trình ở địa phương mà em biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tỉ vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Hình ảnh hoặc đoạn phim ngắn về đê biển Hà Lan (nếu có).
- Hình ảnh các công trình tại địa phương (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến “thuận lợi hơn nhiều”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, giới thiệu một công trình ở quê hương em hoặc nơi em ở dựa vào gợi ý:

- + Tên công trình (*bưu điện Hải Phòng, cầu Rạch Miễu, hải đăng Kê Gà, ...*).
- + Miêu tả đặc điểm của công trình đó (*kiến trúc, điểm đặc biệt, ...*).
- + ...

– HS xem ảnh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung ảnh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Kì quan đê biển”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Kì quan đê biển

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả đặc điểm nổi bật của đê biển*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *bạt ngàn, chắn, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài:

Không chỉ có cối xay gió/ và những cánh đồng hoa tulip bạt ngàn,/ đê biển/ cũng được xem/ là hình ảnh biểu tượng/ cho tài năng/ và lòng yêu nước/ của người Hà Lan.//;

Công trình khổng lồ này/ vừa ngăn được/ sự tấn công của nước biển,/ vừa giúp có thêm đất đai/ để xây dựng/ và trồng trọt.//;

Cùng với kim tự tháp ở Ai Cập,/ đường hầm qua eo biển Măng-xơ,/ kênh đào Pa-na-ma...,/ hệ thống đê biển ở Hà Lan/ được các nhà kiến trúc trên thế giới/ bầu chọn là một trong mười/ công trình vĩ đại nhất hành tinh.//; ...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó trong quá trình tìm hiểu bài (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *đê biển* (đê ngăn không cho nước mặn ở biển tràn vào đồng ruộng hoặc khu dân cư), *kì quan* (công trình kiến trúc hoặc cảnh vật đẹp đến mức kì lạ, hiếm thấy), *bạt ngàn* (nhiều vô kể và trên một diện tích rất rộng), *biểu tượng* (hình ảnh tượng trưng), *mức nước biển* (là mức trung bình của bề mặt của một hoặc nhiều đại

đương của Trái Đất, nhằm xác định ra độ cao bằng 0 và từ đó có thể đo được độ cao của điểm trên Trái Đất),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS và rút ra nội dung bài. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những hình ảnh được xem là biểu tượng cho tài năng và lòng yêu nước của người Hà Lan là cối xay gió, cánh đồng hoa tulip và đê biển.*

+ Câu 2: *Từ ngữ, chi tiết miêu tả vẻ kì vĩ của hệ thống đê biển ở Hà Lan: con đê giữa biển, dài 32 ki-lô-mét, rộng 90 mét, cao hơn 7 mét so với mực nước biển.*

+ Câu 3: *Công trình đê biển và đập nước di động đã giúp đất nước Hà Lan: ngăn được sự tấn công của nước biển, có thêm đất đai để xây dựng và trồng trọt, giao thông thuận lợi.*

+ Câu 4: Gợi ý: *Các nhà kiến trúc trên thế giới bầu chọn đê biển của Hà Lan là một trong mười công trình vĩ đại nhất hành tinh vì đây là một công trình kì vĩ và mang lại nhiều ích lợi to lớn.*

+ Câu 5: HS trả lời theo cảm nhận cá nhân. (Gợi ý: *Em hiểu thêm về tài năng, trí tuệ, sự sáng tạo của con người. Con người có thể làm được mọi thứ để cải tạo tự nhiên, giúp cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.*)

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ đầu đến “thuận lợi hơn nhiều” và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp kì vĩ và lợi ích của đê biển*):

Không chỉ có cối xay gió/ và những cánh đồng hoa tulip bạt ngàn,/ đê biển cũng được xem/ là hình ảnh biểu tượng cho tài năng/ và lòng yêu nước/ của người Hà Lan.// Là vùng đất thấp,/ Hà Lan đã nhiều lần trải qua/ thảm họa triều cường.// Vì thế, chính phủ đã xây dựng/ một con đê giữa biển/ có chiều dài 32 ki-lô-mét,/ rộng 90 mét,/ cao hơn 7 mét/ so với mực nước biển.// Công trình khổng lồ này/ vừa ngăn được sự tấn công của nước biển,/ vừa giúp có thêm đất đai/ để xây dựng và trồng trọt.// Nhờ nó, giao thông cũng thuận lợi hơn nhiều.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Thuyết trình về trí tuệ và tài năng của con người

2.1. Trao đổi nội dung bài “Ai tài giỏi nhất?”

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- GV tổ chức trò chơi *Tiếp sức* để các thành viên nhóm/ tổ liệt kê các nhân vật trong bài “Ai tài giỏi nhất?”. (Gợi ý: *Truyện có các nhân vật: gà, băng, mưa, cây, lửa, gió, cỏ, cừu*).
- HS nêu lí lẽ, dẫn chứng mà cừu đã dùng để khẳng định “Tài giỏi nhất trên đời chính là con người!”. (Gợi ý: *Người biết thuần dưỡng gà, cừu cùng những con vật khác; có thể làm mưa, làm tan băng, trồng cây, trồng cỏ, tạo ra lửa; biết nhờ gió đẩy thuyền, biết làm nhiều vật dụng, ...*)
- 1 – 2 HS trả lời trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

2.2. Tìm thêm lí lẽ, dẫn chứng chứng minh con người là tài giỏi nhất

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- Mỗi HS tìm thêm những dẫn chứng để chứng minh con người là tài giỏi nhất, viết vào giấy; sau đó nhóm trưởng tổng hợp các ý kiến của các thành viên bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn* (có thể thực hiện bằng sơ đồ tư duy đơn giản). (Gợi ý: *con người biết chế tạo nhiều loại thuốc chữa bệnh; con người chế tạo được máy móc, thiết bị phục vụ đời sống như máy bay, điện thoại, ...*)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2.3. Thuyết trình về trí tuệ và tài năng của con người

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thuyết trình trong nhóm dựa trên kết quả tìm được ở BT 2.
- GV tổ chức cho HS thuyết trình trước lớp thông qua trò chơi *Nhà thuyết trình nhí*.
- HS nhận xét phần trình bày của bạn trên các tiêu chí như: nội dung trình bày, cách thức diễn đạt, ...
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Bài văn viết thư

3.1. Nhận diện cấu tạo bài văn viết thư

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bức thư.
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nhỏ để xác định được các phần của bức thư.
- 1 – 2 nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.

Đáp án:

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2023

Ông bà kính mến!

Thế là cháu về lại thành phố đã được hơn hai tháng rồi. Cháu rất nhớ ông bà và những ngày hè ở quê.

Dạo này ông bà có khoẻ không ạ? Buổi sáng, ông bà vẫn đi bộ tập thể dục đều chứ ạ? Giàn mướp ở bờ ao mà ông bắc khi cháu về chắc nhiều hoa lắm rồi ông nhỉ? Còn con lợn út chắc đã lớn hơn nhiều rồi phải không hả bà?

Cả nhà cháu vẫn bình thường. Dạo này, bố mẹ cháu ít đi công tác hơn trước. Còn hai anh em cháu vẫn luôn cố gắng học tập tốt. Cháu đã tập hợp được hơn 50 quyển sách để sắp tới gửi về làm tủ sách ở đình làng.

Cháu mong nhanh đến cuối năm để được về thăm ông bà và dự đám cưới của cô Lâm, chú Khang.

Cháu kính chúc ông bà luôn mạnh khoẻ!

Cháu của ông bà

Thành

Nguyễn Duy Thành

Địa điểm,
thời gian viết thư

Lời xưng hô

Lí do viết thư

Lời thăm hỏi
với người nhận thư

Lời kể về người viết thư

Mong muốn
của người viết thư

Lời chúc sức khoẻ
đến người nhận thư

Chữ kí và họ tên
của người viết thư

- GV nhận xét, chốt nội dung ghi nhớ.
- 1 – 2 HS đọc ghi nhớ.

3.2. Tìm ý cho bài văn viết thư gửi người thân

- 1 HS xác định yêu cầu BT 2 và đọc gợi ý trong sơ đồ.

– HS trao đổi nội dung trong nhóm nhỏ, có thể ghi lại các ý chính dưới dạng sơ đồ đơn giản.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về một công trình ở địa phương mà em biết.*

(Gợi ý: GV có thể hướng dẫn HS sưu tầm trước hình ảnh, thông tin về công trình để vào lớp chia sẻ với bạn.)

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ.

– Mỗi nhóm HS chọn đại diện thuyết trình trước lớp dưới hình thức trò chơi đóng vai *Hướng dẫn viên nhí* (có thể kết hợp slide trình chiếu hoặc hình ảnh minh họa).

– HS bình chọn “hướng dẫn viên” xuất sắc nhất trên các tiêu chí:

+ Nội dung trình bày

+ Phương tiện hỗ trợ

+ Giọng nói, ngữ điệu, cử chỉ

+ ...

– HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc sau hoạt động.

– HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 7: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI (tiết 22 – 25, SHS, tr. 103 – 106)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được suy nghĩ, cảm xúc sau khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Cho con” – nhạc: Phạm Trọng Cầu, thơ: Tuấn Dũng; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Lí giải ngược một cách sinh động, dí dỏm về sự ra đời của loài người. Mọi thứ trên đời đều sinh ra vì trẻ em, có nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Hãy dành những điều tốt đẹp nhất cho trẻ em.* Học thuộc lòng ba khổ thơ em thích.

– Tìm đọc được bản tin viết về một người dũng cảm, tài năng, sáng tạo,...; viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn những thông tin đáng chú ý, những điều biết thêm qua hình ảnh hoặc số liệu có trong bản tin.

3. Biết sử dụng biện pháp nhân hoá bằng cách sử dụng từ gọi người để gọi vật.
4. Viết thư gửi cho một người thân ở xa để thăm hỏi và kể về tình hình gia đình em.
5. Kể lại được “Chuyện cổ tích về loài người” bằng lời của em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Tranh ảnh về lời bài hát, video clip bài hát “Cho con” (nếu có).
- Bảng phụ ghi hai khổ thơ cuối.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT từ câu.
- HS mang tới lớp bản tin phù hợp với chủ điểm “Những người tài trí” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc sau khi nghe hoặc đọc lời bài hát → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Chuyện cổ tích về loài người”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Chuyện cổ tích về loài người

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc với giọng vui tươi, hồn nhiên, trong trẻo; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của các sự vật trong bài,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *trụi trần, rõ, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số dòng thơ:

*Trời/ sinh ra trước nhất/
Chỉ toàn là/ trẻ con/
Trên trái đất/ trụi trần/
Không đáng cây/ ngọn cỏ.//*

*Mắt trẻ con/ sáng lắm/
Nhưng/ chưa thấy gì đâu!/
Mặt trời/ mới nhô cao/
Cho trẻ con/ nhìn rõ.//*

– HS chia đoạn để luyện đọc và tìm hiểu bài. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Khổ thơ đầu.
- + Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai.
- + Đoạn 3: Ba khổ thơ tiếp theo.
- + Đoạn 4: Hai khổ thơ cuối.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *trụi trần* (ý trong bài chỉ trái đất chưa có gì tồn tại),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

- + Câu 1: *Khổ thơ thứ nhất cho biết trẻ em được sinh ra đầu tiên.*
- + Câu 2: *Mặt trời nhô cao cho trẻ em nhìn rõ mọi thứ, vì khi ấy trái đất vẫn còn tối tăm, không ánh sáng.*
- + Câu 3: *Từ ngữ thể hiện sự chăm chút, nâng niu của mẹ với trẻ: bế bồng, chăm sóc.*
- + Câu 4: *Bố dạy bảo cho trẻ em biết chăm ngoan, biết suy nghĩ, biết mở rộng tầm nhìn về cuộc sống xung quanh; Thầy giáo truyền dạy kiến thức cho trẻ em.*
- + Câu 5: *Chọn đáp án: Vì muốn khẳng định trẻ em luôn cần được chăm sóc, yêu thương.*

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Trẻ em được sinh ra đầu tiên trên trái đất.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Mặt trời được sinh ra đầu tiên để đem lại ánh sáng cho trẻ con.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3, 4: *Bố mẹ được sinh ra để chăm sóc, dạy bảo trẻ; thầy giáo được sinh ra giúp trẻ học hành, truyền dạy thêm tri thức cho trẻ.*

- + Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại hai khổ thơ cuối và xác định giọng đọc (Gợi ý: *vui tươi, hồn nhiên, trong trẻo; tốc độ chậm lại ở hai dòng thơ cuối; nhấn giọng ở các từ ngữ chỉ sự vật được sinh ra*):

Chữ/ bắt đầu có trước

Rồi/ có ghế/ có bàn

Rồi/ có lớp/ có trường

Và sinh ra/ thầy giáo...

Cái bảng/ bằng cái chiếu

Cục phấn/ từ đá ra

Thầy/ viết chữ thật to

“Chuyên loài người”/ trước nhất.//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp ba khổ thơ em thích (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm “Những người tài trí”

1.2.1. Tìm đọc bản tin

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin phù hợp với chủ điểm “Những người tài trí” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bản tin viết về:

- + Một người dũng cảm (Gợi ý: *cứu người, bắt cướp, biết nhận lỗi và sửa lỗi, ...*)
 - + Một người tài năng (Gợi ý: *đạt giải ở kì thi lớn về một lĩnh vực; có năng lực về học tập, kinh doanh, ...*)
 - + Một người sáng tạo (Gợi ý: *có sự sáng tạo cái mới về một lĩnh vực như nghệ thuật, công nghệ, ...*)
 - + ?
- HS chuẩn bị bản tin để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. *Viết Nhật kí đọc sách*

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bản tin: tên nhân vật được đề cập đến trong bản tin, một số thông tin cá nhân, đặc điểm nổi bật của nhân vật đó, điều em học được từ họ,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bản tin.

1.2.3. *Chia sẻ về bản tin đã đọc*

- HS đọc bản tin hoặc trao đổi bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ những điều em biết thêm qua hình ảnh hoặc số liệu có trong bản tin.
- Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về nhân hoá

2.1. *Nhận diện biện pháp nhân hoá bằng cách sử dụng từ gọi người để gọi vật*

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn thơ, đoạn văn.
 - HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ, dán kết quả vào bảng nhóm.
 - 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- (Đáp án:
- a. *tre – chị, mây – nàng, nôi đồng – bác, chổi – bà, gà mái – nàng, chuối mật – bà, ngô bắp – ông, chích choè – thím, khướu – chú, chào mào – anh, cu gáy – bác.*
- b. *Gợi ý: Cách gọi ấy khiến các sự vật trở nên thân thiết, gần gũi, sinh động, ...)*
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. *Tạo nhân hoá bằng cách sử dụng từ gọi người để gọi vật*

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu.
- 1 – 2 nhóm HS trình bày đáp án trước lớp.

(Gợi ý:

a. *chị/ cô đồng tiền, chị/ cô/ nàng hồng nhung, bạn/ bé tóc tiên.*

b. *Sau khi thay thế từ ngữ, đoạn văn trở nên sinh động, giàu cảm xúc hơn, các sự vật trở nên gần gũi, thú vị hơn.)*

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Viết câu có biện pháp nhân hoá bằng cách sử dụng từ gọi người để gọi vật

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS chia sẻ nội dung sẽ viết trong nhóm đôi, viết 3 – 4 câu vào VBT.

– 1 – 2 HS đọc các câu đã viết trước lớp, giới thiệu đồ vật được nhân hoá và từ đã dùng để gọi đồ vật đó.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết thư cho người thân

3.1. Thực hành viết thư và nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn viết thư

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS dựa vào nội dung tìm ý đã thực hiện ở trang 106 (*Tiếng Việt 4, tập một*), viết thư cho người thân ở xa để thăm hỏi và kể về tình hình gia đình em vào VBT.

– HS nộp bài và xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nghe GV nhận xét chung về bài văn viết thư của lớp về: cấu tạo, lời xưng hô, viết câu, trình bày,...

3.2. Bình chọn bài văn viết thư

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS chia sẻ bài làm trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Phòng tranh*.

– HS bình chọn: Bức thư được trình bày hợp lý; Bức thư kể được những điều thú vị; Bức thư có cách viết lời chúc dễ thương. (Khuyến khích HS giải thích lí do bình chọn.)

– Các nhóm trưng bày các bài viết được bình chọn ở *Góc Sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt* để cả lớp tham khảo và rút kinh nghiệm.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Kể lại “Chuyện cổ tích về loài người” bằng lời của em.*

- HS thực hành kể trong nhóm nhỏ.
- GV tổ chức cuộc thi *Người kể chuyện hay nhất* để các nhóm tham gia kể.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: NHỮNG MÙA HOA TRÊN CAO NGUYÊN ĐÁ (tiết 26 – 28, SHS, tr. 107 – 110)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về 1 – 2 loài hoa thường nở vào một mùa trong năm; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Tả cảnh sắc của những mùa hoa trên cao nguyên*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi vẻ đẹp của những con người kiên cường, chịu thương chịu khó, ngày đêm lao động để mang lại ấm no trên mảnh đất cao nguyên đá xám lạnh lẽo*.
3. MRVT theo chủ đề *Tài trí*.
4. Viết thư điện tử cho bạn bè.
5. Suy tầm được tranh, ảnh về một khu vườn hoặc cánh đồng hoa; viết được 2 – 3 câu miêu tả khu vườn hoặc cánh đồng hoa trong tranh, ảnh đã suy tầm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Hình ảnh, đoạn phim về các mùa hoa trên cao nguyên (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn 3.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS thực hiện BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói về 1 – 2 loài hoa thường nở vào một mùa trong năm (Gợi ý: *nói về tên loài hoa, đặc điểm nổi bật, vẻ đẹp của loài hoa đó*. VD: *hoa mai nở vào mùa xuân, những bông hoa vàng rực cả một góc sân; hoa phượng đến hè đỏ rực như những đốm lửa, ...*) → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “*Những mùa hoa trên cao nguyên đá*”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Những mùa hoa trên cao nguyên đá

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc thông thả, chậm rãi; nhấn giọng ở các từ ngữ tả cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh lao động của người dân vùng núi,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *triền, lưng chừng, trắng muốt,...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu tả vẻ đẹp của cảnh:

Rồi những bông hoa/ sẽ thành những bắp ngô chắc hạt,/ vàng óng,/ đem no ấm cho bà con/ trên cả cao nguyên đá.//;

Triền hoa leo đến lưng chừng núi/ rồi nhòa trong sương chiều,/ tưởng như có muôn ngàn nàng tiên hoa bé nhỏ/ đang dập dờn bay lượn,/ với những điệu múa đẹp nhất/ trong sương chiều đang buông.//; ...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “cả cao nguyên đá”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “sương chiều đang buông”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *triền (hoa)* (dải đất thoải thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi, ý trong bài tả hoa mọc khắp hai bên sườn núi), *lưng chừng* (khoảng ở giữa, không ở trên cao cũng không ở dưới thấp), *dập dờn* (đông vui, qua lại không ngớt), ...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Mùa hạ đến, cao nguyên phủ một màu xanh: màu xanh của cỏ voi, của ngô che phủ màu đá xám.*

+ Câu 2: *Tác giả nói hoa ngô sẽ đem no ấm cho bà con ở cao nguyên đá vì hoa ngô sẽ thành những bắp ngô chắc hạt và người dân có thể thu hoạch.*

+ Câu 3: *Những tua hoa ngô được so sánh với những ngón tay đón ánh nắng mặt trời, hoa tam giác mạch được so sánh với nàng tiên bé nhỏ. Gợi ý: Cách so sánh giúp bài văn trở nên sinh động hơn, các loài hoa có tình cảm và hoạt động như con người, khiến người đọc như lạc vào thế giới cổ tích.*

+ Câu 4: *Hình ảnh đẹp:*

• *Mùa thu: triển hoa tam giác mạch trắng, phớt hồng hay hồng sẫm trải dài, uốn lượn, triển hoa leo đến lưng chừng núi rồi nhòa trong sương chiều như muôn ngàn nàng tiên bé nhỏ dập dềnh bay lượn, hoa bạc hà tím sẫm bên những triền đá.*

• *Mùa đông: hoa cúc đại đóa nhung lên khắp các triền núi.*

• *Mùa xuân: hoa mận, hoa lê nở trắng muốt.*

+ Câu 5: *Con người nơi đây là “những mùa hoa tươi ắm cả vùng cao nguyên đá xám lạnh lẽo” vì họ cần mẫn, siêng năng lao động trên mảnh nương đầy đá bất chấp thời tiết khắc nghiệt, chính họ mang đến sự sống cho những mảnh đất sỏi đá nơi đây,...*

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp của cao nguyên, của hoa ngô nở rộ vào mùa hạ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Vẻ đẹp của hoa tam giác mạch ở cao nguyên vào mùa thu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Vẻ đẹp của những mùa hoa trên cao nguyên đá và vẻ đẹp của con người lao động cần mẫn để mang lại cuộc sống ấm no.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng đọc thông thả, chậm rãi; nhấn giọng các từ ngữ tả cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh lao động của người dân vùng núi trong thời tiết khắc nghiệt*):

Mùa hoa mận,/ hoa lê trắng muốt/ vào mùa xuân.// Mùa hoa bạc hà tím sẫm/ bên những triền đá/ vào mùa thu.// Mùa hoa cúc đại đỏ nhung/ len khắp các triền núi/ vào đầu đông...// Thời tiết khắc nghiệt/ cũng không ngăn được/ những mùa hoa nở.// Giống như con người nơi đây:/ hiền lành,/ chịu thương chịu khó/ nhưng vô cùng kiên cường,/ bất khuất.// Họ cày cuốc/ trên những mảnh nương/ đầy đá. Họ là những/ mùa hoa tươi ắm/ cả vùng cao nguyên đá xám/ lạnh lẽo này.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm đoạn từ “Qua mùa hạ” đến “quyến rũ” (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ *Tài trí*

2.1. Chọn lời giải nghĩa phù hợp với mỗi từ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS làm bài trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài, có thể chữa bài theo hình thức chơi *Tiếp sức*.

(Đáp án: *tài trí* – tài năng và trí tuệ

tài đức – tài năng và đức độ

tài danh – có tài và có tiếng tăm

tài nghệ – có tài năng điêu luyện trong nghề nghiệp.)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Tìm từ chứa tiếng “tài” có nghĩa là “giỏi”

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm để thực hiện yêu cầu. GV có thể sử dụng kĩ thuật *Khăn trải bàn* để hướng dẫn HS tìm từ. Mỗi HS viết từ vào giấy, sau đó nhóm trưởng tổng hợp lại các từ tìm được.

- 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả.

(Gợi ý: *tài giỏi, tài hoa, tài tình, tài năng, tài ba,...*).

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Thay từ ngữ phù hợp

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm đôi để lựa chọn từ ngữ phù hợp.
- 2 – 3 HS trình bày bài trước lớp. (Đáp án: *tài năng* – *khả năng* – *năng khiếu* – *năng lực* – *giỏi* – *nhanh trí* – *sức mạnh*.)
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Viết đoạn văn nói về tài năng của một nhân vật em đã học

- HS xác định yêu cầu của BT 4 và quan sát hình ảnh gợi ý.
- HS hoạt động trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ: chia sẻ những điều đã biết về một nhân vật đã học: Mạc Đĩnh Chi, Niu-ton, Yết Kiêu, Lu-i Pa-xtơ, Mô-da,... (HS có thể ghi chép ngắn gọn một vài thông tin chính.)

- HS viết đoạn văn vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá bài viết.

TIẾT 3

3. Viết

Viết thư cho bạn bè

3.1. Viết thư điện tử cho một người bạn

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý, nhớ lại cấu trúc của thư điện tử.
- HS trao đổi, chia sẻ nội dung sẽ viết trong nhóm nhỏ.

(Gợi ý: *Thăm hỏi: gia đình của bạn (sức khỏe, công việc, ...), bạn (sức khỏe, học tập, các hoạt động khác, ...); Kể (việc học ở trường, hoạt động yêu thích, tình hình học tập hiện nay, dự tính trong năm nay, ...).*)

- HS viết thư vào VBT.
- HS nộp bài và xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nghe GV nhận xét chung về bài văn viết thư của lớp về: cấu tạo, lời xưng hô, lời thăm hỏi, chính tả,...

3.2. Chia sẻ trong nhóm

- HS chia sẻ bài viết trong nhóm, tham khảo và nhận xét bài làm của nhau.
- HS rút kinh nghiệm từ phần nhận xét của bạn và điều chỉnh, hoàn thiện bài viết.
- 1 – 2 HS trình bày bài làm trước lớp.
- GV có thể tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm để HS tham khảo sau giờ học.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động:
 - + *Sưu tầm tranh, ảnh về một khu vườn hoặc cánh đồng hoa.*
 - + *Viết 2 – 3 câu miêu tả khu vườn hoặc cánh đồng hoa trong tranh đã sưu tầm.*
- HS chia sẻ tranh, ảnh về một khu vườn hoặc cánh đồng hoa đã chuẩn bị.
- HS viết 2 – 3 câu miêu tả vườn hoặc cánh đồng hoa trong tranh, ảnh đã sưu tầm.
- 1 – 2 HS đọc câu đã viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.
- HS có thể trưng bày sản phẩm sau khi viết và trưng bày ở Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.

- HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc sau hoạt động.
- HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học và chủ điểm.

Chủ điểm 4. NHỮNG ƯỚC MƠ XANH

(Tuần 14 – 15 – 16 – 17)

Chủ điểm “Những ước mơ xanh” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; biết ước mơ những điều đẹp đẽ, có ý nghĩa cho bản thân, gia đình, bạn bè và những người xung quanh. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *có ý thức phấn đấu để biến ước mơ thành hiện thực*.

BÀI 1: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI

(tiết 1 – 4, SHS, tr. 111 – 115)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được về ý tưởng chế tạo một đồ vật giúp con người hạnh phúc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Cuộc trò chuyện của Tin-tin và Mi-tin với những người bạn sắp ra đời trong công xưởng xanh*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Thể hiện mong ước thay đổi thế giới qua những phát minh, sáng chế giúp cuộc sống con người hạnh phúc*.
3. Nhận biết được nhân hoá bằng cách tả sự vật bằng từ ngữ dùng để tả người; sử dụng biện pháp nhân hoá để viết được câu văn sinh động.
4. Nhận diện và tìm ý cho bài viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe.
5. Viết được ba điều nên làm và ba điều không nên làm để cuộc sống của con người ngày càng tốt đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Công xưởng xanh” đến “Có chứ! Nó đâu?”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Những ước mơ xanh”. (Gợi ý: *Nói về những ước mơ đẹp: mơ ước về cuộc sống hạnh phúc, mơ ước được sống lâu, mơ ước được bay lượn trên bầu trời,...*).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ về ý tưởng chế tạo một đồ vật giúp con người hạnh phúc (có thể kết hợp sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ) → Xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Ở Vương quốc Tương Lai”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Ở Vương quốc Tương Lai

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả; giọng Tin-tin, Mi-tin thể hiện sự tò mò, ngạc nhiên; giọng các em bé thể hiện sự thân thiện, niềm vui, tự hào,...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xứ sở, sáng chế, trường sinh, giấu kín,...* hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thuật lại nội dung câu chuyện:

Tin-tin và Mi-tin/ được một bà tiên giúp đỡ,/ đã vượt qua nhiều thử thách,/ đến nhiều xứ sở/ để tìm con Chim Xanh/ về chữa bệnh cho một người bạn hàng xóm.// Đoạn trích dưới đây/ thuật lại việc hai em tới Vương quốc Tương Lai/ và trò chuyện với những người bạn sắp ra đời.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “những người bạn sắp ra đời”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “Nó đâu?”.
- + Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *xứ sở* (quê hương, đất nước), *sáng chế* (chế tạo ra cái trước đó chưa có),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Tin-tin và Mi-tin được bà tiên giúp đỡ đi đến nhiều xứ sở để tìm con Chim Xanh về chữa bệnh cho một người bạn hàng xóm.*

+ Câu 2: *Những điều Tin-tin và Mi-tin thắc mắc đồ vật em bé thứ nhất sáng chế ăn có ngon không và có ồn ào không.*

+ Câu 3: *Trong công xưởng xanh, em bé thứ hai sáng chế ra ba mươi vị thuốc trường sinh, em bé thứ ba sáng chế ra một thứ ánh sáng kì lạ, em bé thứ tư sáng chế ra một cái máy biết bay trên không trung như một con chim, em bé thứ năm sáng chế ra cái máy biết dò tìm kho báu trên Mặt Trăng.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. (Gợi ý: *Mỗi phát minh ấy thể hiện ước mơ của con người, mong muốn được sống lâu và hạnh phúc, cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.*)

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Giới thiệu bối cảnh của câu chuyện.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Tin-tin và Mi-tin trò chuyện với em bé thứ nhất về vật làm cho con người hạnh phúc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Kết quả sáng chế của các em bé khác trong công xưởng xanh.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

+ HS trả lời câu hỏi 5.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Công xưởng xanh” đến “Có chứ! Nó đâu?” và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện: thông thả; giọng Tin-tin, Mi-tin: thể hiện sự tò mò, ngạc nhiên; giọng em bé thứ nhất: thể hiện niềm tự hào*):

CÔNG XƯỞNG XANH

Tin-tin:// – Cậu đang làm gì/ với đôi cánh xanh ấy?//

Em bé thứ nhất:// – Minh sẽ dùng nó/ vào việc sáng chế/ trên Trái Đất.//

- Tin-tin:// – Cậu sáng chế cái gì?//*
Em bé thứ nhất:// – Khi nào ra đời,/ mình sẽ chế ra một vật/ làm cho con người hạnh phúc.//
Mi-tin:// – Vật đó ăn ngon chứ?// Nó có ồn ào không?//
Em bé thứ nhất:// – Không đâu,/ chẳng ồn ào gì cả.// Mình chế sắp xong rồi,/ cậu có muốn xem không?
Tin-tin:// – Có chứ!// Nó đâu?//
 – HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Công xưởng xanh” đến “Có chứ! Nó đâu?”.
 – HS phân vai đọc toàn bài trong nhóm 8.
 – 1 – 2 nhóm đọc phân vai trước lớp.
 – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về nhân hoá

2.1. Nhận diện nhân hoá

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS làm bài trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án:

- + Quả thị: *dắt mùa thu vào phố, mang theo câu chuyện cổ, kể.*
- + Chim: *hoà ca.*
- + Mây: *choàng khăn cho núi.*
- + Lim: *bâng khuâng.*
- + Hàng xoan: *thay áo mới.*
- + Chùm hoa: *bối rối.*
- + Chào mào: *trẩy hội, sang sông.*)

Lưu ý: Nếu HS không tìm được nhân hoá “chào mào – sang sông” vẫn chấp nhận.

→ HS nghe GV chốt: Những từ ngữ tìm được vốn là từ dùng để tả hoạt động, trạng thái hoặc đặc điểm, tính chất của người được dùng để tả hoạt động, trạng thái hoặc đặc điểm, tính chất của sự vật → Có thể nhân hoá bằng cách tả sự vật bằng từ ngữ vốn dùng để tả người.

- HS xác định yêu cầu của BT 1b.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. (Gợi ý: *Cách tả ấy giúp sự vật hiện lên gần gũi, sinh động, giống như người.*)

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Tìm hình ảnh nhân hoá

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án:

a. *Mầm non cựa mình tỉnh giấc.; Các loài chim đua nhau ca hát.; Bầu trời say sưa lắng nghe, mê mải ngắm nhìn.*

Lưu ý: HS xác định “Mùa xuân đến.” là hình ảnh nhân hoá vẫn chấp nhận.

b. *Trăng lặn trốn trong các tán lá.; Những mắt lá ánh lên tinh nghịch.; Trăng đậu vào ánh mắt.; Trăng ôm ấp mái tóc bạc của các cụ già.)*

– 1 – 2 HS chia sẻ về tác dụng của các hình ảnh nhân hoá tìm được.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Sử dụng biện pháp nhân hoá để viết lại câu

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả, có thể chữa bài bằng hình thức chơi trò chơi *Tiếp sức*.

(Gợi ý:

a. *Đàn kiến gọi nhau cõng mồi về tổ.*

b. *Bụi tre già thì thầm trong gió kể lại vài mẩu chuyện xa xưa.*

c. *Trên trời, những ông sao sáng lấp lánh.)*

– 1 – 2 HS so sánh câu ban đầu với câu sử dụng nhân hoá để viết lại → khẳng định vai trò của nhân hoá.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết đoạn văn tưởng tượng

3.1. Nhận diện đoạn văn tưởng tượng

– HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn văn và các câu hỏi.

– HS thảo luận nhóm để thực hiện BT.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

(Gợi ý:

a. Câu mở đầu của đoạn văn giới thiệu việc các bạn quyết định đi gặp người để cảm ơn.

b. Đầu tiên: Các bạn gặp bác nông dân đang thu hoạch quả chín trên cánh đồng.

Tiếp theo: Cừu đại diện cảm ơn bác nông dân đã luôn che chở cho mình và các bạn.

Sau đó: Bác nông dân trả lời về ích lợi của từng bạn.

Cuối cùng: Các bạn nhận ra mọi người, mọi vật đều có ích.

c. Câu cuối của đoạn văn nói về việc những người bạn quyết định làm tốt công việc của mình để sống hoà thuận, vui vẻ bên con người.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Rút ra ghi nhớ về cấu tạo đoạn văn tưởng tượng

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi của GV: Theo em, đoạn văn tưởng tượng thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nhiệm vụ gì?

→ HS nghe GV rút ra cấu tạo của đoạn văn tưởng tượng.

(Đáp án:

Đoạn văn tưởng tượng thường có:

+ *Câu mở đầu: Giới thiệu sự việc hoặc tình huống tưởng tượng.*

+ *Các câu tiếp theo:*

• *Nêu diễn biến của sự việc hoặc tình huống tưởng tượng.*

• *Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật hoặc người kể chuyện.)*

– HS rút ra ghi nhớ.

– 1 – 2 HS đọc lại ghi nhớ.

3.3. Tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS chia sẻ trong nhóm đôi, có thể ghi chép vắn tắt những nội dung chính. (Gợi ý: *Tưởng tượng, xác định nội dung chia sẻ → nêu nội dung, diễn biến của hoạt động tưởng tượng → nêu kết thúc/ kết quả.)*

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết ba điều nên làm và ba điều không nên làm để cuộc sống của con người ngày càng tốt đẹp.*

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ (sau khi thảo luận, có thể phân công mỗi bạn viết một điều nên làm và một điều không nên làm).
- Các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.
- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, góp ý (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 2: CẬU BÉ HAM HỌC HỎI (tiết 5 – 7, SHS, tr. 116 – 118)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được về 1 – 2 phát minh có ý nghĩa với cuộc sống con người; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Nhờ ham mê học hỏi, tìm tòi, khám phá, Hoóc-king đã trở thành nhà khoa học kiệt xuất của nhân loại.*
3. Biết ghi chép tóm tắt, trao đổi được với bạn về nội dung, ý nghĩa của một câu chuyện được nghe về một ước mơ đẹp.
4. Viết được đoạn văn tưởng tượng kể về việc làm của Tin-tin và Mi-tin sau khi tham quan công xưởng xanh.
5. Nói được về mơ ước của em liên quan đến chủ đề đã chọn trên *Ngôi sao mơ ước*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Tranh ảnh hoặc video clip về kính viễn vọng (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Khi Hoóc-king còn nhỏ” đến “tìm tòi, khám phá”.
- Mô hình *Ngôi sao mơ ước* để thực hiện hoạt động vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động trong nhóm nhỏ, nói về 1 – 2 phát minh có ý nghĩa với cuộc sống của con người (Gợi ý: *HS có thể kể về các sản phẩm quen thuộc, có ích với cuộc sống như đèn điện, quạt điện, máy điều hoà không khí,...*). → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên bài và nêu phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Cậu bé ham học hỏi”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Cậu bé ham học hỏi

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; phân biệt giọng nhân vật: giọng cha: trầm ấm, gần gũi; giọng Hoóc-king: thể hiện sự tò mò, ngạc nhiên ở đoạn đầu, quyết tâm ở đoạn sau; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, phẩm chất, tư chất của Hoóc-king*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó (nếu có); hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Xti-von Hoóc-king/ là một trong những nhà khoa học nổi tiếng/ của thế giới.//;

Sau này,/ Hoóc-king trở thành nhà khoa học kiệt xuất của nhân loại,/ có nhiều đóng góp xuất sắc/ cho việc lí giải sự ra đời của các vì sao.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *lí giải* (hiểu rõ, chỉ ra rõ cái lẽ của sự vật, sự việc);...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Bố tặng cho Hoóc-king một cái kính viễn vọng.*

+ Câu 2: *Hoóc-king dùng kính viễn vọng bố tặng để quan sát bầu trời vào mỗi tối.*

+ Câu 3: *Câu nói của Hoóc-king: “Nhất định con sẽ tìm ra câu trả lời.” cho thấy đam mê học hỏi, niềm tin và quyết tâm tìm tòi, khám phá của cậu.*

+ Câu 4: *Hoóc-king thường xuyên quan sát bầu trời rồi tìm cách lí giải cho những thắc mắc của mình. Bố giúp cậu bằng cách mua cho cậu rất nhiều sách về Trái Đất và bầu trời.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. (Gợi ý: *Hoóc-king trở thành nhà khoa học kiệt xuất của nhân loại nhờ tư chất thông minh, sự ham mê học hỏi, không ngừng tìm tòi, khám phá và nhờ sự ủng hộ từ gia đình.*)

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Khi Hoóc-king còn nhỏ” đến “tìm tòi, khám phá.” và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; phân biệt giọng nhân vật: giọng cha: trầm ấm, gần gũi; giọng Hoóc-king: thể hiện sự tò mò, ngạc nhiên ở đoạn đầu, quyết tâm ở đoạn sau; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, phẩm chất, tư chất của Hoóc-king*).

Khi Hoóc-king còn nhỏ,/ bố đã tặng cho cậu/ một cái kính viễn vọng.// Đó là món quà/ mà Hoóc-king thích nhất.// Cứ tối đến,/ Hoóc-king lại quan sát bầu trời đêm/ qua kính viễn vọng.// Một lần,/ cậu chỉ tay lên bầu trời đầy sao/ và hỏi bố:// “Chúng ta nhìn thấy các vì sao/ nhưng bố có biết quá trình hình thành chúng không?”.// Bố trả lời:// “Điều con hỏi/ từ trước tới giờ/ vẫn chưa ai lí giải được.”// Hoóc-king tự tin nói:// “Nhất định/ con sẽ tìm ra câu trả lời.”// Từ đó,/ Hoóc-king thường xuyên quan sát bầu trời/ rồi tìm cách lí giải cho những thắc mắc của mình.// Bố/ mua cho cậu rất nhiều sách/ về Trái Đất và bầu trời,/ cậu lại càng ham mê học hỏi,/ tìm tòi,/ khám phá.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Khi Hoóc-king còn nhỏ” đến “tìm tòi, khám phá.”.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Nghe – kể câu chuyện về ước mơ Con đường mơ ước

Ông ngoại Đan từng là nghệ sĩ kéo đàn trong dàn nhạc. Sau đợt tai biến, ông phải nằm một chỗ. Nhưng bà vẫn giữ lại cây đàn vi-ô-lin màu nâu bóng và phóng to tấm hình ông biểu diễn treo trên tường.

Ngày còn bé, nghe ông kể về cảm xúc của những lần đứng trên sân khấu, Đan đã thấy yêu mến cây đàn. Em xin mẹ cho học và ước mong có lần sẽ được biểu diễn như ông.

Năm năm qua, Đan tập luyện rất chăm chỉ, tự giảm bớt những buổi đi bơi hay trượt pa-tin với bạn, dành thời gian cho âm nhạc.

Đợt này, Đan tích cực luyện tập để chuẩn bị cho “Liên hoan Âm nhạc Mùa Hè”. Số giờ tập tăng lên khiến cổ em mỗi nhừ, cánh tay tê cứng. Nản quá, Đan nói với mẹ:

– Chắc con sẽ không chơi đàn nữa, mẹ ạ.

Biết con gái tập luyện mệt nên có chút nản lòng, mẹ động viên:

– Hay con cứ nghỉ một, hai buổi cho đỡ mệt rồi quyết định sau? Mẹ luôn ủng hộ con.

Đan ngồi thật lâu trong phòng ông ngoại sau khi trò chuyện cùng mẹ. Ông nằm bất động, không thể nói gì nhưng Đan biết ông vẫn nghe được. Em nhìn khoanh khắc ông trên sân khấu, vuốt ve cây vĩ cầm và đàn cho ông nghe một giai điệu thật ngọt. Một giọt nước mắt chảy ra từ khoé mắt già nua của ông. Bất giác Đan rung rung, những giọt nước mắt nóng hổi lăn trên má. Em nghĩ kĩ rồi, nhất định em sẽ tiếp tục hành trình mơ ước của mình.

Trong buổi biểu diễn “Mùa Hè” năm ấy, Đan đạt giải quán quân. Con đường ước mơ vẫn còn dài. Nhưng Đan tin, bằng sự nỗ lực của mình cùng với sự âm áp, tin yêu của mẹ và ông ngoại, nhất định Đan sẽ viết tiếp được ước mơ.

Võ Thu Hương

2.1. Nghe giáo viên kể chuyện “Con đường mơ ước”

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.
- HS nghe GV kể câu chuyện lần thứ nhất để kiểm tra phán đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung và chú ý của HS.
- HS trao đổi về phán đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.
- HS nghe GV kể câu chuyện lần thứ hai để ghi nhớ nội dung của câu chuyện.

2.2. Ghi chép tóm tắt nội dung câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và các gợi ý trong sơ đồ.
- HS thực hành trao đổi trong nhóm nhỏ về nội dung câu chuyện để ghi chép tóm tắt theo sơ đồ (khuyến khích HS sử dụng sơ đồ tư duy để ghi tóm tắt).
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

2.3. Kể lại câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thực hành theo nhóm đôi, kể lại từng đoạn câu chuyện, rồi kể lại toàn bộ câu chuyện dựa vào nội dung tóm tắt đã ghi chép.

Lưu ý: HS khá, giỏi có thể bớt bước kể từng đoạn câu chuyện.

- 1 – 2 nhóm HS kể lại câu chuyện trước lớp (HS có thể vừa quan sát bản tóm tắt vừa kể lại).
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.4. Trao đổi về nội dung, ý nghĩa câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc các câu hỏi gợi ý.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

Lưu ý: Nếu HS đáp ứng tốt, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện cả bốn BT trước khi chia sẻ chung để hoạt động nhóm diễn ra liên tục.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn tưởng tượng

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết đoạn văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *kể chuyện.*)
- Câu chuyện cần kể về nội dung gì? (Đáp án: *cuộc trò chuyện giữa em và bà tiên, ông bụt,...*)
- Nhân vật trong câu chuyện có gì đặc biệt? (Đáp án: *những nhân vật không cùng xuất hiện trong các câu chuyện đã nghe, đã đọc.*)
- Em cần làm gì để kể được câu chuyện? (Đáp án: *tưởng tượng.*)

3.2. Viết đoạn văn tưởng tượng

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS viết đoạn văn vào VBT dựa vào kết quả tiết học trước và các gợi ý.

3.3. Chia sẻ đoạn văn trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm đôi:
 - + HS đổi bài cho bạn.
 - + Đọc bài của bạn và nhận xét.
 - + Nghe bạn nhận xét và chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

3.4. Bình chọn đoạn văn tưởng tượng thú vị

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS triển lãm đoạn văn bằng kỹ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS bình chọn đoạn văn tưởng tượng thú vị.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định các yêu cầu của hoạt động: *Chọn một chủ đề trên Ngôi sao mơ ước; Nói về mơ ước của em liên quan tới chủ đề đã chọn.*
- HS thảo luận nhóm nhỏ:
 - + Bắt thăm hoặc xoay *Ngôi sao mơ ước* để chọn chủ đề.
 - + Từng HS nói về mơ ước liên quan tới chủ đề đã chọn.

- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 3: THUYỀN TRƯỞNG VÀ BẦY ONG (tiết 8 – 11, SHS, tr. 119 – 122)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được những điều đã quan sát trong tranh minh hoạ bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.
2. Đọc:
 - Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Cậu bé – thuyền trưởng cùng con điều chu du theo đàn ong đến khám phá những vùng đất tươi đẹp. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Mơ ước cùng với điều và đàn ong bay xa để trải nghiệm, khám phá vẻ đẹp của quê hương, đất nước của cậu bé.*
 - Tìm đọc được một bài thơ hoặc lời một bài hát về ước mơ, viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn suy nghĩ về ước mơ được nhắc đến trong bài thơ hoặc lời bài hát.
3. Nhận biết được nhân hoá bằng cách trò chuyện với sự vật hoặc để sự vật tự xưng.
4. Tìm ý và viết được đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe.
5. Tưởng tượng, biết cùng bạn đóng vai thuyền trưởng, điều và bầy ong để hỏi – đáp về những điều thú vị khám phá được sau những chặng bay.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Tì vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Bảng phụ ghi ba khổ thơ cuối.
- HS mang tới lớp bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Những ước mơ xanh” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn những điều em quan sát được trong tranh minh hoạ bài đọc (Gợi ý: *không gian, thời gian, cảnh vật, con người,...*)
- Liên hệ nội dung khởi động, đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Thuyền trưởng và bầy ong”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Thuyền trưởng và bầy ong

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc trong sáng, vui tươi, thể hiện niềm vui của bạn nhỏ; nhấn giọng ở những từ ngữ tả cảnh đẹp và hoạt động của sự vật, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *râm bụt, buồm, quánh, sương giăng, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên:

*Đàn ong/ cánh chơ nắng/
Bay qua/ vườn mướt vàng/
Ghé/ cạnh râm bụt đỏ/
Bình mặt đầy/ vãn mang.//*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Ba khổ thơ cuối.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *chơ nắng* (ý trong bài: đàn ong bay trong bầu trời ngập nắng), *loang* (lan rộng dần ra; ý trong bài: mặt trời bắt đầu lặn, ánh sáng lan rộng trên bãi cát),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Đàn ong trong khổ thơ thứ nhất được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh: cánh chơ nắng bay qua vườn mướt vàng, mang bình mặt đầy ghé cạnh râm bụt đỏ.*

+ Câu hỏi 2: *Khi chơi thả diều, bạn nhỏ tưởng tượng cánh diều là cánh buồm căng gió, bầu trời là đại dương, còn bản thân là người thuyền trưởng điều khiển cánh buồm.*

+ Câu hỏi 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. (Gợi ý: *Cảnh thiên nhiên ở khổ thơ thứ ba và thứ tư được tả bằng những hình ảnh vô cùng tươi sáng, bình yên: “Nắng quánh vàng như mật”, “Sao đã thấp hải đăng”,...*)

+ Câu hỏi 4: *Khổ thơ cuối bài nói lên mơ ước được bay xa như cánh diều và đàn ong để trải nghiệm, khám phá vẻ đẹp của quê hương đất nước.*

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Trò chơi thả diều đầy thú vị bắt đầu vào ngày mới với vẻ đẹp tươi sáng của thiên nhiên.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: *Trò chơi kết thúc, bạn nhỏ trở về nhà khi chiều xuống.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại ba khổ thơ cuối và xác định giọng đọc (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi như lời tâm tình, trò chuyện, thể hiện niềm vui và ước mơ của bạn nhỏ; nhấn giọng ở những từ ngữ tả hoạt động, tính chất của sự vật*):

Chiều/ loang dần trên cát

Roi/ tiếng chim gọi ngày

Nắng/ quánh vàng như mật

Ong về/ hay còn bay?//

Cập bôn/ thôi/ diều nhé!//

Sao/ đã thấp hải đăng/

Cơm chiều/ mẹ đã dọn/

Về thôi thuyền,/ sương giăng.//

Đàn ong siêng,/ về tổ/

Thuyền trưởng ngoan,/ về nhà/

Ngày mai/ cùng với nắng/

Ong và diều/ bay xa.//

– HS luyện đọc thuộc lòng trong nhóm, trước lớp bốn khổ thơ em thích.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ đề “Những ước mơ xanh”

1.2.1. Tìm đọc bài thơ hoặc lời bài hát

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ hoặc lời một bài hát phù hợp với chủ đề “Những ước mơ xanh” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ hoặc lời bài hát viết về:

- + Ước mơ cho bản thân, gia đình
 - + Ước mơ cho quê hương, đất nước
 - + Ước mơ cho bạn bè, thầy cô, trường học
 - + ?
- HS chuẩn bị bài thơ hoặc lời bài hát để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

- HS viết vào *Ngày kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát: tên bài thơ hoặc tên bài hát, tên tác giả, những hình ảnh thể hiện ước mơ,...
- HS có thể trang trí *Ngày kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề, nội dung bài thơ hoặc lời bài hát.

1.2.3. Chia sẻ về bài thơ hoặc lời bài hát đã đọc

- HS đọc bài thơ, lời bài hát hoặc trao đổi cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Ngày kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Ngày kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ suy nghĩ về ước mơ được nhắc đến trong bài thơ hoặc lời bài hát.
- Bình chọn một số *Ngày kí đọc sách* sáng tạo và dán vào Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về nhân hoá

2.1. Nhận diện nhân hoá

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS thực hiện BT theo nhóm đôi và viết vào VBT.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. (Đáp án: xe lu, hoa bưởi.)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.
- HS xác định yêu cầu của BT 1b và 1c.
- HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Gợi ý:

b. Xe lu tự xưng là “tớ”, trò chuyện với người đọc.; Hoa bưởi tự xưng là “tôi”, trò chuyện với nhân vật bé.

c. Cách nhân hoá ấy khiến sự vật trở nên gần gũi, sinh động, biết trò chuyện với con người.)

→ HS nghe GV chốt: Sự vật biết tự xưng, trò chuyện giúp câu thơ sinh động, lời thơ như lời kể, lời tâm tình, trò chuyện của những người bạn → Có thể nhân hoá bằng cách để cho sự vật tự xưng hoặc trò chuyện với con người.

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

2.2. Tìm sự vật nhân hoá

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

Đáp án:

Câu	Sự vật nhân hoá	Cách nhân hoá
a	trăng	Dùng từ chỉ hoạt động của người để chỉ hoạt động của trăng: soi, đi, gọi, trò chuyện với trăng như với người.
b	đế	Tự xưng “tôi”, “chúng tôi” để giới thiệu về họ nhà đế bằng các từ ngữ chỉ người; trò chuyện với nhau như người.

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Sử dụng biện pháp nhân hoá để hoàn chỉnh đoạn đối thoại

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Gợi ý: *Những tia nắng cười, chào lại tôi: – Buổi sáng tốt lành nhé, cô bé!*)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Sử dụng biện pháp nhân hoá để ghi lại lời trò chuyện giữa các sự vật

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS nghe GV hướng dẫn thực hiện BT:
 - + Những sự vật nào trong thiên nhiên thường gắn bó với nhau? (Gợi ý: *trăng – sao, mây – gió,...*)
 - + Tưởng tượng xem chúng trò chuyện với nhau những gì? (Gợi ý: *thăm hỏi, rủ nhau khám phá bầu trời,...*)
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp, chỉ ra hình ảnh nhân hoá và cách nhân hoá.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn tưởng tượng

3.1. Tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS chia sẻ trong nhóm đôi, có thể ghi chép vắn tắt những nội dung chính.
(Gợi ý: *Tưởng tượng, xác định nội dung chia sẻ → nêu nội dung, diễn biến của hoạt động tưởng tượng → nêu kết thúc/ kết quả.*)
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Viết đoạn văn tưởng tượng

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc các gợi ý và xem lại các ý ghi chép được sau khi thảo luận ở BT 1.
- HS tưởng tượng, viết đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện giữa em và bà tiên, ông bụt,... trong một câu chuyện đã đọc, đã nghe vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ → chỉnh sửa bài làm.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Rà soát, chữa lỗi trong bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các gợi ý.
- HS tự đọc và rà soát bài viết của mình, trao đổi theo nhóm đôi về những vấn đề cần sửa chữa (nếu có).

- HS viết lại đoạn cần chữa của bài viết vào VBT (nếu có).

3.4. Bình chọn đoạn văn tưởng tượng thú vị

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS triển lãm đoạn văn bằng kỹ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS bình chọn đoạn văn tưởng tượng thú vị bằng biểu tượng (bông hoa, ngôi sao,...) và giải thích lí do.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng, đóng vai thuyền trưởng, điều và bày ong để trò chuyện về những điều thú vị khám phá được sau những chặng bay.*
- HS đóng vai, thực hiện yêu cầu của hoạt động trong nhóm 3.
- 1 – 2 nhóm HS thực hành hoạt động trước lớp.
- HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc sau hoạt động.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: HẠT TÁO ĐÃ NẢY MẦM (tiết 12 – 14, SHS, tr. 123 – 126)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Biết tưởng tượng mình là người làm vườn, chia sẻ cảm xúc khi hạt giống nảy mầm, cây lên xanh tốt, ra hoa, kết quả,...; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Nhờ được cô bé chăm sóc, hạt táo gieo trong chiếc chậu đất ngoài ban công đã nảy mầm.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Mầm cây táo là minh chứng rõ ràng cho một niềm tin: gieo hạt lành, ắt sẽ được quả thơm.*
3. Xác định đúng các cách nhân hoá, biết sử dụng biện pháp nhân hoá để ghi lại lời nói của sự vật.
4. Nhận diện và tìm ý cho bài viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với một người gần gũi, thân thiết.
5. Nói được về ý nghĩa của việc làm trong tranh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ ghi đoạn 3.
- Thẻ từ, thẻ câu để thực hiện các BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, tưởng tượng mình là người làm vườn, chia sẻ cảm xúc khi hạt giống nảy mầm, cây lên xanh tốt, ra hoa, kết quả,... → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Hạt táo đã nảy mầm”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Hạt táo đã nảy mầm

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng đọc trong sáng; đoạn 2 giọng trầm buồn, thể hiện niềm hi vọng; đoạn 3 thể hiện niềm vui; giọng cô bé: đoạn đầu dõ dành dịu dàng, đoạn sau hớn hờ; nhấn giọng ở những từ ngữ tả đặc điểm hoặc chỉ hoạt động, ...).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *gieo, lúc lỉu, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Cô bé tưới nước cho chậu đất mỗi ngày/ với niềm tin chắc chắn rằng/ ở đó sẽ mọc lên một cây táo.//;

Nhưng/ cô bé vẫn không thôi mơ mộng/ về một cây táo có hoa trắng/ và chùm quả xanh/ xuất hiện ở ban công nhà mình.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “mọc lên một cây táo”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “ở ban công nhà mình”.
- + Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *bằng chứng* (cái dùng để minh chứng tính chân thật cho một cái khác), *hồn nhiên* (biểu hiện có bản tính gần với tự nhiên, có sự đơn giản, chân thật, trong trắng, nhiều khi ngây thơ trong tình cảm, trong sự suy nghĩ, trong tâm hồn),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Khi gieo hạt táo vào chiếc chậu đất ngoài ban công, cô bé ước ao ở đó sẽ nhanh chóng mọc lên một cây táo.*

+ Câu 2: *Những chi tiết cho thấy cô bé rất hi vọng hạt táo nảy mầm: tưới nước mỗi ngày, luôn mơ mộng về cây táo có hoa trắng và quả xanh, thì thầm mỗi sáng trước chậu đất.*

+ Câu 3: *Chọn các đáp án: Cô bé rất vui mừng khi hạt táo nảy mầm.; Cô bé coi cây táo như một người bạn.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. (Gợi ý: *Sau vài tuần chăm sóc, từ hai chiếc lá bé xíu ban đầu, cây táo đã ra thêm bốn, rồi năm, sáu chiếc lá xanh mơn mớn, hằng ngày cô bé vẫn chăm chỉ tưới nước cho cây, và không thôi ước ao về một ngày cây táo ra hoa, kết quả...*)

+ Câu 5: HS trả lời theo cảm nhận riêng. (Gợi ý: *Rồi cây táo sẽ lớn, Mầm cây bé nhỏ,...*)

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Ước ao của cô bé khi gieo hạt táo vào chiếc chậu đất ngoài ban công.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Sự chăm sóc và niềm hi vọng của cô bé với hạt táo.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Hạt táo nảy mầm và vẻ đẹp của cây táo trong tưởng tượng của cô bé.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng vui, trong sáng; giọng cô bé đoạn đầu dõ dành dịu dàng, đoạn sau hớn hờ; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của người, vật*):

Mỗi sáng/ cô bé thì thầm trước chậu đất:// “Hạt táo đang ngủ,/ mình sẽ tưới nước mỗi ngày/ để hạt táo thức dậy.”// Rồi một buổi sáng,/ có tiếng reo vui ngoài ban công/ của cô bé:// “Chào bạn táo!” //

Vậy là hạt táo đã nảy mầm/ với hai chiếc lá bé xíu/ non xanh:// Rồi cây táo sẽ lớn lên,/ sẽ cho những chùm hoa táo trắng muốt,/ những trái táo căng mọng triu cành...//

Mầm cây bé nhỏ ấy/ là bằng chứng rõ ràng cho một niềm tin:// gieo hạt lành,/ ắt sẽ được quả thơm://

Chào mầm cây bé nhỏ/ đã đến nơi này,// đợi ngày nở hoa/ để đáp lại niềm tin hồn nhiên/ của cô bé.//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về nhân hoá

2.1. Tìm và xác định cách nhân hoá

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS thảo luận nhóm để thực hiện các yêu cầu của BT.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

Đáp án:

Sự vật nhân hoá	Cách nhân hoá
chim sẻ	Gọi bằng “bà”.
chim sâu	Gọi bằng “mẹ”. Có tính cách như con người: có tình có nghĩa.
tu hú	Gọi bằng “cô”. Có hoạt động như con người: giục hè đến mau.
cú mèo	Gọi bằng “bác”. Có trạng thái như con người: buồn ngủ.
mặt trời	Có hoạt động như con người: rúc bụi tre.
bò	Có hoạt động như con người: chào. Có cách xưng hô như con người: anh bạn.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 1b.
- 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp về hình ảnh nhân hoá em thích và giải thích lí do.

(Gợi ý: Em thích nhất là hình ảnh “bà chim sẻ”. Hình ảnh nhân hoá giúp chim sẻ trở nên sinh động, ngộ nghĩnh, gần gũi như một con người,...).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Sử dụng biện pháp nhân hoá để hoàn thành đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.

– HS thảo luận nhóm để thực hiện các yêu cầu của BT.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. (Gợi ý: – *Chào cô bé dễ thương!*; – *Chào các bạn hoa xinh đẹp!*)

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Sử dụng biện pháp nhân hoá để viết lời tự giới thiệu của một đồ vật

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS nghe GV hướng dẫn thực hiện BT:

+ Mỗi sự vật sẽ xưng hô như thế nào? (Gợi ý: *tôi, tớ, mình,...*)

+ Đồ vật sẽ giới thiệu những gì về mình? (Gợi ý: *tên, đặc điểm nổi bật, công dụng,...*)

– HS làm bài cá nhân vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp, chỉ ra từ dùng để xưng hô.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

– Đề bài yêu cầu viết đoạn văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *nêu tình cảm, cảm xúc.*)

– Đối tượng chính trong đoạn văn là ai? (Đáp án: *em và một người gần gũi, thân thiết.*)

3.2. Nhận diện đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

– HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn văn và các câu hỏi gợi ý.

– HS thảo luận nhóm để thực hiện BT.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

(Gợi ý:

a. Câu văn mở đầu đoạn văn giới thiệu bố là người gần gũi nhất với bạn nhỏ.

b. Các việc làm:

- *Thể hiện sự quan tâm, chăm sóc của bố đối với bạn nhỏ: thường đọc truyện cho bạn nhỏ nghe, cùng vẽ tranh, xếp hình, cuối tuần đưa đi chơi, tặng chuông gió,...*

- *Nói lên tình cảm của bạn nhỏ đối với bố: tự tay làm quà, làm thiệp tặng bố, mong bố luôn mạnh khỏe,...*

c. Câu cuối đoạn văn nói về tình cảm và ước mong của bạn nhỏ đối với bố.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Rút ra ghi nhớ về cấu tạo đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi của GV: Theo em, đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với một người gần gũi, thân thiết thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nhiệm vụ gì?

→ HS nghe GV rút ra cấu tạo của đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc.

(Đáp án:

Đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc thường có:

+ *Câu mở đầu: Giới thiệu người gần gũi, thân thiết.*

+ *Các câu tiếp theo:*

- *Kể lời nói, việc làm, ... thể hiện sự gần gũi, thân thiết.*

- *Nêu tình cảm, cảm xúc với người gần gũi, thân thiết.)*

– HS rút ra ghi nhớ.

– 1 – 2 HS đọc lại ghi nhớ.

3.4. Tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS chia sẻ trong nhóm đôi, có thể ghi chép vắn tắt những nội dung chính. (Gợi ý: *Xác định đối tượng cần nêu tình cảm, cảm xúc → nêu nội dung, diễn biến của hoạt động thể hiện tình cảm, cảm xúc → nêu kết thúc/ kết quả.*)

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói ý nghĩa của việc làm trong các bức tranh.*

– HS quan sát tranh, nói về việc làm và kết quả việc làm của các bạn HS và người làm vườn. Có thể trao đổi, chia sẻ hoặc hỏi – đáp,...

– 1 – 2 nhóm HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 5: HÁI TRĂNG TRÊN ĐỈNH NÚI

(tiết 15 – 18, SHS, tr. 127 – 130)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về một buổi tối Trung thu có ý nghĩa đối với mình; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Kể về những việc làm và mơ ước của hai chị em Xíu vào đêm rằm Trung thu.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Thể hiện mong ước giản dị của các bạn thiếu nhi vùng cao.*
3. Luyện tập lựa chọn, sử dụng từ ngữ để biểu đạt nghĩa.
4. Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với một người gần gũi, thân thiết.
5. Viết được 2 – 4 dòng thơ hoặc 2 – 3 câu văn về mơ ước trong đêm Trung thu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGK.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Với Xíu” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ được với bạn về một buổi tối Trung thu có ý nghĩa đối với mình (Gợi ý: *hoạt động, người tham gia, cảm xúc,...*) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Hái trăng trên đỉnh núi”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Hái trăng trên đỉnh núi

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện: thông thả, trong sáng, đoạn đầu thể hiện niềm háo hức, đoạn sau thể hiện ước*

mong, pha chút luyến tiếc; giọng em Dìu: đoạn trước thể hiện sự tò mò, ngây ngô, đoạn sau thể hiện niềm phấn khởi).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *chấp chới, thỉnh thoảng, lơ lửng, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Xiu sẽ không bao giờ quên được/ tiếng nhịp tim mình/ đập thỉnh thoảng trong lồng ngực vì vui.//;

Nó tin rằng,/ vầng trăng đêm rằm/ sẽ mang đến cho hai chị em nó/ những người bạn nhỏ/ và biết bao câu chuyện cổ tích của tuổi thơ.//;...

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “trên lưng mình”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “chiếc đèn lồng”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *chày* (dụng cụ dùng để giã, thường làm bằng gỗ hoặc kim loại), *chấp chới* (ở trạng thái thăng bằng bất định, khi lên khi xuống, khi nghiêng bên này khi ngã sang bên kia, ý nói nhịp chày của Xiu không chắc tay như thường ngày),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những chi tiết cho thấy Xiu rất mong chờ đêm Trung thu: Từ lúc đoàn từ thiện mới dựng rạp, Xiu đã chẳng chú tâm làm được việc gì; đập tai ngơ giữa ban ngày mà cũng thấy từng nhịp chày chấp chới ánh trăng; cảm thấy đi mãi vẫn chưa xuống núi.*

+ Câu 2: *Hai chị em Xiu đã được trải nghiệm những điều mới mẻ, lạ lẫm trong đêm Trung thu: xem múa lân, xem con chó được làm bằng tép bưởi, xem những chiếc bánh Trung thu được làm bằng rau câu, xem đèn lồng đủ các hình con vật, cùng các bạn nắm tay nhau thành vòng tròn cất tiếng hát.*

+ Câu 3: *Xiu ước hái được trăng vì Xiu tin rằng vầng trăng đêm rằm sẽ mang đến cho hai chị em những người bạn nhỏ và biết bao điều tốt đẹp như những câu chuyện cổ tích.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. (Gợi ý: *Chi tiết Dìu ngồi trên lưng Xiu, giơ tay lên bảo rằng sắp hái được trăng. → Chi tiết ấy thể hiện khát vọng, ước mơ được chạm đến những điều mới mẻ, lạ lẫm của hai chị em.*)

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. (Gợi ý: *Xiu là một cô bé chăm chỉ, thương em, có ước mơ giản dị nhưng lại vô cùng đẹp đẽ,...*)

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Chị em Xiu rất hào hứng và mong chờ được tham gia hội Trung thu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Những trải nghiệm thú vị của hai chị em Xiu trong đêm Trung thu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Mơ ước của Xiu trong đêm Trung thu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4, 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “Vội Xiu” đến hết và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện: thông thả, trong sáng, thể hiện ước mong; giọng em Dìu cao, trong trẻo, thể hiện niềm phấn khởi*):

Vội Xiu,/ đó có lẽ là buổi tối cổ tích của tuổi thơ.// Xiu sẽ không bao giờ quên được/ tiếng nhịp tim mình/ đập thành thạch trong lồng ngực/ vì vui.// Lúc hai chị em leo núi về nhà,/ trăng rằm tròn vành vạnh,/ treo trên ngọn cây pơ lang/ giống hệt chiếc đèn lồng.//

Dìu ngời trên lưng Xiu/ đưa tay lên cao bảo:// “Em sắp hái được trăng rồi này.// Chị cố lên đi!// Cố lên đi!”// Xiu cũng ước hái được trăng.// Nó tin rằng,/ vàng trăng đêm rằm/ sẽ mang đến cho hai chị em nó/ những người bạn nhỏ/ và biết bao câu chuyện cổ tích của tuổi thơ.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Vội Xiu” đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ ngữ

2.1. Chọn từ ngữ phù hợp để sử dụng trong câu

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các câu văn.

– HS làm bài trong nhóm đôi.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, có thể chữa bài theo hình thức chơi *Tiếp sức*.
(Đáp án: a. đeo, b. chao liệng, c. nhỏ.)

Lưu ý: GV có thể hỏi thêm HS lí do chọn được từ đã điền, giúp HS nâng cao năng lực sử dụng từ ngữ để biểu đạt.

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Thay thế từ ngữ để câu văn sinh động hơn

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các câu văn.
- HS làm bài trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

(Gợi ý:

- a. Những bông hoa nở đỏ rực.*
- b. Trước mắt chúng tôi là những cánh đồng bát ngát.*
- c. Sáng sớm, mặt sông lấp lánh dưới ánh nắng.*
- d. Chú chim nhỏ sải cánh bay vun vút.)*

→ GV có thể hỏi thêm HS lí do chọn được từ đã thay thế, giúp HS nâng cao năng lực sử dụng từ ngữ để biểu đạt.

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Tìm từ ngữ phù hợp để thay thế

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

(Gợi ý: *trong xanh, lững lờ, ban mai, rực rỡ sắc màu, bung, rung rinh.*)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Đặt câu với từ cho trước

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

(Gợi ý:

- + Những ngôi nhà cao tầng mọc lên san sát, chạy dọc theo hai bên phố.*
- + Càng xa trung tâm thành phố, nhà cửa càng thưa thớt.)*

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

3.1. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS viết đoạn văn dựa vào phần tìm ý đã thực hiện ở trang 126 (*Tiếng Việt 4, tập một*) và các gợi ý vào VBT.

3.2. Rà soát, chữa lỗi trong bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu BT 2 vào VBT.

3.3. Chia sẻ đoạn văn trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các gợi ý.
- HS tự đọc và rà soát bài viết của mình, trao đổi theo nhóm đôi về những vấn đề cần sửa chữa (nếu có).
- HS viết lại đoạn cần chữa của bài viết vào VBT (nếu có).

3.4. Bình chọn đoạn văn hay

- HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc các gợi ý.
- HS triển lãm đoạn văn bằng kĩ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS bình chọn và giải thích lí do cho:
 - + Đoạn văn giàu cảm xúc
 - + Đoạn văn ý nghĩa
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết 2 – 4 dòng thơ hoặc 2 – 3 câu văn về mơ ước của em trong đêm Trung thu.*
- HS đọc gợi ý và làm bài cá nhân vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- 1 – 2 HS nói trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 6: HƯỚNG DẪN THAM GIA CUỘC THI VẼ

(tiết 19 – 21, SHS, tr. 131 – 134)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Cùng bạn hỏi – đáp được về một sản phẩm mỹ thuật của bạn mà em thích; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, tranh minh hoạ và nội dung khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Bài đọc là văn bản hướng dẫn tham gia cuộc thi vẽ “Thế giới trong tương lai”*.

3. Giới thiệu được một sản phẩm thực hiện ở trường.

4. Nhận diện và tìm ý cho bài viết đoạn văn ngắn nêu lí do thích một câu chuyện.

5. Nói được về đề tài em sẽ vẽ nếu tham gia cuộc thi vẽ “Thế giới trong tương lai”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

– Một số bức tranh đạt giải cuộc thi “Em vẽ trường học hạnh phúc năm 2020” (nếu có).

– Bảng phụ ghi nội dung đoạn từ “4. Một số lưu ý” đến “năm 2020”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, hỏi – đáp về một sản phẩm mỹ thuật của bạn mà em thích (đề tài, hình ảnh, màu sắc, thông điệp,...). → Đọc tên bài và nêu phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Hướng dẫn tham gia cuộc thi vẽ”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Hướng dẫn tham gia cuộc thi vẽ

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện thông tin quan trọng trong hướng dẫn, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó (nếu có); hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện một số thông tin cần lưu ý:

– *Bước 1: / Tưởng tượng/ và vẽ tranh với chủ đề/ “Thế giới trong tương lai”/ vào giấy khổ A3.//*

– *Bước 2: / Viết thông điệp/ hay một đoạn giới thiệu/ cho bức tranh.//*

– *Bước 3: / Điền thông tin/ vào mẫu đơn đăng kí/ và dán vào mặt sau của bức tranh.//*

– *Bước 4: / Gửi bài dự thi/ theo đường bưu điện/ về địa chỉ của Ban Tổ chức.//; ...*

– HS đọc thành tiếng đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS) (nếu có).

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gọi ý:

+ Câu 1: *Cuộc thi vẽ “Thế giới trong tương lai” dành cho HS tiểu học trên toàn quốc.*

+ Câu 2: *Thí sinh tham gia cần thực hiện 4 bước, đó là:*

• *Bước 1: Tưởng tượng và vẽ tranh với chủ đề “Thế giới trong tương lai” vào giấy khổ A3.*

• *Bước 2: Viết thông điệp hay một đoạn giới thiệu cho bức tranh.*

• *Bước 3: Điền thông tin vào mẫu đơn đăng kí và dán vào mặt sau của bức tranh.*

• *Bước 4: Gửi bài dự thi theo đường bưu điện về địa chỉ của Ban Tổ chức.*

+ Câu 3: *Khi tham gia cuộc thi, thí sinh cần lưu ý:*

• *Chọn màu vẽ đậm, rục rỡ, sắc nét.*

• *Tô màu phủ kín bức tranh.*

• *Không giới hạn số bức tranh dự thi của mỗi thí sinh.*

• *Tham khảo thêm thông tin và sản phẩm của cuộc thi “Em vẽ trường học hạnh phúc năm 2020”.*

+ Câu 4: *Thí sinh cần viết thông điệp hay một đoạn giới thiệu cho bức tranh của mình để Ban Giám khảo và người xem tranh hiểu rõ hơn về nội dung, ý tưởng sáng tác, từ đó có cảm nhận tốt hơn về bức tranh.*

+ Câu 5: Khuyến khích HS chia sẻ tự do.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn từ “4. Một số lưu ý” đến “năm 2020” và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *giọng đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện lưu ý quan trọng*):

4./ Một số lưu ý//

- Chọn màu vẽ đậm,/ rực rỡ,/ sắc nét./
- Tô màu/ phủ kín bức tranh./
- Không giới hạn/ số bức tranh dự thi/ của mỗi thí sinh./
- Tham khảo thêm thông tin/ và sản phẩm của cuộc thi/ “Em vẽ trường học hạnh phúc/ năm 2020”.//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “4. Một số lưu ý” đến “năm 2020”.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu một sản phẩm thực hiện ở trường

- HS đọc đề bài và các gợi ý.
- HS thảo luận theo nhóm dựa vào gợi ý và hướng dẫn của GV:
 - + Giới thiệu với âm lượng đủ nghe, nhấn giọng vào những ý quan trọng để thu hút sự chú ý.
 - + Chọn được những đặc điểm nổi bật và công dụng chính của sản phẩm để giới thiệu.
 - + Thêm vào bài nói những nhận xét, đánh giá của thầy cô giáo, bạn bè.
 - + Khuyến khích sử dụng phương tiện hỗ trợ để bài nói sinh động.
 - + ...
- 1 – 2 nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện

3.1. Nhận diện đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn văn và các câu hỏi gợi ý.
- HS thảo luận nhóm để thực hiện BT.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp.

(Đáp án:

- a. Chọn đáp án: Nêu lí do thích câu chuyện.

b. Bạn nhỏ giới thiệu tên và khẳng định sự hấp dẫn của câu chuyện “Bên ngoài Trái Đất” ở câu văn mở đầu.

c. Ở các câu văn tiếp theo, bạn nhỏ nêu những lí do thích câu chuyện:

- + Lời kể thú vị.
- + Hình ảnh miêu tả sống động.
- + Màu sắc gợi ra một thế giới kì ảo.
- + Chi tiết hấp dẫn, sáng tạo.

d. Câu cuối đoạn văn nói về ước mong của bạn nhỏ sau khi đọc truyện.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Rút ra ghi nhớ về cấu tạo đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện

– HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi của GV: Theo em, đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nhiệm vụ gì?

→ HS nghe GV rút ra cấu tạo của đoạn văn.

(Đáp án:

Đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện thường có:

- + Câu mở đầu: Giới thiệu câu chuyện em thích hoặc ấn tượng đặc biệt về câu chuyện.
- + Các câu tiếp theo:
 - Nêu những lí do cụ thể khiến em thích câu chuyện (nội dung, lời kể,...).
 - Nêu suy nghĩ hoặc mong muốn sau khi đọc câu chuyện.)

– HS rút ra ghi nhớ.

– 1 – 2 HS đọc lại ghi nhớ.

3.3. Tìm ý cho đoạn văn nêu lí do em thích một câu chuyện

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS chia sẻ trong nhóm đôi, có thể ghi chép vắn tắt những nội dung chính.

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: Nếu tham gia cuộc thi vẽ “Thế giới trong tương lai”, em sẽ vẽ gì để thể hiện mong ước của mình? Vì sao?

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 7: NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ

(tiết 22 – 25, SHS, tr. 135 – 138)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Trao đổi được với bạn: Nếu có phép lạ, em sẽ làm gì?; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Những điều các bạn nhỏ mong ước làm được để thay đổi cuộc sống nếu có phép lạ*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Mơ ước của thiếu nhi về cuộc sống tương lai tươi đẹp*.

– Tìm đọc được một bài văn viết về ước mơ, viết *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được suy nghĩ của em về ước mơ được nhắc đến trong bài văn.

3. Luyện tập lựa chọn, sử dụng từ ngữ để biểu đạt nghĩa.

4. Luyện tập viết đoạn văn ngắn nêu lí do thích một câu chuyện đã đọc, đã nghe.

5. Viết được một điều em muốn thay đổi để cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

– Bảng phụ ghi ba khổ thơ cuối.

– Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện các BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn: Nếu có phép lạ, em sẽ làm gì? (Gợi ý: *chế tạo máy móc hiện đại, lai tạo nhiều giống cây, hoa mới,...*) → Xem tranh, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Nếu chúng mình có phép lạ”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Nếu chúng mình có phép lạ

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, hồn nhiên, thể hiện mong ước thiết tha, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện mong ước thay đổi thế giới, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *nảy mầm, chớp mắt, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện mong ước thay đổi nếu có phép lạ:

*Nếu/ chúng mình/ có phép lạ/
Bắt hạt giống/ nảy mầm nhanh/
Chớp mắt/ thành cây đầy quả/
Tha hồ hái/ chén/ ngọt lành.//*

– HS chia đoạn để luyện đọc và tìm hiểu bài. Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *chén* (ăn, thưởng thức), *đúc* (chế tạo bằng cách đổ chất nóng chảy hoặc vật liệu lỏng vào khuôn, rồi để cho rắn cứng lại), *bom* (vũ khí thường do máy bay thả xuống, vỏ bằng kim loại, bên trong có chứa thuốc nổ, có sức sát thương và phá hoại mạnh),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Những mong ước của bạn nhỏ trong hai khổ thơ đầu: Hạt giống nảy mầm nhanh, thành cây đầy quả trong chớp mắt, quả có vị ngọt, các bạn tha hồ hái, Các bạn thành người lớn ngay sau giấc ngủ để làm được nhiều việc có ích.*

+ Câu 2: *Các bạn nhỏ ước “Mãi mãi không còn mùa đông” để cuộc sống luôn ấm áp, tươi vui, không còn giá rét, u buồn.*

+ Câu 3: *Điều ước của các bạn nhỏ ở khổ thơ thứ tư nói lên ước muốn hoà bình, thế giới không có chiến tranh, chỉ có hạnh phúc và những điều ngọt ngào tốt đẹp.*

+ Câu 4: Câu thơ “Nếu chúng mình có phép lạ” được lặp lại nhiều lần trong bài. Việc lặp lại ấy thể hiện mong muốn thiết tha được có phép lạ để thay đổi thế giới của các bạn nhỏ.

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Điều ước của các bạn nhỏ về thiên nhiên và về những điều có thể làm được để cuộc sống tốt đẹp hơn.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Điều ước của các bạn nhỏ về cuộc sống hoà bình, ấm no, hạnh phúc.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài thơ.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại ba khổ thơ cuối và xác định giọng đọc (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, hồn nhiên, thể hiện mong ước thiết tha, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện mong ước thay đổi thế giới*):

Nếu/ chúng mình/ có phép lạ/
Hái triêu vì sao/ xuống cùng/
Đúc thành/ ông mặt trời mới/
Mãi mãi/ không còn mùa đông.//

Nếu/ chúng mình/ có phép lạ/
Hoá trái bom/ thành trái ngon/
Trong ruột/ không còn thuốc nổ/
Chỉ toàn keo/ với bi tròn.//

Nếu/ chúng mình/ có phép lạ!//
Nếu/ chúng mình/ có phép lạ!//

– HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ đề “Những ước mơ xanh”

1.2.1. Tìm đọc bài văn

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn phù hợp với chủ đề “Những ước mơ xanh” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài văn viết về:

- + Ước mơ về nghề nghiệp
- + Ước mơ về cuộc sống
- + ?
- HS chuẩn bị bài văn để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. *Viết Nhật kí đọc sách*

- HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài văn: tên bài văn, tên tác giả, những chi tiết quan trọng,...
- HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.

1.2.3. *Chia sẻ về bài văn đã đọc*

- HS đọc bài văn hoặc trao đổi bài văn cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.
- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ suy nghĩ của em về ước mơ được nhắc đến trong bài văn.
- Bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng từ ngữ

2.1. *Chọn từ ngữ phù hợp để thay thế từ ngữ đã cho*

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các câu văn.
- HS làm bài trong nhóm đôi.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, có thể chữa bài theo hình thức chơi *Tiếp sức*.
(Gợi ý: a. bao la, mênh mông; b. xanh ngắt, xanh thẳm; c. trắng trẻo, trắng ngần; d. nho nhỏ, nhỏ nhắn.)
- GV có thể hỏi thêm HS lí do chọn được từ đã thay thế, giúp HS nâng cao năng lực sử dụng từ ngữ để biểu đạt.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. *Phát hiện và chữa lỗi dùng từ*

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các câu văn.

- HS làm bài trong nhóm nhỏ.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

(Gợi ý: a. *rung chuyển* → *rung rinh*; b. *đỏ chót* → *đỏ nặng/ đỏ đậm*.)

→ GV có thể hỏi thêm HS lí do chọn được từ đã chữa, giúp HS nâng cao năng lực sử dụng từ ngữ để biểu đạt.

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Đặt câu để phân biệt nghĩa của từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

(Gợi ý:

- + *Nước biển trong veo, có thể thấy rõ những chú cá đang tung tăng bơi lội.*
- + *Đôi mắt của cô bé to tròn, trong sáng, luôn nhìn thẳng người đang trò chuyện.*
- + *Giọng hát trong trẻo của họa mi dường như đã đánh thức những mầm cây nhỏ kia, khiến chúng vươn mình lên khỏi mặt đất ẩm ướt.)*

→ GV có thể hỏi thêm HS lí do chọn nội dung để đặt câu có từ ngữ đã cho, giúp HS nâng cao năng lực phân biệt nghĩa từ, sử dụng từ ngữ hay, phù hợp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Chọn từ ngữ phù hợp để thay thế từ ngữ đã cho

- HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc các câu văn.
- HS thảo luận, làm bài, chữa bài trong nhóm đôi.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

(Gợi ý: a. *rải/ rót*, b. *khoe sắc*, c. *hoà giọng/ cất tiếng*.)

→ GV có thể hỏi thêm HS lí do chọn được từ thay thế, giúp HS nâng cao năng lực sử dụng từ ngữ để biểu đạt.

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện

3.1. Viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.

– HS viết đoạn văn vào VBT dựa vào kết quả tìm ý ở trang 134 (*Tiếng Việt 4, tập một*) và các gợi ý.

3.2. Rà soát, chữa lỗi trong bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS tự đọc lại bài viết, viết lại đoạn văn cần chữa lỗi vào VBT (nếu có).

3.3. Chia sẻ đoạn văn trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm đôi:
 - + HS đổi bài cho bạn.
 - + HS đọc, nhận xét bài của bạn và ngược lại.
 - + HS chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn (nếu có).
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết một điều em muốn thay đổi để cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.*
- Mỗi HS viết một điều em muốn thay đổi để cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn vào giấy và dán vào *Khu vườn mơ ước*.
- HS tham quan *Khu vườn mơ ước*, đọc nội dung các bạn viết.
- Bình chọn nội dung viết bằng từ ngữ hoặc khuôn mặt cảm xúc.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 8: NHỮNG GIAI ĐIỆU GIÓ

(tiết 26 – 28, SHS, tr. 139 – 142)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về âm thanh của một loại nhạc cụ mà em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Tình yêu của bạn nhỏ với những chiếc chuông gió.* Từ đó, hiểu được ý nghĩa: *Âm thanh của mỗi chiếc chuông gió là giai điệu của hi vọng và sự tin tưởng vào một tương lai tươi sáng.*
3. Mở rộng vốn từ theo chủ đề *Ước mơ*.

4. Luyện tập viết đoạn văn ngắn nêu lí do thích một câu chuyện.
5. Tưởng tượng, chia sẻ về giai điệu nghe được từ những chiếc chuông gió.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Năm mươi tuổi” đến hết.
- Hình ảnh hoặc một vài chiếc chuông gió (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện các BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về âm thanh của một loại nhạc cụ mà em thích (Gợi ý: *sáo trúc – réo rắt, vui tươi; đàn tranh – trong và sáng; đàn bầu – sâu lắng, ngọt ngào; trống – giòn giã,...*) → Liên hệ nội dung khởi động với tranh minh họa bài đọc → Đọc tên và phán đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Những giai điệu gió”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Những giai điệu gió

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng kể trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động và đặc điểm của sự vật, ...*).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *ngời, ngộ nghĩnh, yếu điệu, ngân rung, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Tôi/ ngẩn ngơ trước vẻ yếu điệu/ của những quả chuông nhỏ xinh/ dùng đưa trên những sợi dây cước mảnh mai.// Nó có gì đó thật trong sáng/ và cũng rất mộng mơ.//; ...

– HS chia đoạn để luyện đọc và tìm hiểu bài. Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

- + Đoạn 1: Từ đầu đến “trong vắt, mỏng tang”.
- + Đoạn 2: Tiếp theo đến “qua những chiếc chuông”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *yếu điệu* (dáng mềm mại, thướt tha), *ngân rung* (âm thanh kéo dài và vang xa của một vật chuyển động qua lại nhanh và liên tiếp, không theo một hướng nhất định),...

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời từng câu hỏi trong SHS. Gợi ý:

+ Câu 1: *Chiếc chuông gió bố tặng bạn nhỏ năm lên bảy tuổi được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh: những quả chuông sứ ngời lên lớp men bóng, hoa văn ngộ nghĩnh, vui tươi, tiếng chuông lanh canh, trong trẻo, quả chuông yếu điệu, nhỏ xinh, dây cước mảnh mai, trong sáng và rất mộng mơ.*

+ Câu 2: *Chiếc chuông gió thứ hai bạn nhỏ được tặng làm bằng thủy tinh trang trí hình cổ hoa có năm cánh lá xinh đẹp, những dây chỉ nhỏ treo thanh đồng lồng vào quả chuông, âm thanh trong vắt, mỏng tang.*

+ Câu 3: *Bạn nhỏ yêu những chiếc chuông gió vì chúng đẹp, âm thanh hay và chứa đựng tình cảm của người gửi cho mình.*

+ Câu 4: *Khi ngắm nhìn những chiếc chuông gió, bạn nhỏ mong ước mỗi chiếc chuông sẽ ngân rung những âm thanh và giai điệu của gió, của ước mơ, của hi vọng và sự tin tưởng vào một tương lai tươi sáng...*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. (Gợi ý: Bài đọc có tên là “Những giai điệu gió” vì những chiếc chuông tạo ra âm thanh nhờ sự tác động của gió, là những giai điệu do gió tạo nên.)

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Vẻ đẹp của hai chiếc chuông gió đầu tiên mà bạn nhỏ được tặng.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Tình cảm của bạn nhỏ dành cho những chiếc chuông gió.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Mong ước của bạn nhỏ khi ngắm nhìn và lắng nghe giai điệu từ những chiếc chuông gió.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung và ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại và xác định giọng đọc đoạn từ “Năm mươi tuổi” đến hết (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, thể hiện niềm mong mỏi thiết tha; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái và đặc điểm của người, vật*):

Năm mươi tuổi,/ tôi có một bộ sưu tập chuông gió/ đến từ nhiều địa điểm khác nhau,/ nhiều người khác nhau.// Tôi yêu tiếng chuông gió,/ yêu tình cảm của mọi người gửi cho mình/ qua những chiếc chuông...//

Mỗi buổi sáng cuối tuần,/ tôi say ngắm những chiếc chuông rung trong gió/ với niềm mong mỏi thiết tha.// Mỗi chiếc chuông nhỏ ấy/ sẽ ngân rung những âm thanh/ và giai điệu của gió,/ của ước mơ/ của hi vọng/ và sự tin tưởng/ vào một tương lai tươi sáng...//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Năm mươi tuổi” đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Ước mơ

2.1. Chọn lời giải nghĩa phù hợp với mỗi từ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS làm bài trong nhóm nhỏ.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài, có thể chữa bài theo hình thức chơi *Tiếp sức*.

(Đáp án: *mơ màng – thấy phảng phất không rõ ràng trong trạng thái mơ ngủ*
mơ mộng – say mê theo đuổi những hình ảnh tốt đẹp, nhưng xa vời, thiếu thực tế

mơ tưởng – mong mỏi, ước mơ điều chỉ có thể có trong tưởng tượng

mơ ước – mong muốn thiết tha điều tốt đẹp trong tương lai.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.2. Chọn từ ngữ phù hợp

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài cá nhân vào VBT.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. (Đáp án: *mơ màng, ước mơ, mơ ước, mơ tưởng, mơ mộng*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.3. Tìm từ ngữ ghép được với từ “ước mơ”

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc mẫu.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp. (Tham khảo: *ước mơ viễn vông, ước mơ cao cả, ước mơ xa vời, ước mơ ngọt ngào,...*)
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.4. Đặt câu với từ ngữ tìm được

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chữa bài trước lớp.

(Gợi ý:

- + *Chúc bạn đón tuổi mới với nhiều ước mơ đẹp.*
- + *Cậu ấy thường có những ước mơ xa vời.*)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2.5. Nêu tình huống phù hợp với thành ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT 5.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm.
- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

(Gợi ý: Cầu được ước thấy: *Em mong được nuôi một chú chó. → Người thân tặng em một chú chó nhỏ nhân dịp sinh nhật.*)

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do thích một câu chuyện

3.1. Viết đoạn văn nêu lí do em thích một câu chuyện

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.
- HS viết đoạn văn vào VBT dựa vào các gợi ý.

3.2. Rà soát, chữa lỗi trong bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu BT 2 vào VBT.

3.3. Chia sẻ đoạn văn trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các gợi ý.
- HS tự đọc và rà soát bài viết của mình, trao đổi theo nhóm đôi về những vấn đề cần sửa chữa (nếu có).
- HS viết lại đoạn cần chữa của bài viết vào VBT (nếu có).

3.4. Trưng bày và bình chọn đoạn văn em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc các gợi ý.
- HS triển lãm đoạn văn bằng kỹ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS bình chọn đoạn văn em thích và giải thích lí do.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng, chia sẻ về giai điệu em nghe được từ những chiếc chuông gió.*
- HS quan sát tranh, ảnh hoặc nghe âm thanh của một vài chiếc chuông gió.
- HS chia sẻ trong nhóm đôi những cảm nhận về giai điệu nghe được hoặc tưởng tượng được từ những chiếc chuông gió.
- 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học và chủ điểm.

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

Tuần “Ôn tập cuối học kì I” tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm “Những người tài trí” và “Những ước mơ xanh”.

TIẾT 1 (SHS, tr. 143)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng, đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- Nhóm 4 hoặc HS bắt thăm, đọc thành tiếng một đoạn và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong bài “Con suối nhỏ”.
- + Phiếu số 1: Đọc đoạn từ đầu đến “Tiếng hát ru thăm thì.” và trả lời câu hỏi: Con suối nhỏ là bạn của những sự vật nào? Vì sao? (Đáp án: *Con suối nhỏ là bạn của nai, thỏ, của hoa thơm, trái lành; là bạn của sương, của gió, của vàng trăng. Vì suối nằm dưới tàn cây xanh ở chân đồi, nơi giao hoà với những loài vật, sự vật trong thiên nhiên.*)
- + Phiếu số 2: Đọc đoạn từ đầu đến “Tiếng hát ru thăm thì.” và trả lời câu hỏi: Hình ảnh con suối nhỏ ở khổ thơ thứ ba có gì đẹp? (Đáp án: *Hình ảnh con suối nhỏ ở khổ thơ thứ ba hiện ra thật đẹp vì nước suối trong và ngọt, âm thanh róc rách như tiếng đàn, khi trầm, khi vút cao.*)
- + Phiếu số 3: Đọc đoạn từ “Tôi là con suối nhỏ/ Trong veo và ngọt ngào” đến hết và trả lời câu hỏi: Con suối nhỏ yêu những gì? Vì sao? (Gợi ý: *Con suối nhỏ yêu cua, yêu cá, yêu tiếng hát ru vì suối chảy men bờ đá, suối chảy qua những ngôi làng, những nếp nhà.*)
- + Phiếu số 4: Đọc đoạn từ “Tôi là con suối nhỏ/ Trong veo và ngọt ngào” đến hết và trả lời câu hỏi: Theo em, suối sẽ kể những gì với biển? (Gợi ý: *Suối sẽ kể với biển về đẹp của con đường mà suối đi qua, về những người bạn suối gặp, về những sự vật suối yêu quý,...*)

– Một số HS thi đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc trước lớp.

- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Chia sẻ về bài đọc

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ, nói về những nơi suối đi qua và những điều thú vị trên đường suối đi.
- 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 2 (SHS, tr. 144)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- 1. Ôn luyện viết chính tả đoạn bài.

2. Ôn luyện viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi bài “Xuân trên đảo Bạch Long Vĩ”.
- Tranh ảnh hoặc video clip về đảo Bạch Long Vĩ (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện viết chính tả

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc chính tả và trả lời câu hỏi về nội dung bài: Quê nhà tác giả có gì đẹp?
→ HS nghe GV lưu ý cách viết hoa tên địa lí.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ để viết bài chính tả.
- HS đổi vở cho bạn để soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2. Ôn luyện viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nhớ lại cách viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức đã học, làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm.

(Đáp án: a. Trường Mầm non Bạch Long Vĩ; b. Trường Trung học Cơ sở Bạch Long Vĩ; c. Trung tâm Văn hoá – Thông tin và Thể thao huyện Bạch Long Vĩ; d. Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. Có thể nhắc lại quy tắc viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức: *Viết hoa tiếng đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng.*

- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 3 (SHS, tr. 145)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện kĩ năng nói về một sự việc đã tham gia.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

HS mang tới lớp một số hình ảnh, audio, video clip ghi lại một kỉ niệm đẹp với gia đình, bạn bè hoặc thầy cô giáo.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện kĩ năng nói về một đề tài

- HS xác định yêu cầu của BT 1, các câu hỏi và hình ảnh gợi ý.
- HS nói trong nhóm dựa vào các câu hỏi và hình ảnh gợi ý:
 - + Đó là kỉ niệm của em với ai?
 - + Điều gì gợi cho em nhớ về kỉ niệm?
 - + Những suy nghĩ, lời nói, việc làm,... nào đáng nhớ?
 - + Ý nghĩa của những suy nghĩ, lời nói, việc làm,... đó đối với em?
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Bình chọn bài nói

- Mỗi nhóm cử 1 HS thi nói trước lớp.
- HS bình chọn bài nói:
 - + Nội dung sâu sắc.
 - + Hình thức sinh động.
 - + Giọng kể lôi cuốn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 4 (SHS, tr. 146)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện về danh từ.
2. Ôn luyện về nhân hoá.
3. Ôn luyện sử dụng từ ngữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT từ câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về danh từ, nhân hoá

- HS xác định yêu cầu của BT 1a và đoạn văn.
- HS trao đổi để làm BT trong nhóm.
- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án:

+ *Danh từ chỉ cây cối: xà cừ, cam, chuối, hồng, cau.*

+ Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên: gió, mây, nắng, mưa.)

Lưu ý: “Bình minh” không phải là danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên, “bình minh” là danh từ chỉ thời gian như “sáng, trưa, chiều, đêm, ngày”.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 1b.
- HS trao đổi để làm BT trong nhóm.
- 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

Đáp án:

<i>Sự vật được nhân hoá</i>	<i>Cách nhân hoá</i>
<i>xà cừ</i>	<i>Gọi bằng từ dùng để gọi người: bác.</i>
<i>chuối, hồng, cau</i>	<i>Tả bằng từ ngữ dùng để tả người: họp mặt, chung sống chan hoà.</i>
<i>gió</i>	<i>Tả bằng từ ngữ dùng để tả người: đi qua, gật gù.</i>
<i>chim</i>	<i>Tả bằng từ ngữ dùng để tả người: tời khen rồi rít/ khen/ khen rồi rít.</i>
<i>đất màu</i>	<i>Tả bằng từ ngữ dùng để tả người: dành.</i>
<i>vườn cây</i>	<i>Tả bằng từ ngữ dùng để tả người: sống thật vui, cùng chia sẻ, ru nhau ngủ, xôn xao.</i>

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.
- HS xác định yêu cầu của BT 1c.
- HS chia sẻ trong nhóm đôi.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ trước lớp. (Gợi ý: Cây cối trong vườn được tả sinh động, cùng chung sống với nhau như họ hàng, hàng xóm láng giềng.)
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2. Ôn luyện sử dụng từ ngữ

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp, có thể tổ chức cho HS chơi *Tiếp sức* để chữa bài. (Đáp án: *khăng khiu, nhủ, êm dịu, sáng bừng, nhen.*)
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3. Ôn luyện sử dụng nhân hoá

- HS xác định yêu cầu của BT 3.

- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp, chỉ ra biện pháp nhân hoá đã sử dụng.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 5 (SHS, tr. 147)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn thuật lại sự việc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Tranh ảnh, video clip một số ngày hội được tổ chức ở trường (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

- HS xác định yêu cầu và đọc các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để nhớ lại ngày hội:
 - + Đó là ngày hội nào?
 - + Ngày hội có những hoạt động gì?
 - + Em ấn tượng với hoạt động nào nhất? Vì sao?
 - + Ngày hội kết thúc như thế nào?
 - + Cảm xúc của mọi người khi tham gia ngày hội như thế nào?
- HS viết bài văn vào VBT.
- HS chia sẻ bài viết trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.
- 1 – 2 HS chia sẻ bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết tiết ôn tập.

TIẾT 6 và tiết 7 (SHS, tr. 148 – 149)

ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài “Những hạt thóc giống”.
2. Viết thư cho thầy giáo hoặc cô giáo cũ để thăm hỏi và kể về việc học tập của em hoặc viết bài văn kể lại một câu chuyện đã nghe, đã đọc về tình bạn hoặc tình cảm gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Nội dung đánh giá định kì in trên giấy (dạng phiếu) hoặc HS thực hiện vào VBT.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Đánh giá kĩ năng đọc

– HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động đọc hiểu văn bản “Những hạt thóc giống”:

+ HS đọc thầm văn bản “Những hạt thóc giống” và tìm hiểu nghĩa một số từ khó (nếu cần).

+ HS thực hiện các câu hỏi, BT đọc hiểu, có thể làm vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

(Đáp án:

a. Ai thu được nhiều thóc nhất sẽ được truyền ngôi.

b. Thóc giống đã được lược kĩ.

c. Vì ai cũng muốn nói ngôi vua.

d. Vì Chôm là chú bé trung thực.

e. sững sờ

g. thật thà

h. Vì Chôm là người duy nhất dám nói lên sự thật.

i. HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. (Gợi ý: Vì Chôm là người trung thực, dũng cảm, sẽ đem lại công bằng và nhiều điều tốt đẹp cho dân chúng.)

k. HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. (Gợi ý: Chú bé trung thực, Chú bé dũng cảm,...)

l. HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. (Gợi ý: Chôm thật đáng khen vì đã dũng cảm nói sự thật.)

B. Đánh giá kĩ năng viết

HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung đánh giá kĩ năng viết qua hoạt động viết:

– HS đọc các đề bài và chọn đề bài sẽ thực hiện.

– HS suy nghĩ để tìm ý cho bài viết.

– HS viết bài vào phiếu đánh giá hoặc VBT.

Lưu ý: Việc GV đánh giá kết quả bài làm của HS được thực hiện ngoài giờ học, theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ THU TRANG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ THU TRANG – NGUYỄN TÔ TƯỜNG VY

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép,
lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng
văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 4 TẬP MỘT – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G2HG4V002M23

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 10-2023/CXBIPH/52-2157/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

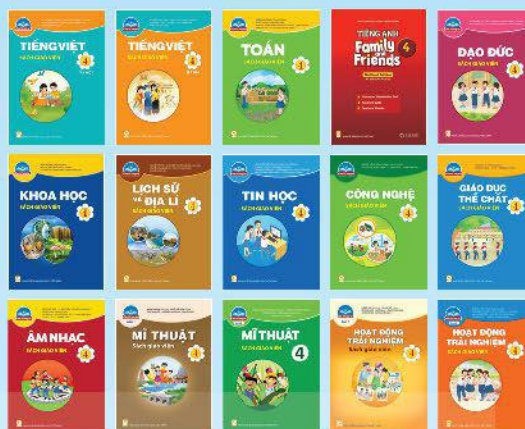
In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-35254-5

Tập hai: 978-604-0-35255-2



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 4 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 8. TIN HỌC 4
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 4 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 9. CÔNG NGHỆ 4
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 4
Sách giáo viên | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 4
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 4 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide | 11. ÂM NHẠC 4
Sách giáo viên |
| 5. ĐẠO ĐỨC 4
Sách giáo viên | 12. MĨ THUẬT 4 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 6. KHOA HỌC 4
Sách giáo viên | 13. MĨ THUẬT 4 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
Sách giáo viên | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 2)
Sách giáo viên |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-35254-5



9 786040 352545

Giá: đ